

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI**



ĐỀ ÁN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã ngành: 8380107

**HỢP ĐỒNG GIA CÔNG TRONG LĨNH VỰC MAY MẶC THEO
PHÁP LUẬT VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HỒ GƯƠM**

KHUẤT THỊ LIÊN

Hà Nội – 2025

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI**



ĐỀ ÁN THẠC SĨ

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã ngành: 8380107

**HỢP ĐỒNG GIA CÔNG TRONG LĨNH VỰC MAY MẶC THEO
PHÁP LUẬT VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN THỰC HIỆN TẠI CÔNG
TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HỒ GƯƠM**

HỌC VIÊN: KHUẤT THỊ LIÊN

GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN: TS. HỒ NGỌC HIỀN

TS. TRẦN THỊ THÚY

Hà Nội - 2025

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đề tài đề án này, tôi đã nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của các cá nhân, tập thể trong và ngoài trường.

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô Trường Đại học Mở Hà Nội đã tận tình giảng dạy và truyền đạt kiến thức các môn học cho tôi trong thời gian tôi học tập và nghiên cứu để hoàn thành chương trình đào tạo Thạc sĩ Luật kinh tế.

Đồng thời, tôi xin được bày tỏ lòng biết ơn tới TS. Hồ Ngọc Hiền và TS. Trần Thị Thúy đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn để tôi hoàn thành đề tài nghiên cứu của mình.

Tôi xin được cảm ơn các cô, các chú, các anh, các chị đang công tác tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm đã hướng dẫn và tạo điều kiện cho tôi trong suốt thời gian nghiên cứu tại đơn vị giúp tôi tiếp nhận được thông tin cũng như thu được những số liệu thực tế về các vấn đề liên quan để hoàn thành đề tài đề án tốt nghiệp thạc sĩ này.

Trong quá trình thực hiện đề tài, còn có những hạn chế chủ quan và khách quan, do đó không tránh khỏi những thiếu sót, tôi rất mong nhận được sự nhận xét và đóng góp ý kiến của các thầy, cô giáo và độc giả để đề tài được hoàn thiện và có tính khả thi hơn nữa.

Xin chân thành cảm ơn!

LỜI CAM ĐOAN
CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC
MỞ HÀ NỘI

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi và được sự hướng dẫn khoa học của TS. Hồ Ngọc Hiến và TS. Trần Thị Thúy. Các nội dung nghiên cứu, kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa công bố bất kỳ hình thức nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét, đánh giá cũng như số liệu của các tác giả khác, cơ quan tổ chức khác đều có trích dẫn và chú thích nguồn gốc.

Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung đề án của mình.

Hà Nội, ngày.....tháng..... năm 2025

Tác giả

(Ký ghi rõ họ tên)

Khuất Thị Liên

Người hướng dẫn khoa học: HDKH 1: TS. Hồ Ngọc Hiến

HDKH2: TS. Trần Thị Thúy

Cán bộ phản biện 1:PGS.TS Ngô Quốc Chiến

Cán bộ phản biện 2:TS. Phạm Hùng Cường

Đề án thạc sĩ được bảo vệ tại HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ ĐỀ ÁN THẠC SĨ TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI, ngày 14 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định số 4270/QĐ-ĐHM ngày 04/12/2025

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Từ viết đầy đủ
1	BLDS	Bộ Luật Dân sự
2	BLTTDS	Bộ Luật Tố tụng dân sự
3	CP	Chính phủ
4	LTM	Luật Thương mại
5	NQ	Nghị quyết
6	NXB	Nhà xuất bản
7	TT	Thông tư
8	TW	Trung ương

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	3
LỜI CAM ĐOAN.....	4
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	3
MỤC LỤC	4
DANH MỤC BẢNG	7
DANH MỤC HÌNH VẼ, SƠ ĐỒ	8
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài đề án	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài đề án.....	3
3. Mục tiêu của đề án.....	5
4. Đối tượng và phạm vi thực hiện đề án.....	6
5. Phương pháp nghiên cứu, xử lý số liệu.....	7
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn.....	8
7. Kết cấu của đề án	9
CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ HỢP ĐỒNG GIA CÔNG VÀ THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG GIA CÔNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	11
1.1. Khái quát về hợp đồng gia công	11
1.1.1. Khái niệm hợp đồng gia công.....	11
1.1.2. Đặc điểm pháp lý của hợp đồng gia công.....	13
1.1.3. Vai trò của hợp đồng gia công trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh.....	16
1.2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về hợp đồng gia công	17
1.2.1. Nguồn luật điều chỉnh hợp đồng gia công	17

1.2.2.	Giao kết hợp đồng gia công	18
1.2.3.	Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng gia công	21
1.2.4.	Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng gia công.....	24
1.2.5.	Thực hiện hợp đồng gia công và chế tài do vi phạm hợp đồng gia công....	27
1.3.	Pháp luật một số quốc gia về hợp đồng gia công và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	29
1.3.1.	Quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng gia công tại Trung Quốc	29
1.3.2.	Quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng gia công tại Ấn Độ.....	30
	Tiểu kết chương 1	32
	CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN GIAO KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG GIA CÔNG TRONG LĨNH VỰC MAY MẶC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HỒ GƯƠM	33
2.1.	Khái quát về Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm và hoạt động gia công trong lĩnh vực may mặc tại công ty.....	33
2.1.1.	Giới thiệu khái quát về Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm.....	33
2.1.2.	Đặc điểm hoạt động gia công may mặc tại Công ty	36
2.1.3.	Quy trình ký kết và thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty	38
2.2.	Thực tiễn giao kết và thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm.....	40
2.2.1.	Đặc điểm và quy trình đàm phán, ký kết hợp đồng	40
2.2.2.	Thực tiễn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của các bên	48
2.2.3.	Các tranh chấp phát sinh và phương thức giải quyết tranh chấp.....	63
2.3.	Đánh giá thực tiễn thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm.....	72
2.3.1.	Kết quả đạt được, ưu điểm.....	72

2.3.2.	Những tồn tại, hạn chế	73
2.3.3.	Nguyên nhân của những hạn chế	74
Tiểu kết chương 2.....		78
CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG GIA CÔNG TRONG		79
3.1.	Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc	79
3.1.1.	Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia công trong bối cảnh hội nhập	79
3.1.2.	Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia công	80
3.2.	Các giải pháp nâng cao hiệu quả ký kết và thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm	83
3.2.1.	Hoàn thiện nội dung hợp đồng, đàm phán và ký kết.....	83
3.2.2.	Tăng cường quản lý, thực thi hợp đồng	84
3.2.3.	Nâng cao kỹ năng pháp lý, năng lực nhân sự của Công ty	85
3.3.	Kiến nghị đối với Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.....	86
3.3.1.	Kiến nghị với Bộ Công thương, Bộ Nội vụ	86
3.3.2.	Kiến nghị với Hiệp hội Dệt may Việt Nam	87
Tiểu kết chương 3.....		89
KẾT LUẬN		90
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....		91

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Đặc điểm nguồn nhân lực Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm giai đoạn 2022–2024	38
Bảng 2.2. Kết quả hoạt động gia công may mặc tại Công ty Hồ Gươm giai đoạn 2022–2024	40
Bảng 2.3. Thống kê hoạt động ký kết hợp đồng gia công tại Tập đoàn Hồ Gươm giai đoạn 2022–2024	45
Bảng 2.4. Thống kê quy trình đàm phán và ký kết hợp đồng giai đoạn 2022–2024	50
Bảng 2.5. Thực hiện nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu và thiết kế kỹ thuật giai đoạn 2022–2024	52
Bảng 2.6. Hoạt động giám sát của bên đặt gia công giai đoạn 2022–2024	56
Bảng 2.7. Tình hình thực hiện nghĩa vụ sản xuất đúng mẫu mã, tiêu chuẩn kỹ thuật giai đoạn 2022–2024	59
Bảng 2.8. Thực trạng bảo quản và hoàn trả nguyên liệu, bán thành phẩm giai đoạn 2022–2024	62
Bảng 2.9. Thực trạng thanh toán thù lao và chi phí phát sinh hợp lý giai đoạn 2022–2024	64
Bảng 2.10. Số liệu tranh chấp gia công giai đoạn 2022–2024.....	69
Bảng 2.11. Tình hình tranh chấp và phương thức giải quyết tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm giai đoạn 2022–2024.....	73

DANH MỤC HÌNH VẼ, SƠ ĐỒ

Hình 2.1. Bộ máy tổ chức của Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm	37
Hình 2.2. Quy trình ký kết và thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty	43
Hình 2.3. Biểu đồ thống kê hoạt động ký kết hợp đồng gia công.....	47
giai đoạn 2022 - 2024	47
Hình 2.4. Tình hình tranh chấp hợp đồng gia công giai đoạn 2022–2024.....	75

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc thực hiện đề tài đề án

Kể từ khi nước ta hội nhập kinh tế quốc tế, ngành dệt may luôn giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. Đây là một trong những ngành mũi nhọn, đóng góp lớn vào kim ngạch xuất khẩu và tạo công ăn việc làm cho hàng triệu lao động trên cả nước. Trong đó, hoạt động gia công may mặc (hay còn gọi là gia công xuất khẩu) đã trở thành phương thức sản xuất chủ yếu, đặc biệt phổ biến ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phù hợp với năng lực quản lý và nguồn lực tài chính. Hợp đồng gia công vì thế giữ vị trí là công cụ pháp lý thiết yếu, đóng vai trò là cơ sở xác lập và thực hiện quan hệ hợp tác giữa bên đặt gia công và bên nhận gia công, nhằm bảo đảm quyền, nghĩa vụ của các bên, đồng thời hạn chế những rủi ro pháp lý có thể phát sinh.

Có thể thấy, xu hướng kinh tế gia công trong thương mại quốc tế ngày càng phát triển mạnh. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, gần như không có quốc gia nào có thể tự mình đảm nhận toàn bộ các công đoạn của quá trình sản xuất một sản phẩm hoàn chỉnh. Thay vào đó, chuỗi giá trị toàn cầu được hình thành, trong đó mỗi quốc gia, mỗi doanh nghiệp đảm nhận một hoặc một vài công đoạn phù hợp với lợi thế so sánh của mình, từ thiết kế, gia công, lắp ráp cho đến phân phối. Chính vì vậy, gia công may mặc không chỉ là một phương thức sản xuất mang tính tạm thời, mà đã trở thành xu thế tất yếu của phân công lao động quốc tế, đồng thời mở ra cơ hội hội nhập sâu rộng cho các doanh nghiệp dệt may Việt Nam.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, hợp đồng gia công trong ngành may mặc đang bộc lộ nhiều vướng mắc, bất cập. Trước hết, do tính chất phức tạp của hoạt động gia công bao gồm nhiều công đoạn (cắt, may, hoàn thiện sản phẩm) và gắn liền với quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu nguyên liệu, nên việc soạn thảo, ký kết, thực hiện hợp đồng gia công gặp không ít khó khăn. Quy định pháp luật Việt Nam về hợp đồng gia công (chủ yếu tại Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Thương mại 2005) có tính chất khung, chưa cụ thể hóa cho lĩnh vực đặc thù như may mặc. Bên cạnh đó, hợp đồng gia công thường được ký kết với các đối tác nước ngoài hoặc các công ty lớn trong nước, dẫn đến những bất cập trong việc áp dụng tập quán thương mại quốc tế và các điều khoản

về quản lý chất lượng, giao hàng, thanh toán, giải quyết tranh chấp. Điều này đã khiến nhiều doanh nghiệp, trong đó có Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm – một đơn vị tiêu biểu trong lĩnh vực may mặc – gặp phải không ít rủi ro khi triển khai hoạt động gia công.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực may mặc, có quy mô lớn và mạng lưới khách hàng rộng khắp, đã tham gia ký kết và thực hiện nhiều hợp đồng gia công, đặc biệt là với các đối tác nước ngoài. Tuy nhiên, thực tiễn tại doanh nghiệp cho thấy, việc thực hiện pháp luật về hợp đồng gia công vẫn còn một số hạn chế, vướng mắc. Các điều khoản về tiêu chuẩn chất lượng, quy trình kiểm tra sản phẩm, quyền sở hữu nguyên liệu, xử lý vi phạm hợp đồng... chưa được quy định chi tiết trong pháp luật, dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện hoặc thiệt hại đáng kể về kinh tế.

Bên cạnh đó, trong xu thế hội nhập, Việt Nam đã tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trong đó có các quy định, cam kết về minh bạch hóa, thuận lợi hóa thương mại, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp gia công may mặc, trong đó có Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm, phải không ngừng nâng cao năng lực quản lý hợp đồng, đảm bảo tuân thủ các chuẩn mực quốc tế về quyền và nghĩa vụ của các bên, trách nhiệm môi trường và lao động. Điều này càng cho thấy việc nghiên cứu, làm rõ cơ sở pháp lý và thực tiễn thực hiện hợp đồng gia công là yêu cầu cấp thiết, nhằm giúp doanh nghiệp vừa tuân thủ đúng pháp luật Việt Nam, vừa đáp ứng các yêu cầu quốc tế.

Ngoài ra, thực tiễn xử lý tranh chấp hợp đồng gia công tại Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm và nhiều doanh nghiệp may mặc khác cho thấy, các vụ việc thường liên quan đến: chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu, vi phạm tiến độ giao hàng, vi phạm cam kết về tiêu chuẩn lao động và môi trường, tranh chấp về quyền sở hữu nguyên liệu và thành phẩm. Tuy nhiên, nhiều trường hợp, do hợp đồng chưa được soạn thảo chặt chẽ, dẫn đến việc doanh nghiệp không đủ căn cứ pháp lý để bảo vệ quyền lợi của mình hoặc phải chấp nhận nhượng bộ bất lợi. Việc nghiên cứu đề tài sẽ góp phần xây dựng các giải pháp cụ thể, thiết thực để hoàn thiện nội dung hợp

đồng, đảm bảo phòng ngừa tranh chấp và nâng cao năng lực đàm phán, ký kết hợp đồng của doanh nghiệp.

Ngoài giá trị thực tiễn nêu trên, đề tài còn có ý nghĩa lý luận quan trọng. Việc phân tích các quy định của pháp luật hiện hành về hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc, từ đó đối chiếu với thực tiễn tại Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm, sẽ làm rõ những bất cập, hạn chế của pháp luật và đề xuất hướng hoàn thiện. Đây không chỉ là cơ sở để các doanh nghiệp vận dụng hiệu quả pháp luật trong thực tiễn, mà còn cung cấp luận cứ khoa học giúp các cơ quan nhà nước nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện khung pháp luật, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn cấp thiết của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm, từ những vướng mắc pháp lý trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công và từ nhu cầu hoàn thiện hành lang pháp lý đồng bộ, việc nghiên cứu đề tài ***“Hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn thực hiện tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm”*** là cần thiết, vừa có giá trị lý luận, vừa có giá trị thực tiễn sâu sắc.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài đề án

Trong quá trình nghiên cứu về hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc, đã có nhiều công trình khoa học và luận văn, luận án nghiên cứu liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến đề tài. Các công trình này đã góp phần làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản, phân tích thực tiễn thực hiện hợp đồng gia công trong ngành may mặc, cũng như đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện hợp đồng gia công tại doanh nghiệp. Một số công trình tiêu biểu có thể kể đến như sau:

Luận án Tiến sĩ Luật học “Hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia công trong thương mại quốc tế” của TS. Nguyễn Văn Hùng (Học viện Khoa học xã hội, 2018): Luận án tập trung làm rõ cơ sở lý luận về hợp đồng gia công trong thương mại quốc tế và phân tích khung pháp luật Việt Nam hiện hành trong lĩnh vực này. Tác giả đã so sánh quy định của Việt Nam với pháp luật một số quốc gia, chỉ ra những hạn chế, bất cập, đồng thời đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam để phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Luận án cũng nhấn mạnh vai trò của hợp đồng gia

công trong ngành may mặc xuất khẩu – lĩnh vực chịu nhiều tác động từ hội nhập kinh tế quốc tế.

Luận văn Thạc sĩ Luật học “Pháp luật về hợp đồng gia công trong thương mại – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn” của Nguyễn Thị Mai (Đại học Luật Hà Nội, 2016): Luận văn này phân tích chi tiết các quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại Việt Nam về hợp đồng gia công, tập trung vào các điều khoản chủ yếu như quyền, nghĩa vụ của các bên, trách nhiệm bồi thường thiệt hại và quy định về chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, tác giả đã khảo sát thực tiễn tại một số doanh nghiệp, từ đó nhận diện các hạn chế và vướng mắc khi áp dụng pháp luật trong thực tiễn thực hiện hợp đồng gia công.

Đề tài nghiên cứu khoa học “Giải quyết tranh chấp trong hợp đồng gia công tại các doanh nghiệp may mặc Việt Nam” của Nguyễn Văn Tuấn (Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019): Đề tài này tập trung nghiên cứu các tranh chấp phát sinh trong thực tiễn thực hiện hợp đồng gia công tại các doanh nghiệp may mặc, như tranh chấp về chất lượng sản phẩm, tiến độ giao hàng, sở hữu nguyên liệu và thanh toán. Tác giả đã khảo sát và phân tích các vụ việc tranh chấp điển hình, qua đó đưa ra những kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp trong hợp đồng gia công, đồng thời hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan.

Báo cáo chuyên đề “Hoạt động gia công trong ngành may mặc Việt Nam – Thực trạng và giải pháp phát triển” của Viện Nghiên cứu Thương mại, Bộ Công Thương (2020): Báo cáo cung cấp bức tranh tổng thể về thực trạng hoạt động gia công trong ngành may mặc, từ số lượng doanh nghiệp, kim ngạch xuất khẩu đến các khó khăn, thách thức mà các doanh nghiệp gặp phải trong thực tiễn ký kết và thực hiện hợp đồng gia công. Báo cáo đã phân tích sâu các vấn đề liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu pháp lý và năng lực quản lý hợp đồng của các doanh nghiệp may mặc, đồng thời đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành.

Sách chuyên khảo “Hợp đồng thương mại – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn” của GS.TS. Nguyễn Minh Tuấn (NXB Chính trị Quốc gia, 2017): Cuốn sách trình bày có hệ thống các loại hợp đồng thương mại, trong đó có hợp đồng gia công.

Tác giả đã phân tích cơ sở pháp lý và thực tiễn áp dụng, chỉ ra những điểm bất cập trong quy định về hợp đồng gia công, đồng thời đề xuất một số hướng hoàn thiện. Cuốn sách là tài liệu tham khảo có giá trị cho các nghiên cứu liên quan đến hợp đồng gia công.

Báo cáo “Ngành may mặc Việt Nam: Cơ hội và thách thức trong hoạt động gia công” của Hiệp hội Dệt May Việt Nam (VITAS, 2021): Báo cáo phân tích toàn diện cơ hội và thách thức của ngành may mặc Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng. Đặc biệt, báo cáo đã chỉ ra vai trò then chốt của hợp đồng gia công trong hoạt động xuất khẩu hàng may mặc, đồng thời nhận diện những rủi ro pháp lý tiềm ẩn và nhu cầu hoàn thiện hợp đồng gia công để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế.

Luận văn Thạc sĩ “Quản lý rủi ro pháp lý trong hợp đồng gia công hàng may mặc tại doanh nghiệp” của Lê Hoàng Nam (Đại học Thương mại, 2021): Luận văn tập trung nghiên cứu các rủi ro pháp lý trong hợp đồng gia công hàng may mặc, như rủi ro về sở hữu nguyên liệu, quyền sở hữu trí tuệ, vi phạm điều khoản hợp đồng và các biện pháp chế tài. Tác giả đã tiến hành khảo sát tại một số doanh nghiệp may mặc lớn, qua đó đưa ra các kiến nghị thiết thực về quản lý rủi ro pháp lý trong hợp đồng gia công.

Báo cáo thực tiễn “Thực tiễn thực hiện hợp đồng gia công hàng may mặc tại Công ty May 10” của Công đoàn Công ty May 10 (2020): Báo cáo nêu bật những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty May 10, như vấn đề đảm bảo chất lượng sản phẩm, bảo quản nguyên liệu, thực hiện đúng tiến độ và giải quyết tranh chấp với khách hàng. Báo cáo đã đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường hiệu quả thực hiện hợp đồng và tuân thủ các quy định pháp luật.

3. Mục tiêu của đề án

3.1. Mục tiêu tổng quát

Đề án nghiên cứu đề tài nhằm làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc theo pháp luật Việt Nam, trên cơ sở thực tiễn thực hiện tại Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm. Từ đó, đề án đề xuất

các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc tại doanh nghiệp.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa và làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc, bao gồm khái niệm, đặc điểm, nội dung và vai trò của hợp đồng gia công theo pháp luật Việt Nam.

- Phân tích, đánh giá thực tiễn ký kết và thực hiện hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc tại Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm, làm rõ những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

- Đề xuất các kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc và nâng cao hiệu quả thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm nói riêng, cũng như tại các doanh nghiệp may mặc khác ở Việt Nam nói chung.

4. Đối tượng và phạm vi thực hiện đề án

4.1. Đối tượng thực hiện đề án

Đối tượng nghiên cứu của đề án là các vấn đề lý luận và các quy định pháp luật hiện hành về hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc theo pháp luật Việt Nam; các vấn đề thực tiễn phát sinh trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm; và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện hợp đồng gia công trong ngành may mặc.

4.2. Phạm vi thực hiện đề án

- *Phạm vi nội dung:*

- + Đề án tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam về hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc (chủ yếu trong Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005 và các văn bản hướng dẫn liên quan);

- + Phân tích thực tiễn thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm;

- + Đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật cũng như nâng cao hiệu quả thực hiện hợp đồng tại doanh nghiệp.

- *Phạm vi không gian*: Đề tài được nghiên cứu chủ yếu tại Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm.

- *Phạm vi thời gian*: Đề án chủ yếu khảo sát và phân tích số liệu, tài liệu thực tiễn tại Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm giai đoạn 2022 – 2024, các vụ việc năm 2025, các giải pháp và kiến nghị đến năm 2030.

5. Phương pháp nghiên cứu, xử lý số liệu

5.1. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài, các phương pháp nghiên cứu được sử dụng một cách linh hoạt và kết hợp với nhau nhằm đảm bảo tính khách quan và khoa học, cụ thể gồm:

Phương pháp phân tích, tổng hợp: Phương pháp này được sử dụng để phân tích các khái niệm, đặc điểm, nội dung của hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc; phân tích các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam và các văn bản pháp luật quốc tế có liên quan. Bên cạnh đó, phương pháp tổng hợp giúp hệ thống hóa các quan điểm khoa học, kết quả nghiên cứu của các công trình, từ đó làm rõ những vấn đề lý luận nền tảng của đề tài.

Phương pháp thống kê: Sử dụng các số liệu thống kê về hoạt động gia công, kim ngạch xuất khẩu, số vụ tranh chấp, kết quả thực hiện hợp đồng tại Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm trong giai đoạn nghiên cứu để phục vụ cho việc phân tích, đánh giá thực tiễn.

5.2. Phương pháp xử lý số liệu

Các số liệu, thông tin thu thập được từ quá trình nghiên cứu lý luận, khảo sát thực tiễn và điều tra xã hội học sẽ được xử lý bằng các bước như sau:

Thu thập và phân loại số liệu: Thu thập các số liệu, thông tin từ các nguồn: báo cáo nội bộ của Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm, báo cáo ngành may mặc, số liệu từ Hiệp hội Dệt may Việt Nam, cũng như các dữ liệu từ phỏng vấn và khảo sát thực tiễn. Sau đó, tiến hành phân loại thành các nhóm: số liệu về quy mô sản xuất, số liệu về ký kết hợp đồng, số liệu về tranh chấp phát sinh và số liệu về hiệu quả kinh doanh.

Phân tích và xử lý dữ liệu: Sử dụng các phương pháp phân tích thống kê cơ bản (như tần suất, tỷ lệ, trung bình cộng) để xử lý các số liệu định lượng. Đối với các thông tin định tính, sử dụng phương pháp phân tích nội dung, phương pháp logic để rút ra các kết luận, nhận xét khách quan.

Đánh giá và liên kết số liệu với cơ sở lý luận: Các số liệu, thông tin sau khi xử lý sẽ được liên kết chặt chẽ với khung lý luận của đề tài, từ đó làm rõ tính phù hợp, khả năng áp dụng thực tiễn và những vấn đề pháp lý đặt ra.

Trình bày kết quả một cách khoa học, có hệ thống: Các số liệu và kết quả xử lý sẽ được minh họa bằng các bảng, biểu đồ, sơ đồ (nếu cần thiết) để nâng cao tính trực quan, dễ hiểu, phục vụ cho việc phân tích và luận giải trong các chương tiếp theo của đề án.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Về mặt ý nghĩa khoa học, đề tài góp phần bổ sung và làm phong phú thêm cơ sở lý luận về hợp đồng gia công trong pháp luật dân sự và thương mại Việt Nam, làm rõ tính đặc thù của hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc – một ngành có tỷ lệ hợp đồng xuất khẩu lớn, nhiều yếu tố đặc thù liên quan đến gia công quốc tế, quy tắc xuất xứ và nghĩa vụ thuế quan. Bên cạnh đó, đề tài cũng giúp làm rõ mối quan hệ

giữa luật nội địa và các điều ước quốc tế liên quan, từ đó đóng góp cho việc xây dựng một khung pháp lý minh bạch, đồng bộ hơn.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn và khả năng ứng dụng

Ngoài ý nghĩa khoa học, đề tài còn mang lại giá trị thực tiễn sâu sắc. Thông qua việc phân tích, đánh giá thực tiễn ký kết và thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm – một doanh nghiệp tiêu biểu trong lĩnh vực may mặc, đề tài đã chỉ rõ những vấn đề tồn tại, khó khăn và vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng. Cụ thể, đề tài làm rõ các vấn đề như: các điều khoản hợp đồng còn thiếu tính chặt chẽ, việc giải quyết tranh chấp hợp đồng còn nhiều bất cập, sự thiếu đồng bộ giữa các quy định pháp luật điều chỉnh, cũng như hạn chế về mặt năng lực thực hiện hợp đồng của các bên tham gia.

Kết quả nghiên cứu có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực gia công may mặc khi thiết lập, đàm phán và thực hiện hợp đồng gia công đúng quy định pháp luật, hạn chế rủi ro pháp lý và tranh chấp. Đồng thời, các khuyến nghị trong đề tài có thể hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong việc hoàn thiện cơ chế quản lý, kiểm tra và giám sát hoạt động gia công, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế sâu rộng và tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Ngoài ra, kết quả nghiên cứu của đề tài còn có thể là tài liệu tham khảo hữu ích cho các nhà quản lý doanh nghiệp, các luật sư, chuyên gia tư vấn pháp lý và sinh viên chuyên ngành Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh. Những phân tích và kiến nghị của đề tài có thể được ứng dụng trong thực tiễn quản lý, điều hành và trong giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo

7. Kết cấu của đề án

Ngoài phần mục lục, danh mục các hình, các bảng, phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, đề án gồm 3 chương chính như sau:

Chương 1: Khái quát về hợp đồng gia công và thực trạng pháp luật về hợp đồng gia công ở Việt Nam hiện nay

Chương 2: Thực tiễn giao kết và thực hiện hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc tại Công ty cổ phần tập đoàn Hồ Gươm

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc tại Công ty cổ phần tập đoàn Hồ Gươm

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ HỢP ĐỒNG GIA CÔNG VÀ THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG GIA CÔNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

1.1. Khái quát về hợp đồng gia công

1.1.1. Khái niệm hợp đồng gia công

“Hợp đồng gia công là một loại hợp đồng dân sự hoặc thương mại, trong đó bên nhận gia công (thường là một tổ chức hoặc cá nhân có đủ năng lực kỹ thuật, thiết bị và nhân lực) thực hiện việc sản xuất, chế biến, lắp ráp một sản phẩm hoặc một bộ phận sản phẩm theo yêu cầu cụ thể của bên đặt gia công. Yêu cầu này bao gồm các yếu tố như chủng loại, số lượng, chất lượng, mẫu mã, quy trình công nghệ hoặc nguyên liệu, có thể do bên đặt gia công cung cấp hoặc bên nhận gia công tự lo liệu theo thỏa thuận. Hợp đồng gia công thường được sử dụng phổ biến trong các lĩnh vực như dệt may, da giày, điện tử, cơ khí, thực phẩm và hóa mỹ phẩm, nơi mà một bên không trực tiếp sản xuất nhưng có nhu cầu sở hữu sản phẩm mang thương hiệu hoặc tiêu chuẩn riêng. Hợp đồng này thể hiện rõ quyền và nghĩa vụ của hai bên liên quan, đặc biệt là về thời hạn thực hiện, nghĩa vụ bảo mật thông tin kỹ thuật và trách nhiệm về chất lượng sản phẩm.

Theo *Từ điển Tiếng Việt*, “gia công” được hiểu là “làm thêm các công đoạn chế biến trên nguyên liệu hoặc bán thành phẩm để tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh theo yêu cầu”. Từ góc độ kinh tế học, gia công hàng hóa là một phương thức sản xuất trong đó một bên sử dụng nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị... (có thể do bên đặt gia công cung cấp hoặc tự mua sắm) để thực hiện việc chế biến, tạo ra sản phẩm theo yêu cầu kỹ thuật và mẫu mã đã thỏa thuận. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, gia công là hình thức “thuê ngoài” (outsourcing) phổ biến trong nền kinh tế toàn cầu, phản ánh xu thế phân công lao động quốc tế.

Ở phương diện pháp lý, gia công hàng hóa được xem như một dạng hoạt động thương mại đặc thù. Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *“Hợp đồng gia công là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên nhận gia công thực hiện công việc để tạo ra sản phẩm theo yêu cầu của bên đặt gia công, bên đặt gia công nhận sản phẩm và trả*

tiền công” (Điều 542). Còn Luật Thương mại 2005 cũng dành một mục riêng để quy định về hoạt động gia công trong thương mại, trong đó nhấn mạnh quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Theo Điều 128 Luật Thương mại năm 1997, gia công là hành vi thương mại, theo đó bên nhận gia công thực hiện việc gia công hàng hoá theo yêu cầu, bằng nguyên liệu, vật liệu của bên đặt gia công để hưởng tiền gia công; bên đặt gia công nhận hàng hoá đã gia công để kinh doanh thương mại và phải trả tiền gia công cho bên nhận gia công. Đến Luật Thương mại năm 2005, khái niệm này được đưa ra ngắn gọn hơn: “Gia công trong thương mại là hoạt động thương mại, theo đó bên nhận gia công sử dụng một phần hoặc toàn bộ nguyên liệu, vật liệu của bên đặt gia công để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn trong quá trình sản xuất theo yêu cầu của bên đặt gia công để hưởng thù lao gọi là phí gia công”.

Như vậy, từ các quy định trên có thể hiểu gia công là việc một bên (gọi là bên nhận gia công) nhận nguyên vật liệu của một bên khác (gọi là bên đặt gia công) để thực hiện những hành vi cụ thể theo yêu cầu và chỉ dẫn của bên đặt gia công đồng thời được nhận thù lao tương ứng gọi là phí gia công.

Có thể thấy rằng, gia công là hoạt động sản xuất gắn liền với hoạt động tiêu thụ hàng hóa, bên đặt hàng là người cung cấp nguyên vật liệu đồng thời cũng chịu trách nhiệm tiêu thụ sản phẩm.

- Đây là hoạt động kinh doanh sử dụng nhiều lao động bởi vì thông thường sản phẩm gia công là những sản phẩm đòi hỏi trình độ công nghệ trung bình và bao gồm nhiều công đoạn thủ công.

- Bên đặt gia công cung cấp nguyên vật liệu cho bên nhận gia công nên bên nhận gia công chỉ việc sản xuất ra sản phẩm theo đúng mẫu và bằng chính nguyên vật liệu được cung cấp từ bên đặt gia công. Đây là một đặc điểm khá đặc trưng của hoạt động gia công.

- Với một số trường hợp bên đặt gia công cung cấp máy móc thiết bị cho bên nhận gia công với hình thức thông qua hợp đồng mượn hoặc thuê máy móc thiết bị

thì khi hết thời hạn gia công bên nhận gia công có trách nhiệm xuất trả lại cho bên đặt gia công

Bộ luật Dân sự Việt Nam các năm 1995, 2005 hay 2015 đều không đưa ra khái niệm “gia công” mà đưa ra khái niệm “hợp đồng gia công”. Hợp đồng gia công là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên nhận gia công thực hiện công việc để tạo ra sản phẩm theo yêu cầu của bên đặt gia công, bên đặt gia công nhận sản phẩm và trả tiền công.

Phân biệt hợp đồng gia công với hợp đồng mua bán

Về mặt pháp lý, hợp đồng gia công và hợp đồng mua bán là hai loại hợp đồng có bản chất khác nhau, mặc dù trong thực tiễn giao kết, đặc biệt là trong các giao dịch có yếu tố nước ngoài, hai loại hợp đồng này thường dễ bị nhầm lẫn. Hợp đồng gia công là sự thỏa thuận theo đó bên nhận gia công thực hiện công việc sản xuất, chế biến theo yêu cầu của bên đặt gia công và nhận thù lao, trong khi quyền sở hữu đối với nguyên vật liệu chủ yếu và sản phẩm gia công thường thuộc về bên đặt gia công. Ngược lại, hợp đồng mua bán là sự thỏa thuận mà theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận tiền thanh toán, với trọng tâm của hợp đồng là việc chuyển giao hàng hóa như một đối tượng độc lập của giao dịch.

Điểm khác biệt cốt lõi giữa hai loại hợp đồng nằm ở mục đích chính của quan hệ hợp đồng và chế độ sở hữu đối với hàng hóa. Trong hợp đồng gia công, mục đích chủ yếu là thực hiện một dịch vụ sản xuất theo đặt hàng, còn sản phẩm chỉ là kết quả của hoạt động gia công. Trong khi đó, ở hợp đồng mua bán, việc chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa là mục đích trung tâm, còn các công đoạn sản xuất (nếu có) chỉ mang tính hỗ trợ cho việc hình thành hàng hóa bán ra thị trường. Bên cạnh đó, phương thức thanh toán cũng thể hiện sự khác biệt rõ rệt: hợp đồng gia công thanh toán bằng tiền công gia công, còn hợp đồng mua bán thanh toán bằng giá hàng hóa.

1.1.2. Đặc điểm pháp lý của hợp đồng gia công

Thứ nhất, hợp đồng gia công là hợp đồng song vụ và có đền bù. Điều này có nghĩa là cả hai bên trong hợp đồng đều có quyền và nghĩa vụ tương hỗ: bên nhận gia công phải thực hiện việc gia công sản phẩm theo đúng yêu cầu về mẫu mã, chất lượng,

số lượng, thời hạn,... mà bên đặt gia công đã thỏa thuận; ngược lại, bên đặt gia công phải thanh toán tiền công, chi phí vật tư, và thực hiện nghĩa vụ tiếp nhận sản phẩm đã được gia công. Đây là một quan hệ mang tính chất trao đổi giá trị giữa lao động và thù lao, phù hợp với nguyên tắc của giao dịch dân sự.

Thứ hai, hợp đồng gia công có thể có hoặc không có sự cung ứng nguyên vật liệu từ bên đặt gia công. Theo quy định tại Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại, hợp đồng gia công cho phép các bên tự do thỏa thuận về việc ai là người cung cấp nguyên vật liệu. Trong trường hợp bên đặt gia công cung cấp nguyên liệu, thì bên nhận gia công có nghĩa vụ sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và hoàn trả phần còn lại sau khi gia công. Nếu bên nhận gia công tự mua nguyên vật liệu, thì chi phí mua nguyên liệu phải được tính vào đơn giá gia công hoặc được bên đặt gia công thanh toán riêng tùy theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Thứ ba, hợp đồng gia công là hợp đồng làm phát sinh nghĩa vụ hoàn thành sản phẩm theo mẫu hoặc yêu cầu đã định sẵn. Khác với hợp đồng mua bán thông thường, trong đó hàng hóa là đối tượng có sẵn, hợp đồng gia công yêu cầu bên nhận gia công phải tạo ra sản phẩm mới theo đúng đặc điểm kỹ thuật, kiểu dáng, mẫu mã, hoặc thông số kỹ thuật do bên đặt gia công cung cấp. Do đó, hợp đồng này thường kèm theo phụ lục mô tả kỹ thuật chi tiết, yêu cầu kiểm định chất lượng đầu ra, và các cam kết liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

Bên cạnh việc mang đầy đủ những đặc điểm chung của hợp đồng thông thường, và với ý nghĩa là một loại hợp đồng thông dụng trong đời sống dân sự nói chung cũng như trong hoạt động kinh doanh thương mại nói riêng, hợp đồng gia công còn mang những đặc điểm riêng có như:

Về bản chất:

Hợp đồng gia công không phải là hợp đồng mua bán hàng hóa mặc dù cũng có thể có trao đổi các sản phẩm, nguyên liệu cấu thành nhưng đó không phải là giao dịch cốt lõi. Bản thân việc nhận sản phẩm sau quá trình gia công cũng không được coi là giao dịch mua bán khi sản phẩm chuyển giao không phải hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của bên nhận gia công. Tùy vào mức độ đóng góp nguyên vật liệu cấu thành và giá trị gia tăng trong sản phẩm mới có thể xác định được phần sở hữu đối với sản phẩm làm ra của mỗi bên và từ đó quyết định phí gia công là cao hay là thấp. Nếu như bên

nhận gia công đóng góp càng nhiều nguyên vật liệu và càng thực hiện nhiều hoạt động tạo ra nhiều giá trị gia tăng thì phí gia công sẽ càng cao và ngược lại. Thông thường, phí gia công được trả chủ yếu là do việc thực hiện những hoạt động cụ thể theo chỉ dẫn, yêu cầu của bên đặt gia công làm gia tăng giá trị của sản phẩm nên về mặt tính chất, hoạt động gia công gần với hoạt động cung ứng dịch vụ. Biểu hiện của hoạt động gia công trong thương mại hết sức đa dạng như sản xuất, chế biến, chế tác, sửa chữa, tái chế, lắp ráp, đóng gói...

Về tính chất:

Hợp đồng gia công là hợp đồng song vụ và có đền bù. Trong hợp đồng gia công, tính chất song vụ được thể hiện trong việc phân chia quyền và nghĩa vụ giữa bên đặt gia công và bên nhận gia công. Mỗi bên chủ thể đều vừa có quyền lợi vừa có nghĩa vụ dân sự đối ứng. Tuy nhiên, quyền và nghĩa vụ đối ứng trong hợp đồng gia công cũng có những điểm khác biệt so với các loại hợp đồng khác. Cụ thể, bên nhận gia công vừa có thể có quyền yêu cầu bên đặt gia công phải chuyển cho mình các nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn về số lượng, chất lượng, chủng loại, tính đồng bộ, vừa có thể có nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu phù hợp. Và ngược lại, bên đặt gia công vừa có thể có nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu, vừa có thể có quyền yêu cầu bên nhận gia công cung cấp nguyên vật liệu. Quyền và nghĩa vụ của các bên đối với việc cung cấp nguyên vật liệu phụ thuộc vào mức độ đóng góp của các bên theo hợp đồng quy định.

Bên nhận gia công có nghĩa vụ giao sản phẩm hoàn thành và bên đặt gia công có nghĩa vụ thanh toán nhưng nghĩa vụ thanh toán ở đây không phải là thanh toán cho toàn bộ giá trị sản phẩm hoàn thành mà thanh toán cho phần nguyên vật liệu bên nhận gia công cung cấp và chuỗi hành vi tạo ra giá trị gia tăng kết tinh trong sản phẩm. Vì vậy, phí gia công và giá thành sản phẩm là khác nhau. Về tính đền bù, bên đặt gia công phải trả tiền công cho bên nhận gia công khi họ làm ra một sản phẩm theo yêu cầu. Cần lưu ý, khoản đền bù này có thể bao gồm hoặc không bao gồm chi phí nguyên vật liệu trong đó vì tùy thuộc vào việc bên đặt gia công cung cấp một phần hay toàn bộ nguyên vật liệu. Như vậy, có thể bóc tách tiền công thành hai bộ phận, một phần là tiền nguyên vật liệu mà chính bên nhận gia công bỏ ra và một phần khác là tiền công gia sản phẩm theo yêu cầu của bên đặt gia công.

Về đối tượng:

Theo quan điểm của tác giả, đối tượng của hợp đồng gia công là vật được xác định theo yêu cầu, xác định theo mẫu, theo tiêu chuẩn do các bên thỏa thuận hoặc do pháp luật có quy định trước. Vật mẫu hay tiêu chuẩn của vật gia công chỉ được hiện thực hóa (vật chất hóa) sau khi bên nhận gia công đã hoàn thành công việc gia công. Sản phẩm được gia công có thể là hoàn chỉnh hay chưa hoàn chỉnh phụ thuộc vào hình thức gia công là gia công chi tiết hay gia công sản phẩm hoàn chỉnh. Thông thường, sản phẩm được gia công theo mẫu sản phẩm. Mẫu này do các bên thỏa thuận nhưng về nguyên tắc không được trái pháp luật và đạo đức xã hội. Nhiều trường hợp, sản phẩm tạo ra theo sự mô tả, chỉ dẫn của bên đặt gia công. Khi đó, sản phẩm gia công thường được định hình thông qua các tiêu chí về số lượng, chất lượng, kích thước, màu sắc, quy cách đóng gói... và vì thế đòi hỏi bên nhận gia công phải có những kỹ năng chuyên môn chuyên biệt đối với từng loại sản phẩm. Tóm lại, đối tượng của hợp đồng gia công không phải là vật sẵn có của bên nhận gia công, vật tạo ra do sự quyết định tuyệt đối của bên nhận gia công mà là vật hoàn thành theo yêu cầu, chỉ dẫn của bên đặt gia công. Đối tượng này có thể là sản phẩm hoàn chỉnh hoặc sản phẩm chưa hoàn chỉnh.

1.1.3. Vai trò của hợp đồng gia công trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh

Hợp đồng gia công có vai trò đặc biệt quan trọng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, không chỉ đối với từng doanh nghiệp mà còn đối với cả nền kinh tế.

Thứ nhất, đối với doanh nghiệp nhận gia công, hợp đồng gia công được xem như “cánh cửa” mở ra cơ hội kinh doanh. Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đây là phương thức tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu bởi họ không phải bỏ vốn quá lớn để xây dựng dây chuyền, nhà xưởng hay nghiên cứu công nghệ phức tạp. Thông qua việc nhận gia công, doanh nghiệp có nguồn việc làm ổn định, tận dụng hiệu quả nguồn lao động sẵn có, tạo việc làm cho người lao động địa phương. Bên cạnh đó, hợp đồng gia công còn giúp doanh nghiệp nâng cao trình độ quản lý sản xuất, tiếp cận công nghệ và kỹ năng mới thông qua yêu cầu kỹ thuật khắt khe từ đối tác. Nhiều doanh nghiệp nhờ tham gia gia công đã tích lũy được kinh nghiệm, vốn, nhân lực để dần chuyển sang tự sản xuất, xây dựng thương hiệu riêng, tiến tới tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ hai, đối với doanh nghiệp đặt gia công, hợp đồng gia công là công cụ quan trọng giúp tối ưu hóa nguồn lực và chiến lược kinh doanh. Bằng cách thuê ngoài một phần hoặc toàn bộ quy trình sản xuất, doanh nghiệp có thể tập trung vào các khâu cốt lõi như nghiên cứu phát triển sản phẩm, hoạch định chiến lược thị trường, xây dựng thương hiệu và kênh phân phối. Việc này không chỉ giúp doanh nghiệp giảm tải gánh nặng sản xuất mà còn rút ngắn thời gian đưa sản phẩm ra thị trường. Đồng thời, thông qua hợp đồng gia công, doanh nghiệp đặt hàng có thể tiếp cận nguồn nhân công giá rẻ, tận dụng cơ sở vật chất – kỹ thuật sẵn có của đối tác để giảm chi phí sản xuất. Đối với các doanh nghiệp lớn hoạt động quốc tế, đây còn là chiến lược mở rộng mạng lưới sản xuất toàn cầu, kết hợp lợi thế về công nghệ với lợi thế về chi phí ở nhiều quốc gia khác nhau, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và duy trì tăng trưởng bền vững.

Thứ ba, đối với nền kinh tế – xã hội, hợp đồng gia công góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế quốc dân. Hoạt động gia công, đặc biệt trong các ngành như dệt may, da giày, điện tử... đã tạo việc làm cho hàng triệu lao động, đặc biệt là lao động phổ thông ở các vùng nông thôn, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao thu nhập cho người dân. Đồng thời, thông qua hợp đồng gia công với các đối tác nước ngoài, doanh nghiệp trong nước được tiếp cận quy trình quản lý tiên tiến, kỹ thuật sản xuất hiện đại, từ đó thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ. Ngoài ra, gia công xuất khẩu còn mang lại nguồn thu ngoại tệ lớn, đóng góp tích cực vào cán cân thương mại và tăng trưởng GDP. Về lâu dài, việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu thông qua hợp đồng gia công có thể tạo nền tảng để doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực cạnh tranh, tiến tới xây dựng thương hiệu quốc gia trong các ngành hàng chủ lực.

Tóm lại, hợp đồng gia công không chỉ đơn thuần là công cụ pháp lý để ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên mà còn đóng vai trò như một “cầu nối” gắn kết lợi ích giữa bên đặt gia công, bên nhận gia công và toàn bộ nền kinh tế. Nhờ có hợp đồng gia công, hoạt động sản xuất kinh doanh trở nên linh hoạt hơn, hiệu quả hơn, góp phần quan trọng vào sự phát triển của doanh nghiệp cũng như hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

1.2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về hợp đồng gia công

1.2.1. Nguồn luật điều chỉnh hợp đồng gia công

Hợp đồng gia công được quy định bởi nhiều văn bản pháp luật khác nhau tùy theo bản chất của quan hệ giao dịch. Cụ thể:

Bộ luật Dân sự năm 2015 (từ Điều 542 đến Điều 546) quy định về hợp đồng gia công trong lĩnh vực dân sự. Theo đó, hợp đồng gia công là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên nhận gia công thực hiện công việc theo yêu cầu của bên giao gia công và giao lại sản phẩm, còn bên giao gia công có nghĩa vụ trả tiền công.

Luật Thương mại năm 2005 (từ Điều 178 đến Điều 187) điều chỉnh hoạt động gia công trong thương mại, đặc biệt là gia công với thương nhân nước ngoài. Luật quy định rõ các vấn đề như nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu, xử lý phế liệu/phế phẩm, chuyển giao công nghệ trong gia công.

Luật Quản lý Ngoại thương năm 2017 quy định về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, trong đó bao gồm cả hoạt động gia công cho thương nhân nước ngoài – được xem là một hình thức thương mại đặc biệt.

Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BCT ngày 15/8/2017 của Bộ Công Thương (hợp nhất các quy định liên quan đến hoạt động gia công với thương nhân nước ngoài) hướng dẫn chi tiết về thủ tục ký kết, thực hiện hợp đồng gia công có yếu tố nước ngoài, như quy trình mở tờ khai, đăng ký hợp đồng gia công tại cơ quan hải quan, xử lý nguyên phụ liệu dư thừa, tiêu hủy hoặc tái xuất.

1.2.2. Giao kết hợp đồng gia công

Giao kết hợp đồng gia công là bước khởi đầu, đóng vai trò nền tảng trong việc xác lập quan hệ pháp lý giữa bên đặt gia công và bên nhận gia công. Đây không chỉ là sự thỏa thuận mang tính ý chí đơn thuần mà còn là cơ sở pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ của các bên trong suốt quá trình hợp tác sản xuất. Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào nền kinh tế toàn cầu, đặc biệt khi nhiều doanh nghiệp dệt may, da giày, điện tử... tham gia vào chuỗi cung ứng quốc tế, vấn đề giao kết hợp đồng gia công càng trở nên quan trọng và cần được phân tích kỹ dưới cả góc độ lý luận lẫn thực tiễn pháp luật.

Trước hết, xét về chủ thể giao kết, tùy thuộc vào loại hợp đồng (dân sự hay thương mại) mà chủ thể có thể khác nhau. Trong các giao dịch dân sự, bên đặt gia công có thể là cá nhân, tổ chức có nhu cầu thuê người khác thực hiện một số công đoạn chế tác, còn bên nhận gia công có thể là cá nhân có tay nghề hoặc tổ chức có

khả năng thực hiện công việc. Trong quan hệ thương mại, đặc biệt là khi hợp đồng có yếu tố nước ngoài, chủ thể phải là thương nhân. Bên đặt gia công thường là doanh nghiệp, thương nhân nước ngoài muốn tận dụng lợi thế về chi phí lao động hoặc năng lực sản xuất tại Việt Nam. Bên nhận gia công trong trường hợp này nhất thiết phải là doanh nghiệp Việt Nam có đăng ký kinh doanh phù hợp và đủ điều kiện xuất nhập khẩu theo quy định của pháp luật quản lý ngoại thương. Điều kiện này nhằm bảo đảm doanh nghiệp có năng lực pháp lý và kỹ thuật cần thiết để thực hiện hợp đồng, đồng thời là căn cứ để cơ quan nhà nước quản lý, giám sát hoạt động gia công xuyên biên giới. Thực tiễn cho thấy, nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam đã tiếp cận được nguồn việc từ các thương nhân nước ngoài thông qua hợp đồng gia công, nhờ đó vừa duy trì hoạt động sản xuất, vừa tạo công ăn việc làm cho người lao động. Tuy nhiên, việc lựa chọn chủ thể cũng tiềm ẩn rủi ro, đặc biệt khi bên nhận gia công không đáp ứng đủ điều kiện pháp lý dẫn đến vi phạm quy định hải quan, thuế, từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu lực và khả năng thực hiện hợp đồng.

Thứ hai, quá trình giao kết hợp đồng gia công về nguyên tắc vẫn tuân thủ các bước chung của Bộ luật Dân sự 2015, bao gồm đề nghị giao kết và chấp nhận đề nghị. Đề nghị giao kết là sự bày tỏ ý chí rõ ràng của một bên muốn xác lập hợp đồng, trong đó phải nêu cụ thể những điều khoản cơ bản như đối tượng gia công, số lượng, chất lượng, giá cả, phương thức thanh toán, thời hạn giao hàng, trách nhiệm về nguyên liệu. Bản chất của đề nghị giao kết chính là lời mời mang tính ràng buộc, thể hiện thiện chí thực sự muốn ký kết. Trong thực tiễn thương mại, đề nghị này thường được thể hiện thông qua báo giá, dự thảo hợp đồng, thư chào hàng. Sau khi đề nghị được gửi đi, hợp đồng chỉ được hình thành khi bên được đề nghị gửi văn bản chấp nhận toàn bộ nội dung. Việc chấp nhận phải được thực hiện trong thời hạn mà bên đề nghị ấn định hoặc trong một khoảng thời gian hợp lý tùy theo tính chất của giao dịch. Nếu bên được đề nghị đưa ra sự chấp nhận kèm theo điều kiện sửa đổi, bổ sung, thì về pháp lý, đây không còn là sự chấp nhận mà được coi là một đề nghị mới. Chính vì vậy, trong giao kết hợp đồng gia công, việc trao đổi nhiều vòng dự thảo giữa các bên

trước khi đi đến thống nhất cuối cùng là rất phổ biến, đặc biệt khi hợp đồng có yếu tố kỹ thuật phức tạp hoặc liên quan đến định mức nguyên phụ liệu.

Một điểm cần nhấn mạnh là về hình thức của hợp đồng gia công. Bộ luật Dân sự cho phép hợp đồng được giao kết bằng lời nói, văn bản hoặc hành vi cụ thể nếu pháp luật không có quy định khác. Tuy nhiên, do đặc thù của hợp đồng gia công, Luật Thương mại 2005 quy định rõ hợp đồng này phải được lập thành văn bản hoặc hình thức có giá trị pháp lý tương đương (fax, email, điện tín có xác nhận). Yêu cầu này vừa nhằm bảo đảm sự rõ ràng, minh bạch, vừa tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc giải quyết tranh chấp, đồng thời phục vụ cho mục đích quản lý của cơ quan nhà nước (ví dụ cơ quan hải quan, cơ quan thuế). Trên thực tế, nhiều hợp đồng gia công xuyên biên giới còn đòi hỏi phải lập song ngữ, có công chứng hoặc chứng nhận lãnh sự để đảm bảo hiệu lực tại cả hai hệ thống pháp luật.

Bên cạnh hình thức, nội dung của hợp đồng gia công là yếu tố then chốt để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo quy định của Luật Thương mại và các nghị định hướng dẫn, một hợp đồng gia công hợp pháp cần bao gồm tối thiểu: thông tin các bên; đối tượng gia công (sản phẩm, mẫu mã, tiêu chuẩn kỹ thuật); trách nhiệm cung cấp nguyên liệu và phương thức bảo quản; giá gia công và phương thức thanh toán; thời gian, địa điểm giao nhận sản phẩm; quyền và nghĩa vụ của các bên; điều khoản về bảo mật công nghệ, bảo hành, xử lý phế phẩm, vi phạm và bồi thường; cơ chế giải quyết tranh chấp. Riêng với hợp đồng gia công có yếu tố nước ngoài, các điều khoản về mã HS, định mức nguyên liệu, thời hạn tái xuất sản phẩm, thủ tục hải quan, thuế nhập khẩu – xuất khẩu là bắt buộc. Những điều khoản này không chỉ đảm bảo tính pháp lý của hợp đồng mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Việc soạn thảo sơ sài, thiếu các nội dung trên thường dẫn đến tranh chấp về chất lượng, chậm tiến độ, hoặc phát sinh nghĩa vụ thuế bất ngờ gây thiệt hại lớn cho doanh nghiệp.

Phân tích thực tiễn cho thấy, hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay đã xây dựng được một khung pháp lý tương đối đầy đủ cho giao kết hợp đồng gia công. Ưu điểm rõ ràng là đã có sự phân định giữa hợp đồng dân sự và hợp đồng thương mại,

đồng thời có quy định chi tiết về thủ tục hải quan, quản lý xuất nhập khẩu trong trường hợp hợp đồng có yếu tố nước ngoài. Điều này giúp đảm bảo sự minh bạch và an toàn pháp lý cho các bên. Tuy nhiên, vẫn còn những hạn chế đáng lưu ý. Thứ nhất, các văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động gia công hiện khá phân tán, từ Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Quản lý ngoại thương đến nhiều nghị định, thông tư chuyên ngành, gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tra cứu và áp dụng. Thứ hai, vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong hợp đồng gia công còn chưa được chú trọng đúng mức. Trong nhiều trường hợp, bên nhận gia công có thể sao chép, tiết lộ công nghệ hoặc mẫu mã, nhưng việc xử lý tranh chấp còn phức tạp, thiếu cơ chế bảo đảm hữu hiệu. Thứ ba, thủ tục hải quan và yêu cầu về chứng từ đối với hợp đồng gia công xuyên biên giới vẫn còn phức tạp, đặc biệt là quy định về định mức nguyên liệu và thời hạn tái xuất sản phẩm, khiến doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ rơi vào tình trạng vi phạm hành chính do thiếu kinh nghiệm.

Từ những phân tích trên có thể rút ra rằng, việc giao kết hợp đồng gia công không chỉ là bước pháp lý mang tính hình thức mà còn có ý nghĩa quyết định đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh và mức độ an toàn pháp lý của doanh nghiệp. Do đó, trong thực tiễn, các bên cần đặc biệt lưu ý: luôn lập hợp đồng bằng văn bản đầy đủ, kèm theo phụ lục kỹ thuật chi tiết; quy định rõ ràng về trách nhiệm chất lượng, bảo mật công nghệ và xử lý vi phạm; xác định rõ cơ chế giải quyết tranh chấp, nhất là lựa chọn trọng tài thương mại hoặc tòa án có thẩm quyền. Đối với hợp đồng có yếu tố nước ngoài, cần nắm chắc các quy định về ngoại thương, hải quan và thuế để tránh rủi ro không đáng có. Như vậy, có thể khẳng định rằng, giao kết hợp đồng gia công là một khâu then chốt, có vai trò không chỉ trong việc bảo vệ lợi ích của từng doanh nghiệp mà còn góp phần nâng cao tính minh bạch, hiệu quả của toàn bộ hoạt động gia công trong nền kinh tế hội nhập.

1.2.3. Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng gia công

Để một hợp đồng gia công phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý, trở thành căn cứ ràng buộc trách nhiệm giữa các bên, hợp đồng đó phải thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực theo quy định chung của pháp luật dân sự và thương mại. Các điều kiện này

vừa mang tính khái quát (áp dụng cho mọi loại hợp đồng), vừa có tính đặc thù riêng trong lĩnh vực gia công, đặc biệt khi hợp đồng có yếu tố nước ngoài. Có thể khái quát thành bốn nhóm điều kiện cơ bản: điều kiện về chủ thể, về nội dung, về hình thức, và về thẩm quyền đại diện khi giao kết.

Thứ nhất, điều kiện về chủ thể. Chủ thể tham gia hợp đồng gia công phải có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015. Đối với hợp đồng gia công mang tính thương mại, các bên thường là thương nhân hoặc doanh nghiệp, do đó cần có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp pháp và ngành nghề kinh doanh phù hợp. Trường hợp bên nhận gia công là doanh nghiệp Việt Nam tham gia gia công với thương nhân nước ngoài, pháp luật còn đặt ra điều kiện chặt chẽ hơn: doanh nghiệp phải có chức năng xuất nhập khẩu phù hợp với loại hàng hóa dự kiến gia công, có mã số xuất nhập khẩu và tuân thủ các điều kiện theo Luật Quản lý ngoại thương 2017, Nghị định 69/2018/NĐ-CP. Nếu chủ thể không đáp ứng các điều kiện trên (ví dụ cá nhân chưa thành niên, tổ chức không có giấy phép kinh doanh đúng ngành nghề), hợp đồng gia công có thể bị tuyên vô hiệu. Điều này thể hiện yêu cầu khách quan của pháp luật nhằm bảo đảm rằng chỉ những chủ thể đủ năng lực, đủ điều kiện mới được tham gia vào các quan hệ pháp lý phức tạp và mang tính rủi ro cao như gia công.

Thứ hai, điều kiện về nội dung hợp đồng. Nội dung hợp đồng gia công không được vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đồng thời phải xác định rõ ràng đối tượng và nghĩa vụ cơ bản. Luật Thương mại 2005 cùng các văn bản hướng dẫn quy định nội dung tối thiểu phải có, bao gồm: đối tượng gia công (loại sản phẩm, mẫu mã, tiêu chuẩn kỹ thuật), nguồn nguyên vật liệu và trách nhiệm cung ứng, giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán, thời hạn – địa điểm giao nhận sản phẩm, trách nhiệm bảo hành, xử lý phế phẩm, giải quyết tranh chấp. Đặc biệt, trong hợp đồng gia công có yếu tố nước ngoài, nội dung bắt buộc còn bao gồm định mức sử dụng nguyên phụ liệu, mã HS sản phẩm, thời hạn tái xuất hàng gia công, cùng các cam kết tuân thủ quy định hải quan. Nếu hợp đồng thiếu các nội dung cơ bản hoặc quy định mơ hồ (ví dụ không xác định rõ định mức nguyên phụ liệu, không quy định cơ chế xử lý hàng

lỗi), khi tranh chấp xảy ra, hợp đồng dễ bị coi là vô hiệu một phần hoặc toàn bộ. Như vậy, pháp luật thực định nhấn mạnh đến tính minh bạch và đầy đủ trong nội dung hợp đồng, coi đó là nền tảng để bảo vệ quyền lợi của cả hai bên.

Thứ ba, điều kiện về thẩm quyền đại diện khi giao kết. Một hợp đồng gia công chỉ phát sinh hiệu lực khi được ký kết bởi người có thẩm quyền đại diện hợp pháp. Theo Bộ luật Dân sự 2015, việc đại diện có thể theo pháp luật, theo ủy quyền hoặc theo quy định của điều lệ pháp nhân. Trong thực tiễn thương mại, hợp đồng gia công thường do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp ký kết, hoặc do người được ủy quyền bằng văn bản hợp lệ thực hiện. Nếu hợp đồng được ký bởi người không có thẩm quyền (ví dụ nhân viên kinh doanh ký nhưng không có giấy ủy quyền, hoặc người đại diện vượt quá phạm vi được giao), hợp đồng có nguy cơ vô hiệu. Để tránh rủi ro, pháp luật yêu cầu văn bản ủy quyền phải được lập bằng văn bản, ghi rõ phạm vi và thời hạn. Đây là cơ chế bảo đảm tính chắc chắn trong quan hệ pháp lý, tránh tình trạng doanh nghiệp chối bỏ trách nhiệm với lý do người ký không có thẩm quyền. Thực tiễn xét xử cho thấy, nhiều tranh chấp hợp đồng gia công bị kéo dài chỉ vì vấn đề thẩm quyền đại diện không rõ ràng.

Thứ tư, điều kiện về hình thức hợp đồng. Bộ luật Dân sự quy định nguyên tắc chung là hợp đồng có thể được giao kết bằng lời nói, văn bản hoặc hành vi cụ thể, trừ trường hợp pháp luật yêu cầu bắt buộc bằng văn bản. Tuy nhiên, đối với hợp đồng gia công trong thương mại, Luật Thương mại 2005 bắt buộc hợp đồng phải lập thành văn bản hoặc hình thức có giá trị tương đương (như điện tín, fax, email có xác nhận). Yêu cầu này nhằm bảo đảm tính minh bạch, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát và giải quyết tranh chấp. Riêng với hợp đồng gia công có yếu tố nước ngoài, văn bản hợp đồng không chỉ là điều kiện về hiệu lực mà còn là căn cứ pháp lý để thực hiện thủ tục hải quan, khai báo thuế, đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước. Trong nhiều trường hợp, hợp đồng còn phải lập song ngữ, có công chứng hoặc chứng nhận lãnh sự để được công nhận tại nước đối tác. Nếu vi phạm quy định về hình thức, hợp đồng có thể bị vô hiệu theo Điều 129 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp đã được các bên

thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ, khi đó Tòa án có thể công nhận hiệu lực nhằm bảo đảm quyền lợi cho các bên.

Như vậy, để hợp đồng gia công có hiệu lực pháp lý, các bên tham gia phải bảo đảm đầy đủ bốn điều kiện: chủ thể có năng lực và đúng chức năng, nội dung hợp pháp và minh bạch, hình thức bằng văn bản phù hợp, và việc ký kết do người có thẩm quyền đại diện thực hiện. Nhìn chung, pháp luật Việt Nam hiện nay đã xây dựng hệ thống quy định khá chặt chẽ và phù hợp với thông lệ quốc tế về các điều kiện có hiệu lực. Tuy nhiên, vẫn còn một số vướng mắc trong thực tiễn như sự phức tạp về thủ tục chứng minh thẩm quyền đại diện, yêu cầu hình thức quá khắt khe khi áp dụng cho doanh nghiệp nhỏ, hoặc sự chồng chéo giữa quy định của Luật Thương mại và pháp luật quản lý ngoại thương. Do vậy, để đảm bảo an toàn pháp lý, các doanh nghiệp cần chú trọng kiểm tra kỹ điều kiện pháp lý của đối tác, soạn thảo nội dung rõ ràng, lập hợp đồng bằng văn bản đầy đủ và đảm bảo thẩm quyền của người ký. Chỉ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện này, hợp đồng gia công mới thực sự có hiệu lực, trở thành công cụ pháp lý hữu hiệu bảo vệ quyền lợi của các bên trong quan hệ thương mại.

1.2.4. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng gia công

Trong quan hệ gia công, quyền và nghĩa vụ của các bên được quy định rõ trong Luật Thương mại 2005 (từ Điều 178 đến Điều 187) và các văn bản hướng dẫn như Nghị định 187/2013/NĐ-CP, Văn bản hợp nhất 09/VBHN-BCT năm 2017 và các thông tư liên quan của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương. Việc xác định chính xác quyền, nghĩa vụ của các bên không chỉ đảm bảo tính minh bạch trong giao dịch mà còn hạn chế rủi ro tranh chấp, đồng thời là căn cứ để áp dụng chế tài khi một bên vi phạm hợp đồng.

Quyền và nghĩa vụ của bên đặt gia công

Bên đặt gia công (thường là doanh nghiệp nắm giữ quyền sở hữu đối với nguyên vật liệu, thiết kế và sản phẩm cuối cùng) có những quyền và nghĩa vụ chủ yếu sau:

Quyền yêu cầu và giám sát việc thực hiện hợp đồng: Bên đặt gia công có quyền yêu cầu bên nhận gia công thực hiện đúng quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật, mẫu mã, số

lượng và thời hạn đã thỏa thuận. Trong suốt quá trình sản xuất, bên đặt gia công có thể cử đại diện kiểm tra, giám sát, yêu cầu báo cáo tiến độ, thậm chí tiến hành kiểm định chất lượng tại chỗ. Đây là quyền quan trọng nhằm đảm bảo sản phẩm phù hợp với yêu cầu thương mại và tiêu chuẩn chất lượng của thị trường.

Nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu và tài liệu kỹ thuật: Trong đa số trường hợp, bên đặt gia công có trách nhiệm cung cấp nguyên vật liệu, phụ liệu hoặc máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Nguyên liệu này phải đúng số lượng, chất lượng và giao đúng thời hạn để không ảnh hưởng đến tiến độ gia công. Ngoài ra, bên đặt gia công phải chuyển giao các tài liệu kỹ thuật như bản vẽ thiết kế, hướng dẫn quy trình sản xuất, tiêu chuẩn kiểm tra. Đây là cơ sở để bên nhận gia công thực hiện chính xác yêu cầu.

Nghĩa vụ thanh toán: Bên đặt gia công có trách nhiệm thanh toán chi phí gia công theo phương thức và thời hạn đã cam kết. Việc thanh toán có thể theo từng giai đoạn hoặc sau khi hoàn tất, thường áp dụng phương thức L/C hoặc T/T trong hợp đồng quốc tế. Nếu chậm thanh toán, bên đặt gia công phải chịu lãi suất chậm trả hoặc các chế tài theo thỏa thuận.

Nghĩa vụ nhận sản phẩm: Sau khi sản phẩm đã hoàn tất, bên đặt gia công có trách nhiệm tiến hành nghiệm thu và nhận hàng trong thời hạn hợp lý. Trường hợp từ chối nhận hàng mà không có căn cứ hợp pháp, bên đặt gia công có thể bị coi là vi phạm hợp đồng và phải bồi thường thiệt hại phát sinh.

Trách nhiệm với cơ quan quản lý nhà nước: Trong hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài, bên đặt gia công có nghĩa vụ kê khai hợp đồng với hải quan, thực hiện thủ tục nhập khẩu nguyên phụ liệu, quản lý hàng hóa dư thừa, phế liệu/phế phẩm, và báo cáo quyết toán định kỳ. Điều này được quy định cụ thể tại Nghị định 187/2013/NĐ-CP và Văn bản hợp nhất 09/VBHN-BCT.

Quyền và nghĩa vụ của bên nhận gia công

Bên nhận gia công (doanh nghiệp hoặc cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động sản xuất) chịu trách nhiệm biến nguyên vật liệu thành sản phẩm theo yêu cầu. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của bên này bao gồm:

Nghĩa vụ thực hiện đúng quy trình và yêu cầu kỹ thuật: Theo Điều 180 và 182 Luật Thương mại 2005, bên nhận gia công phải sản xuất đúng mẫu mã, chất lượng,

quy cách và tiến độ đã thỏa thuận. Mọi sự thay đổi trong thiết kế, quy trình kỹ thuật phải được sự đồng ý của bên đặt gia công. Đây là nghĩa vụ cốt lõi quyết định đến giá trị của hợp đồng.

Nghĩa vụ quản lý và sử dụng nguyên vật liệu: Nếu nguyên vật liệu do bên đặt gia công cung cấp, bên nhận gia công có trách nhiệm bảo quản an toàn, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và không được dùng vào hoạt động ngoài hợp đồng. Trong trường hợp gia công quốc tế, định mức tiêu hao nguyên liệu phải được khai báo với hải quan, và mọi phần nguyên liệu dư thừa, phế liệu, phế phẩm đều phải xử lý theo đúng quy định.

Nghĩa vụ giao sản phẩm đúng hạn: Bên nhận gia công phải bàn giao sản phẩm đúng số lượng, chất lượng và thời gian như cam kết. Nếu chậm trễ, sản phẩm lỗi hoặc không đạt tiêu chuẩn, bên nhận gia công có thể bị phạt hợp đồng, bị buộc gia công lại hoặc bồi thường thiệt hại.

Nghĩa vụ bảo mật thông tin và công nghệ: Nhiều hợp đồng gia công, đặc biệt là trong các lĩnh vực may mặc, dược phẩm, linh kiện điện tử, có quy định về bảo mật mẫu mã, công thức sản xuất và dữ liệu kỹ thuật. Bên nhận gia công không được tiết lộ hoặc sử dụng cho mục đích ngoài hợp đồng.

Nghĩa vụ xử lý phế phẩm, phế liệu: Bên nhận gia công phải báo cáo đầy đủ về nguyên liệu dư thừa, sản phẩm hỏng, phế liệu. Việc tiêu hủy, bán lại hoặc tái xuất phải được sự đồng ý của bên đặt gia công và tuân thủ quy định pháp luật.

Quyền được thanh toán và bảo vệ quyền lợi: Sau khi hoàn thành nghĩa vụ, bên nhận gia công có quyền yêu cầu thanh toán đầy đủ, kịp thời theo hợp đồng. Ngoài ra, nếu bên đặt gia công cung cấp nguyên liệu không đạt chất lượng, giao trễ hoặc không thanh toán đúng hạn, bên nhận gia công có thể tạm ngừng sản xuất, yêu cầu bồi thường hoặc chấm dứt hợp đồng.

Có thể thấy, quan hệ gia công là sự phân chia trách nhiệm rõ ràng: bên đặt gia công chịu trách nhiệm về đầu vào (nguyên vật liệu, công nghệ, tài liệu kỹ thuật, thanh toán, nhận hàng), trong khi bên nhận gia công chịu trách nhiệm về quá trình sản xuất và đầu ra (sản phẩm hoàn chỉnh, chất lượng, bảo mật, xử lý phế phẩm). Sự minh bạch trong quy định về quyền và nghĩa vụ của mỗi bên không chỉ giúp hợp đồng có tính khả thi, mà còn tạo cơ sở để cơ quan quản lý giám sát, đồng thời hạn chế rủi ro tranh

chấp. Trong thực tế thương mại quốc tế, việc tuân thủ đầy đủ những quy định này còn góp phần nâng cao uy tín, củng cố lòng tin của đối tác, từ đó thúc đẩy hợp tác lâu dài và bền vững.

1.2.5. Thực hiện hợp đồng gia công và chế tài do vi phạm hợp đồng gia công

Trong quan hệ gia công, việc thực hiện hợp đồng là giai đoạn quan trọng nhất, thể hiện cam kết pháp lý trên thực tế, đồng thời là cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành nghĩa vụ của các bên. Pháp luật Việt Nam hiện hành đã có hệ thống quy định tương đối đầy đủ về hoạt động gia công, đặc biệt là trong các văn bản như Luật Thương mại năm 2005, Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Quản lý ngoại thương năm 2017, cùng các nghị định, thông tư hướng dẫn. Việc thực hiện hợp đồng gia công và cơ chế chế tài khi có vi phạm có thể khái quát trên các khía cạnh sau:

(i) Căn cứ pháp lý và nguyên tắc thực hiện hợp đồng gia công

Theo quy định tại Nghị định 69/2018/NĐ-CP và Thông tư 39/2018/TT-BTC, doanh nghiệp khi tham gia hợp đồng gia công, đặc biệt với thương nhân nước ngoài, phải tuân thủ nghiêm ngặt về thủ tục hải quan, quản lý nguyên phụ liệu, định mức sản xuất, và nghĩa vụ báo cáo quyết toán. Đây không chỉ là cơ sở pháp lý để quản lý hoạt động gia công mà còn bảo đảm tính minh bạch trong quá trình thực hiện.

Nguyên tắc cơ bản khi thực hiện hợp đồng gia công là nguyên tắc tự nguyện, trung thực, hợp tác và thiện chí. Bên nhận gia công phải tiến hành sản xuất đúng yêu cầu kỹ thuật, mẫu mã, số lượng, chất lượng đã cam kết. Bên giao gia công có trách nhiệm cung cấp nguyên liệu (nếu thỏa thuận), mẫu thiết kế và thanh toán đúng hạn. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên phải thường xuyên trao đổi thông tin, kịp thời xử lý phát sinh để tránh tranh chấp.

Một nguyên tắc quan trọng khác là nguyên tắc phân chia rủi ro. Theo Luật Thương mại 2005, rủi ro về hàng hóa trong hợp đồng gia công được xác định dựa trên thỏa thuận; nếu không có thỏa thuận thì rủi ro thuộc về bên nào đang nắm giữ hàng hóa tại thời điểm rủi ro phát sinh. Ví dụ: nếu bên nhận gia công đã nhận nguyên vật liệu từ bên giao gia công thì họ phải chịu trách nhiệm về mất mát, hư hỏng trong quá trình bảo quản, trừ trường hợp bất khả kháng. Điều này có ý nghĩa thực tiễn quan trọng, bởi gia công thường liên quan đến khối lượng nguyên liệu lớn và chi phí cao, nếu không xác định rõ trách nhiệm rủi ro sẽ dễ dẫn đến tranh chấp.

(ii) Giao nhận nguyên vật liệu và sản phẩm gia công

Việc giao nhận nguyên vật liệu là bước đầu tiên trong quá trình thực hiện hợp đồng. Theo thỏa thuận, nguyên vật liệu có thể do bên giao gia công cung cấp hoặc bên nhận gia công tự mua sắm. Dù theo phương thức nào, các bên đều phải lập biên bản giao nhận, ghi rõ số lượng, chất lượng, tình trạng nguyên liệu. Với hợp đồng có yếu tố xuất nhập khẩu, việc giao nhận phải thực hiện qua thủ tục hải quan, đồng thời đăng ký định mức sử dụng nguyên liệu.

Sản phẩm sau gia công cũng phải được nghiệm thu, kiểm tra trước khi giao nhận. Bên nhận gia công có nghĩa vụ sản xuất đúng tiêu chuẩn, quy cách; nếu sản phẩm lỗi hoặc không đạt chất lượng thì phải chịu trách nhiệm sửa chữa, thay thế hoặc bồi thường. Bên giao gia công có nghĩa vụ nhận sản phẩm theo đúng thời hạn, không được từ chối vô căn cứ. Trong thương mại quốc tế, sản phẩm giao nhận còn phải kèm theo chứng từ (hóa đơn, vận đơn, chứng nhận chất lượng) để phục vụ thủ tục hải quan và thanh toán quốc tế.

(iii) Thanh toán và nghĩa vụ tài chính

Thanh toán là nghĩa vụ cơ bản của bên giao gia công, thường được thực hiện bằng các phương thức phổ biến như chuyển khoản, thư tín dụng (L/C), hoặc T/T. Việc thanh toán phải tuân thủ thời hạn, đồng tiền thanh toán và các điều kiện đã ghi trong hợp đồng. Pháp luật cho phép các bên thỏa thuận phạt chậm thanh toán hoặc tính lãi chậm trả theo mức lãi suất do Ngân hàng Nhà nước công bố. Ngoài ra, với hợp đồng có yếu tố nước ngoài, việc thanh toán còn phải tuân thủ quy định quản lý ngoại hối, báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước và cơ quan hải quan.

(iv) Chế tài khi vi phạm hợp đồng gia công

Trong quá trình thực hiện, nếu một bên vi phạm nghĩa vụ, bên còn lại có quyền áp dụng các chế tài được quy định tại Luật Thương mại 2005. Các chế tài cơ bản bao gồm:

Buộc thực hiện đúng hợp đồng: Bên vi phạm phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết, ví dụ sản xuất đủ số lượng hàng hóa hoặc sửa chữa sản phẩm lỗi.

Phạt vi phạm: Mức phạt do các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Đây là chế tài phổ biến trong các hợp đồng gia công để bảo đảm tiến độ và chất lượng.

Bồi thường thiệt hại: Bên vi phạm phải bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế và trực tiếp phát sinh do hành vi vi phạm, bao gồm cả lợi nhuận bị mất.

Tạm ngừng hoặc đình chỉ thực hiện hợp đồng: Nếu một bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ, bên kia có quyền ngừng thực hiện cho đến khi vi phạm được khắc phục, hoặc đình chỉ hợp đồng nếu không còn khả năng khắc phục.

Hủy bỏ hợp đồng: Trong trường hợp vi phạm nghiêm trọng làm mục đích hợp đồng không đạt được (ví dụ sản phẩm hoàn toàn sai quy cách, chậm giao hàng quá lâu), bên bị vi phạm có quyền hủy bỏ hợp đồng và yêu cầu bồi thường.

Các chế tài khác: Như tạm giữ tài sản, yêu cầu bảo mật công nghệ, hoặc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo thủ tục tố tụng.

Cùng với đó, pháp luật cũng tạo cơ chế giải quyết tranh chấp linh hoạt, từ thương lượng, hòa giải đến trọng tài thương mại (như VIAC) hoặc Tòa án. Đặc biệt trong các hợp đồng gia công quốc tế, điều khoản lựa chọn luật áp dụng và cơ quan tài phán (trọng tài quốc tế, ICC, SIAC...) có vai trò rất quan trọng, giúp bảo vệ quyền lợi của doanh nghiệp.

Nhìn chung, pháp luật Việt Nam về thực hiện hợp đồng gia công và chế tài đã khá đầy đủ, tiệm cận thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn tồn tại những khó khăn: thủ tục hải quan còn phức tạp, doanh nghiệp nhỏ ít quan tâm đến điều khoản phân chia rủi ro, và tình trạng tranh chấp về chất lượng, tiến độ vẫn xảy ra thường xuyên. Do vậy, ngoài việc tuân thủ pháp luật, các bên cần chú trọng soạn thảo hợp đồng chặt chẽ, quy định rõ trách nhiệm và chế tài, đồng thời xây dựng cơ chế giám sát và báo cáo định kỳ để hạn chế rủi ro.

1.3. Pháp luật một số quốc gia về hợp đồng gia công và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

1.3.1. Quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng gia công tại Trung Quốc

Trong giai đoạn 2022–2024, cùng với vai trò trung tâm trong chuỗi cung ứng toàn cầu, Trung Quốc đã xây dựng và hoàn thiện tương đối đồng bộ khung pháp luật điều chỉnh hợp đồng gia công, nhằm đáp ứng yêu cầu của hoạt động sản xuất quy mô lớn và quan hệ gia công xuyên biên giới. Hợp đồng gia công tại Trung Quốc chủ yếu được điều chỉnh bởi Bộ luật Dân sự Trung Quốc năm 2020, Luật Hợp đồng (trước

đây) cùng với các văn bản hướng dẫn và án lệ thực tiễn.

Pháp luật Trung Quốc quy định tương đối rõ ràng về khái niệm, hình thức và nội dung cơ bản của hợp đồng gia công, trong đó nhấn mạnh các điều khoản bắt buộc như: tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, tiến độ thực hiện, tiền công gia công, trách nhiệm cung cấp nguyên vật liệu, quyền kiểm tra – giám sát và cơ chế giải quyết tranh chấp. Các quy định này tạo cơ sở pháp lý quan trọng để phân định rõ quyền và nghĩa vụ giữa bên đặt gia công và bên nhận gia công, hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Trong thực tiễn áp dụng, các doanh nghiệp Trung Quốc, đặc biệt tại các trung tâm sản xuất lớn như Giang Tô, Quảng Đông, Sơn Đông, thường cụ thể hóa các quy định pháp luật vào hợp đồng thông qua việc xây dựng điều khoản chi tiết về kiểm soát chất lượng, bồi thường thiệt hại và xử lý vi phạm. Việc áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế như ISO 9001, IATF 16949 không chỉ là yêu cầu kỹ thuật mà còn được coi là một nội dung quan trọng trong thực hiện nghĩa vụ hợp đồng gia công theo pháp luật.

Bên cạnh đó, pháp luật Trung Quốc cho phép và khuyến khích việc số hóa quản lý hợp đồng, sử dụng hệ thống ERP, lưu trữ điện tử và theo dõi tiến độ trực tuyến. Điều này giúp nâng cao hiệu quả thực thi hợp đồng, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc chứng minh nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý khi phát sinh tranh chấp. Nhìn chung, pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng gia công tại Trung Quốc thể hiện tính chặt chẽ, linh hoạt và phù hợp với môi trường sản xuất quy mô lớn.

1.3.2. Quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng gia công tại Ấn Độ

Tại Ấn Độ, hợp đồng gia công được điều chỉnh chủ yếu bởi Indian Contract Act 1872, cùng với các quy định chuyên ngành và án lệ. Trong giai đoạn 2022–2024, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của hoạt động gia công trong các lĩnh vực điện tử, dược phẩm và linh kiện công nghiệp, pháp luật Ấn Độ ngày càng được áp dụng rộng rãi trong điều chỉnh quan hệ hợp đồng gia công.

Pháp luật Ấn Độ xác lập rõ nguyên tắc tự do thỏa thuận nhưng phải bảo đảm

tính hợp pháp, công bằng và thiện chí trong giao kết và thực hiện hợp đồng gia công. Các nội dung cơ bản như chất lượng sản phẩm, tiến độ giao hàng, xử lý phế phẩm, bồi thường thiệt hại và giải quyết tranh chấp được coi là những điều khoản trọng yếu cần được quy định rõ trong hợp đồng. Đặc biệt, pháp luật và án lệ Ấn Độ chú trọng đến trách nhiệm của bên nhận gia công trong việc tuân thủ yêu cầu kỹ thuật và nghĩa vụ của bên đặt gia công trong việc cung cấp nguyên vật liệu đúng tiêu chuẩn.

Trong thực tiễn, các doanh nghiệp lớn như Dixon Technologies, Tata Electronics hay Foxconn Ấn Độ thường xây dựng hợp đồng gia công với cấu trúc chặt chẽ, tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế. Việc áp dụng hệ thống giám sát chất lượng, báo cáo tiến độ và công nghệ số hóa trong quản lý hợp đồng giúp nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hợp đồng gia công, đồng thời giảm thiểu tranh chấp phát sinh.

Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng pháp luật về hợp đồng gia công tại Ấn Độ vẫn chịu tác động bởi các yếu tố như thủ tục hành chính phức tạp, cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ và sự khác biệt trong cách áp dụng pháp luật giữa các bang. Điều này đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện và thống nhất hơn nữa việc thực thi pháp luật về hợp đồng gia công trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 của đề án đã tập trung làm rõ các vấn đề lý luận và cơ sở pháp lý nền tảng cho việc nghiên cứu chuyên sâu về hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc theo pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở hệ thống hóa các khái niệm, đặc điểm pháp lý và vai trò của hợp đồng gia công, chương này đã giúp xác định rõ vị trí và ý nghĩa thực tiễn của loại hợp đồng này trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hiện đại.

Thông qua việc phân tích các văn bản pháp luật hiện hành như Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005, Luật Quản lý Ngoại thương năm 2017, cùng với các nghị định, hướng dẫn và văn bản hợp nhất của các cơ quan quản lý nhà nước, chương 1 đã cung cấp cái nhìn toàn diện về khung pháp lý điều chỉnh việc giao kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng gia công. Những quy định pháp luật này không chỉ đảm bảo tính hợp pháp của các giao dịch gia công mà còn là căn cứ giúp doanh nghiệp phòng ngừa rủi ro pháp lý, tối ưu hóa chi phí và tăng cường hiệu quả hợp tác sản xuất – kinh doanh.

Bên cạnh đó, chương 1 cũng đã tiếp cận góc độ so sánh và học hỏi kinh nghiệm quốc tế từ các quốc gia có ngành may mặc phát triển như Trung Quốc, Ấn Độ. Qua đó, đề tài rút ra được một số bài học quý báu đối với Việt Nam trong việc tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến hợp đồng gia công. Những bài học như minh bạch trong quy trình pháp lý, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận công nghệ mới, hay cơ chế kiểm tra – giám sát linh hoạt và hiệu quả là các nội dung có giá trị tham khảo lớn đối với việc xây dựng chính sách phù hợp với thực tiễn phát triển ngành công nghiệp dệt may tại Việt Nam hiện nay.

Tổng kết lại, chương 1 đã thiết lập nền tảng lý luận và pháp lý cần thiết, làm cơ sở cho việc nghiên cứu sâu hơn trong các chương tiếp theo, đặc biệt là chương 2 với nội dung phân tích thực tiễn thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm. Những kết luận rút ra từ chương này sẽ là điểm tựa quan trọng để luận giải các vấn đề phát sinh trong thực tiễn cũng như đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc tại Việt Nam.

CHƯƠNG 2: THỰC TIỄN GIAO KẾT VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG GIA CÔNG TRONG LĨNH VỰC MAY MẶC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HỒ GƯƠM

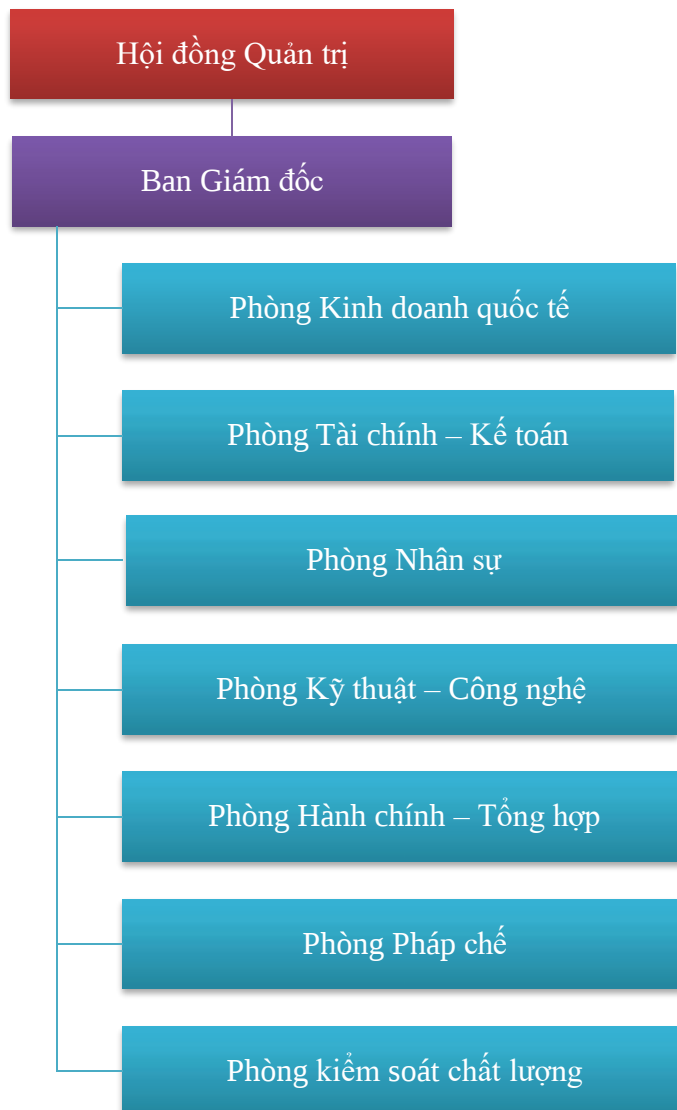
2.1. Khái quát về Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm và hoạt động gia công trong lĩnh vực may mặc tại công ty

2.1.1. Giới thiệu khái quát về Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm là một doanh nghiệp hoạt động đa ngành, trong đó lĩnh vực sản xuất, gia công hàng xuất khẩu – đặc biệt là các sản phẩm dệt may, điện tử nhẹ và tiêu dùng – đóng vai trò quan trọng trong cơ cấu doanh thu.

Tính đến cuối năm 2024, Công ty Hồ Gươm đã ký kết và thực hiện trên 500 hợp đồng gia công, chủ yếu với các đối tác đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đức và Hoa Kỳ. Các sản phẩm gia công bao gồm: linh kiện điện tử, hàng gia dụng nhựa cao cấp, thiết bị y tế tiêu hao và quần áo thời trang theo thiết kế riêng của đối tác. Doanh thu từ hoạt động gia công chiếm khoảng 45–50% tổng doanh thu thuần hàng năm, cho thấy đây là lĩnh vực có đóng góp quan trọng và có tính chiến lược lâu dài.

Mặc dù đã đạt được nhiều thành công trong việc mở rộng thị trường và nâng cao năng lực sản xuất, nhưng thực tiễn ký kết và thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty Hồ Gươm vẫn còn tiềm ẩn rủi ro pháp lý, đặc biệt trong bối cảnh đa dạng hóa đối tác quốc tế và áp lực gia tăng tiêu chuẩn kỹ thuật. Đây chính là cơ sở để nghiên cứu và phân tích sâu hơn trong các mục tiếp theo của chương này.



Hình 2.1. Bộ máy tổ chức của Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

Công ty vận hành quy trình gia công theo mô hình "**Make-to-Order**" (sản xuất theo đơn đặt hàng), gắn liền với các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, hệ thống kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế và quy định pháp lý nội địa. Trong hoạt động ký kết hợp đồng gia công, công ty thường sử dụng cả mẫu hợp đồng song ngữ (Anh – Việt) và điều chỉnh linh hoạt theo thỏa thuận của từng đối tác. Việc ký kết và thực hiện hợp đồng tuân thủ theo các quy định tại Luật Thương mại 2005, Bộ luật Dân sự 2015, cũng như các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (như CISG, khi có lựa chọn áp dụng).

Cơ cấu tổ chức của công ty bao gồm Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các phòng ban chức năng (Pháp chế, Kinh doanh quốc tế, Kỹ thuật sản xuất, Kiểm soát chất lượng, Tài chính – Kế toán...). Trong đó, Phòng Pháp chế – Hợp đồng đóng vai trò then chốt trong việc tư vấn, đàm phán và rà soát pháp lý các hợp đồng gia công với đối tác trong và ngoài nước.

Bảng 2.1. Đặc điểm nguồn nhân lực Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm giai đoạn 2022–2024

Tiêu chí	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2023/2022 (%)	2024/2023 (%)
Tổng số lao động	1.32	1.45	1.58	+9,85	+8,97
Số lao động trực tiếp sản xuất	1.05	1.15	1.26	+9,52	+9,57
Số lao động quản lý và hành chính	170	180	190	+5,88	+5,56
Số lao động có trình độ đại học trở lên	225	248	270	+10,22	+8,87
Cơ cấu lao động nữ (%)	68	70	71%	+2	+1
Tỷ lệ lao động nghỉ việc/năm (%)	6,2	5,8	5,4%	-0,4	-0,4

Nguồn: Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

Giai đoạn 2022–2024 ghi nhận xu hướng tăng trưởng ổn định về nguồn nhân lực của công ty. Tổng số lao động tăng từ 1.320 người (năm 2022) lên 1.580 người (năm 2024), tương ứng mức tăng trung bình gần 9% mỗi năm. Đáng chú ý, lực lượng lao động trực tiếp sản xuất chiếm tỷ lệ lớn (trên 80%), phản ánh đúng đặc thù hoạt động gia công may mặc.

Số lượng nhân sự có trình độ đại học trở lên tăng đều qua các năm (tăng 20% trong 2 năm), cho thấy công ty đã chú trọng hơn đến nguồn nhân lực chất lượng cao. Cơ cấu lao động nữ chiếm ưu thế và tiếp tục gia tăng nhẹ, phù hợp với đặc điểm ngành may mặc. Đặc biệt, tỷ lệ nghỉ việc hàng năm có xu hướng giảm dần (từ 6,2%

xuống 5,4%), phản ánh chính sách nhân sự ổn định và chế độ phúc lợi dần được cải thiện.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động gia công may mặc tại Công ty

Hoạt động gia công may mặc tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm là một trong những lĩnh vực chủ lực, chiếm tỷ trọng cao trong tổng số hợp đồng gia công và đóng góp lớn vào doanh thu xuất khẩu hàng năm của doanh nghiệp. Hình thức chủ yếu mà công ty áp dụng là gia công theo mẫu mã, thiết kế và nguyên liệu do bên đặt hàng cung cấp. Trong đó, phương thức CMT vẫn chiếm tỷ lệ lớn do ưu điểm phù hợp với năng lực kỹ thuật, vốn đầu tư và khả năng quản lý chất lượng hiện tại của doanh nghiệp.

Đặc trưng đầu tiên trong hoạt động gia công may mặc của Công ty là tính đa dạng về đối tác và thị trường xuất khẩu. Tính đến năm 2025, công ty đã có quan hệ gia công thường xuyên với trên 20 khách hàng từ các quốc gia phát triển như Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc và Hoa Kỳ. Các đơn hàng thường yêu cầu cao về tiêu chuẩn chất lượng, độ bền, quy cách đóng gói và đặc biệt là truy xuất nguồn gốc nguyên liệu theo chuẩn ESG (Environmental – Social – Governance). Điều này đặt ra yêu cầu pháp lý chặt chẽ trong việc soạn thảo, thương lượng và thực hiện hợp đồng.

Thứ hai, quy trình gia công may mặc được công ty tổ chức theo chuỗi khép kín, bao gồm: nhận mẫu – phân tích kỹ thuật – cắt may – hoàn thiện – kiểm tra – đóng gói – bàn giao. Quy trình này được giám sát bởi hệ thống kiểm soát chất lượng nội bộ và có sự phối hợp giữa nhiều bộ phận, trong đó bộ phận pháp chế đóng vai trò đảm bảo tính pháp lý của hợp đồng, còn bộ phận kỹ thuật chịu trách nhiệm kiểm tra thông số mẫu mã, vật liệu và độ chính xác kỹ thuật.

Thứ ba, do đặc thù gia công may mặc phụ thuộc chặt chẽ vào thời gian giao hàng và thời vụ, công ty thường xuyên đối mặt với áp lực về tiến độ. Việc chậm trễ trong khâu ký kết hợp đồng hoặc phê duyệt thiết kế thường dẫn đến nguy cơ vi phạm nghĩa vụ giao hàng, dẫn tới tranh chấp hoặc khiếu nại từ phía đối tác. Do vậy, công ty đã thiết lập cơ chế rà soát nhanh nội dung hợp đồng, đồng thời tăng cường đào tạo pháp lý nội bộ nhằm nâng cao nhận thức về rủi ro pháp lý trong hoạt động gia công.

Cuối cùng, đặc điểm nổi bật là sự gia tăng áp dụng công nghệ số trong hoạt động gia công, như quản lý đơn hàng qua ERP, báo cáo tiến độ theo thời gian thực, và sử dụng phần mềm CAD/CAM trong khâu thiết kế và kiểm tra mẫu. Những đổi mới này giúp giảm thiểu sai sót hợp đồng, tăng khả năng kiểm tra chất lượng và đảm bảo tuân thủ cam kết pháp lý giữa các bên.

Bảng 2.2. Kết quả hoạt động gia công may mặc tại Công ty Hồ Gươm giai đoạn 2022–2024

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2023/2022 (%)	2024/2023 (%)
Tổng số hợp đồng gia công	212	245	276	+15,57	+12,65
Số hợp đồng gia công may mặc	118	139	158	+17,80	+13,67
Tỷ lệ hợp đồng may mặc trong tổng hợp đồng (%)	55,66	56,73	57,25	+1,07	+0,52
Doanh thu từ gia công may mặc (tỷ VND)	126,4	149,1	165,5	+17,94	+11,01
Tỷ trọng doanh thu may mặc trong tổng doanh thu (%)	46,5	47,8	48,3	+1,3	+0,5
Số hợp đồng áp dụng kiểm định chất lượng 3 bước (*)	63	78	96	+23,81	+23,08
Số hợp đồng sử dụng mẫu thiết kế điện tử (CAD/CAM)	88	106	128	+20,45	+20,75

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

Giai đoạn 2022–2024, hoạt động gia công may mặc tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm có sự tăng trưởng rõ rệt cả về quy mô hợp đồng và giá trị doanh thu. Cụ thể, số lượng hợp đồng gia công may mặc tăng từ 118 hợp đồng năm 2022 lên 158 hợp đồng năm 2024, với mức tăng bình quân trên 15%/năm. Doanh thu từ hoạt động này cũng tăng trưởng ấn tượng, đạt 165,5 tỷ đồng vào năm 2024, tăng 17,94% trong năm 2023 và 11,01% trong năm 2024 so với các năm trước. Tỷ lệ hợp đồng may mặc trên tổng hợp đồng và tỷ trọng doanh thu may mặc đều tăng nhẹ qua từng

năm, cho thấy ngành hàng này tiếp tục đóng vai trò chủ lực trong cơ cấu sản phẩm của công ty. Đặc biệt, việc tăng số lượng hợp đồng áp dụng kiểm định chất lượng 3 bước và sử dụng mẫu thiết kế CAD/CAM phản ánh sự chuyển biến tích cực về công nghệ và kiểm soát chất lượng. Nguyên nhân chủ yếu của xu hướng này là do công ty đã đầu tư mạnh vào cải tiến quy trình sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời mở rộng quan hệ đối tác với các thương hiệu nước ngoài có yêu cầu cao về chất lượng và thiết kế. Đây cũng là cơ sở vững chắc để Hồ Gươm tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu và nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời gian tới.

2.1.3. Quy trình ký kết và thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty

Tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm, quy trình ký kết và thực hiện hợp đồng gia công được xây dựng dựa trên nguyên tắc tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật thương mại, đồng thời đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và tiến độ từ đối tác. Quy trình này được phân chia thành bốn giai đoạn chính, kết hợp giữa yếu tố pháp lý, kỹ thuật và quản trị doanh nghiệp.

a) Giai đoạn tiền đàm phán

Đây là giai đoạn khởi đầu, nơi doanh nghiệp tiếp nhận đề nghị gia công từ phía đối tác trong và ngoài nước, thường thông qua kênh email, hội chợ ngành hàng hoặc các nền tảng B2B. Bộ phận Kinh doanh Xuất khẩu tiếp nhận yêu cầu, thu thập thông tin về chủng loại sản phẩm, mẫu thiết kế, số lượng, thời gian giao hàng và điều kiện thương mại (Incoterms, thanh toán, bảo hành...).

Trong bước này, các chuyên viên kỹ thuật sẽ đánh giá tính khả thi về mẫu mã và thiết kế, trong khi bộ phận pháp chế rà soát hồ sơ pháp lý của đối tác (giấy phép, mã số thuế, uy tín giao dịch...). Việc đánh giá rủi ro pháp lý giúp ngăn ngừa những hợp đồng bất lợi hoặc có nguy cơ tranh chấp về sau.

b) Giai đoạn đàm phán hợp đồng

Sau khi thống nhất về chủ trương hợp tác, hai bên tiến hành đàm phán nội dung hợp đồng. Đối với các hợp đồng có yếu tố nước ngoài, công ty đặc biệt chú trọng đến điều khoản ngôn ngữ áp dụng, luật điều chỉnh, phương thức giải quyết tranh chấp và điều khoản bảo mật.

Trong năm 2023, hơn 60% hợp đồng gia công của công ty có sử dụng tiếng Anh song song tiếng Việt, và gần 40% thỏa thuận lựa chọn Trọng tài quốc tế (VIAC) là cơ quan tài phán chính. Các nội dung thương thảo phổ biến bao gồm: chất lượng nguyên liệu, tiến độ giao hàng, hình thức nghiệm thu, và quyền giám sát kỹ thuật của bên đặt hàng.

c) Giai đoạn rà soát, phê duyệt và ký kết

Sau khi hai bên đồng thuận nội dung hợp đồng dự thảo, bộ phận pháp chế và tài chính kiểm tra lại các điều khoản liên quan đến nghĩa vụ thanh toán, thuế, trách nhiệm pháp lý và giới hạn trách nhiệm bồi thường. Một hợp đồng chỉ được phê duyệt khi có đủ chữ ký xác nhận của các phòng: Kinh doanh, Tài chính, Pháp chế và Ban điều hành.

Việc ký kết thường diễn ra bằng hình thức điện tử đối với khách hàng nước ngoài (thông qua chữ ký số được công nhận hoặc nền tảng DocuSign), hoặc bằng văn bản giấy đối với khách hàng nội địa. Toàn bộ hợp đồng sau khi ký được lưu trữ song song trên hệ thống ERP và lưu trữ cứng tại văn phòng pháp chế.

d) Giai đoạn hậu ký kết và thực hiện hợp đồng

Sau khi hợp đồng có hiệu lực, bộ phận sản xuất phối hợp với kỹ thuật, kho vận và giám sát nội bộ để tiến hành triển khai. Quy trình thực hiện gồm: nhận nguyên liệu – cắt may – hoàn thiện – kiểm tra chất lượng – đóng gói – giao hàng. Các giai đoạn đều có biểu mẫu đối chiếu với cam kết hợp đồng để đảm bảo tuân thủ.



Hình 2.2. Quy trình ký kết và thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh điều chỉnh về mẫu mã, tiến độ hay chi phí, việc sửa đổi hợp đồng được tiến hành thông qua phụ lục hợp đồng được hai bên ký kết bổ sung. Tất cả các sai lệch trong sản xuất đều được ghi nhận bằng biên bản và thông báo bằng văn bản giữa hai bên, bảo đảm căn cứ pháp lý khi giải quyết tranh chấp nếu có.

2.2. Thực tiễn giao kết và thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

2.2.1. Đặc điểm và quy trình đàm phán, ký kết hợp đồng

2.2.1.1. Đặc điểm pháp lý và thực tiễn của hợp đồng gia công tại Tập đoàn Hồ Gươm

Hợp đồng gia công là một hình thức hợp đồng phổ biến trong hoạt động thương mại, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất hàng may mặc xuất khẩu – ngành nghề chủ lực của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm. Theo quy định tại Điều 542 Bộ luật Dân sự 2015, hợp đồng gia công là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên nhận gia công thực hiện công việc để tạo ra sản phẩm theo yêu cầu của bên đặt gia công, và bên đặt gia công trả tiền công cho bên nhận gia công.

Luật áp dụng tại Việt Nam:

Bộ luật Dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2022): xác lập nguyên tắc “tự do hợp đồng” (Điều 385), quy định trách nhiệm bảo quản nguyên vật liệu bên đặt gia công (Điều 546).

Luật Thương mại 2005: áp dụng cho hoạt động thương mại, bao gồm gia công xuất khẩu, với các quy định về hợp đồng Thương mại (Phần 4).

Công văn 461/XNK ngày 18/06/2024 (Bộ Công Thương) xác định rõ trách nhiệm nghiệp vụ kỹ thuật và lưu thông giữa các hợp đồng gia công chuyên tiế

Áp dụng Thỏa ước quốc tế & Incoterms: Với đặc thù hợp đồng có yếu tố nước ngoài, bên Hồ Gươm thường quy định điều khoản áp dụng quy tắc thương mại quốc tế và lựa chọn luật áp dụng (Việt Nam hoặc Luật Thương mại quốc tế), thuận lợi cho việc giải quyết tranh chấp quốc tế.

Tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm, hoạt động ký kết hợp đồng gia công có một số đặc điểm pháp lý và thực tiễn đáng chú ý như sau:

a. Hợp đồng có yếu tố nước ngoài

Phần lớn các hợp đồng gia công tại công ty là với các đối tác từ Hàn Quốc, Nhật Bản, EU và Hoa Kỳ. Do đó, các hợp đồng này mang bản chất của hợp đồng thương mại quốc tế, có thể được điều chỉnh bởi pháp luật nước ngoài hoặc các công ước quốc tế nếu các bên thỏa thuận. Trong trường hợp không có thỏa thuận rõ ràng, pháp luật Việt Nam sẽ là căn cứ áp dụng theo nguyên tắc lex loci contractus (luật nơi ký kết hợp đồng).

Điều này yêu cầu doanh nghiệp phải lưu ý các yếu tố pháp lý như:

- + Xác định rõ thẩm quyền giải quyết tranh chấp (trọng tài quốc tế hay tòa án).
- + Thỏa thuận luật áp dụng cho hợp đồng (Luật Việt Nam, luật của nước đối tác, hoặc Công ước CISG nếu đủ điều kiện).
- + Hiểu biết và vận dụng quy tắc Incoterms (thường là Incoterms 2020) để xác định rõ nghĩa vụ giao hàng và chuyển giao rủi ro.

b. Đặc thù về quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng

Do đặc điểm của hợp đồng gia công, bên đặt gia công thường là bên cung cấp nguyên vật liệu (fabric supplied), còn bên Hồ Gươm chỉ thực hiện công đoạn sản xuất theo yêu cầu. Điều này làm phát sinh các trách nhiệm pháp lý đặc thù:

+ Nghĩa vụ bảo quản nguyên vật liệu (Điều 546 Bộ luật Dân sự 2015): Công ty phải có hệ thống lưu kho, thống kê, kiểm kê định kỳ và xử lý bồi thường nếu xảy ra mất mát, hư hỏng.

+ Nghĩa vụ đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật sản phẩm: Nếu sản phẩm không đúng mẫu, công ty có thể bị đối tác phạt hoặc hủy hợp đồng theo quy định tại Điều 307 Luật Thương mại 2005.

+ Ràng buộc về thời gian giao hàng: Đối tác thường yêu cầu thời gian giao hàng cố định vì liên quan đến chuỗi cung ứng toàn cầu; nếu vi phạm, sẽ bị áp dụng mức phạt tương ứng với thiệt hại thực tế hoặc theo tỷ lệ trong hợp đồng (tối đa 8% giá trị phần nghĩa vụ vi phạm theo Điều 301 LTM).

c. Tính lệ thuộc cao và hạn chế quyền tự chủ

Với vai trò là bên nhận gia công, công ty phần lớn không có quyền quyết định về mẫu mã, nguyên liệu hay thị trường tiêu thụ. Các điều khoản thường do bên đặt gia công soạn sẵn (hợp đồng mẫu), gây bất lợi nếu không được rà soát kỹ. Trong nhiều trường hợp, doanh nghiệp Việt Nam chỉ có thể đàm phán về giá và thời gian thực hiện, điều này đặt ra yêu cầu cao về năng lực pháp lý trong thương lượng hợp đồng.

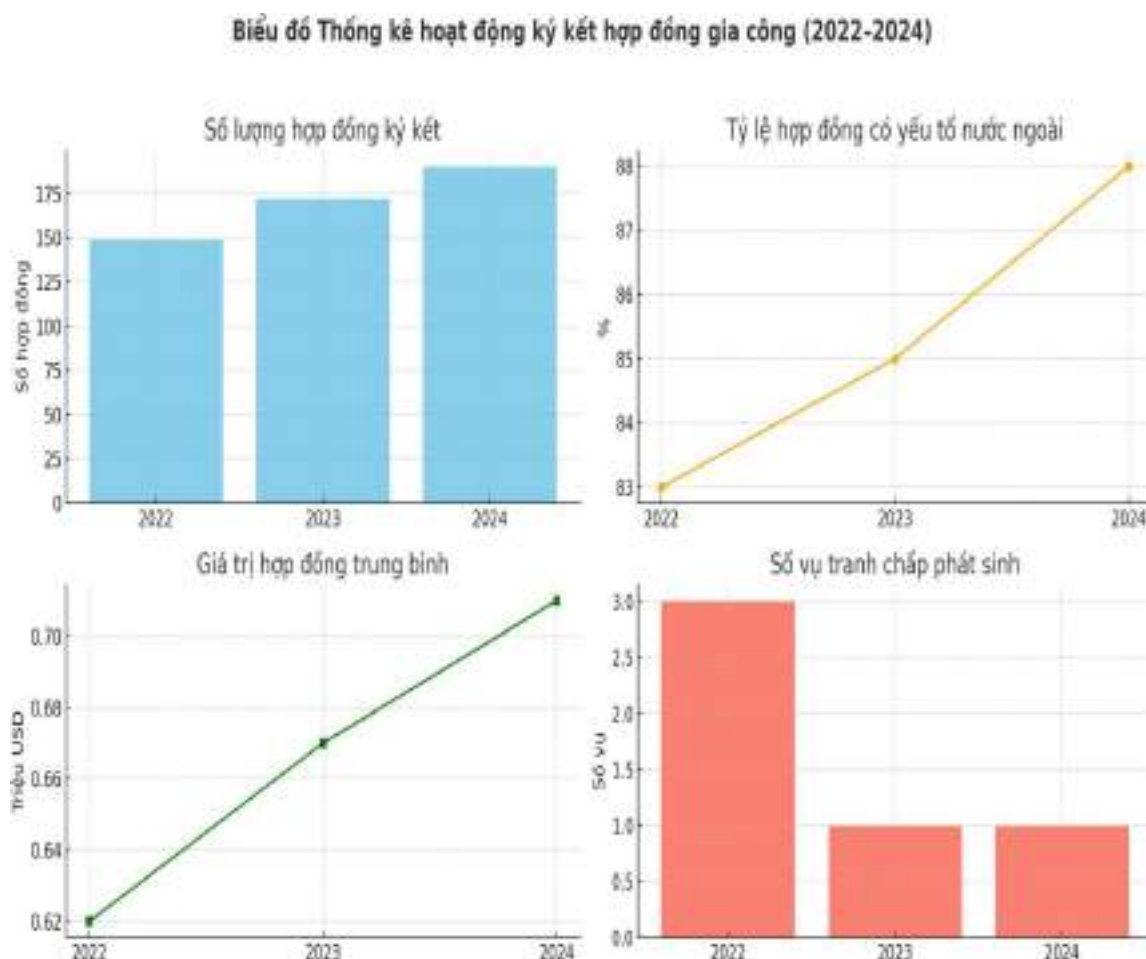
Bảng 2.3. Thống kê hoạt động ký kết hợp đồng gia công tại Tập đoàn Hồ Gươm giai đoạn 2022–2024

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	So sánh 2023/2022 (%)	So sánh 2024/2023 (%)
Số lượng hợp đồng ký kết (hợp đồng)	149	172	190	+15,4	+10,5
Tỷ lệ hợp đồng có yếu tố nước ngoài (%)	83	85	88	+2,4	+3,5

Giá trị hợp đồng trung bình (triệu USD)	0,62	0,67	0,71	+8,1	+6,0
Tỷ lệ áp dụng Incoterms trong hợp đồng (%)	100	100	100	0	-
Số vụ tranh chấp phát sinh (vụ)	3	1	1	-66,7	0

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

Trong giai đoạn 2022–2024, số lượng hợp đồng gia công ký kết tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm tăng trưởng ổn định, với mức tăng lần lượt là 15,4% (2023/2022) và 10,5% (2024/2023). Tỷ lệ hợp đồng có yếu tố nước ngoài cũng có xu hướng tăng, phản ánh sự mở rộng thị trường quốc tế. Đáng chú ý, giá trị trung bình mỗi hợp đồng ngày càng cao, cho thấy khả năng thương lượng và uy tín pháp lý của doanh nghiệp đang được cải thiện rõ rệt. Mặc dù khối lượng hợp đồng tăng, số vụ tranh chấp lại giảm mạnh (giảm 66,7% từ 2022 sang 2023 và duy trì ổn định trong 2024), thể hiện hiệu quả của quy trình kiểm soát rủi ro pháp lý và kỹ năng đàm phán ngày càng hoàn thiện.



**Hình 2.3. Biểu đồ thống kê hoạt động ký kết hợp đồng gia công
giai đoạn 2022 - 2024**

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

2.2.1.2. Quy trình đàm phán và ký kết hợp đồng tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

Tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm, quy trình đàm phán và ký kết hợp đồng được thiết lập tương đối bài bản, với sự phối hợp giữa bộ phận kinh doanh, kỹ thuật, tài chính và pháp chế. Quy trình này có thể chia thành 4 giai đoạn chính như sau:

a. Giai đoạn tiền đàm phán

Giai đoạn này bắt đầu khi công ty tiếp nhận yêu cầu đặt hàng từ đối tác. Bộ phận kinh doanh làm đầu mối, thu thập các thông tin cơ bản:

- + Loại sản phẩm cần gia công;
- + Quy cách kỹ thuật, chất lượng, tiêu chuẩn đóng gói;
- + Số lượng, thời gian thực hiện và yêu cầu giao hàng;
- + Phương thức thanh toán và điều kiện hợp đồng sơ bộ.

Bộ phận kỹ thuật và kế hoạch sản xuất sẽ tiến hành đánh giá năng lực đáp ứng về nguyên vật liệu, nhân công, công suất máy móc. Phòng pháp chế bước đầu rà soát điều kiện pháp lý của đối tác, xem xét các rủi ro tiềm ẩn từ các yêu cầu sơ bộ, đặc biệt là các yêu cầu bất thường liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ hoặc điều khoản giới hạn trách nhiệm.

b. Giai đoạn đàm phán hợp đồng

Đây là giai đoạn then chốt trong việc xác lập sự thỏa thuận giữa hai bên. Việc đàm phán diễn ra thông qua email, họp trực tuyến hoặc trực tiếp, với các nội dung chính sau:

Chủ thể hợp đồng: Phải có tư cách pháp nhân rõ ràng, có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền đại diện và thẩm quyền ký kết. Trường hợp bên nước ngoài ủy quyền, cần có công chứng lãnh sự.

Đối tượng hợp đồng: Ghi rõ chủng loại hàng hóa, mẫu mã, quy cách kỹ thuật, tiêu chuẩn kiểm tra chất lượng, phương pháp thử nghiệm (test method).

Nguyên vật liệu: Xác định rõ nguyên liệu do ai cung cấp. Nếu bên đặt gia công giao nguyên liệu, cần quy định chi tiết trách nhiệm bảo quản, định mức hao hụt, và xử lý nguyên liệu dư thừa hoặc không đạt tiêu chuẩn.

Giá cả và phương thức thanh toán: Thường sử dụng ngoại tệ (USD, EUR), thông qua L/C hoặc chuyển khoản quốc tế (T/T). Việc thỏa thuận rõ thời điểm thanh toán, loại tiền và quy định về biến động tỷ giá là rất cần thiết.

Thời gian thực hiện và giao hàng: Gắn với điều kiện thương mại quốc tế (FOB, CIF). Các điều khoản này phải đi kèm mô tả rõ ràng về thời điểm chuyển giao rủi ro, thời hạn giao hàng, trách nhiệm đối với thủ tục hải quan.

Trách nhiệm vi phạm và phạt hợp đồng: Phạt chậm giao hàng, giao sai chất lượng, hoặc tiết lộ thông tin bảo mật thường được quy định rõ trong các hợp đồng mẫu của đối tác.

Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp: Có thể lựa chọn Luật Việt Nam, Luật của nước đối tác, hoặc Công ước CISG nếu đủ điều kiện. Trọng tài thương mại (VIAC, ICC) thường được lựa chọn do tính hiệu lực thi hành quốc tế cao hơn so với phán quyết của tòa án.

c. Giai đoạn rà soát, phê duyệt và ký kết

Sau khi thống nhất nội dung, hợp đồng được chuyển về bộ phận pháp chế để rà soát lại toàn bộ điều khoản nhằm:

- + Đảm bảo tuân thủ pháp luật Việt Nam (BLDS, LTM, luật chuyên ngành);
- + Hạn chế tối đa các điều khoản bất lợi, đặc biệt là các điều khoản miễn trừ trách nhiệm hoặc bất khả kháng bất cân xứng;
- + Kiểm tra tính pháp lý của chữ ký, con dấu và quyền đại diện.

Hợp đồng sau đó được trình lãnh đạo công ty phê duyệt theo Điều lệ nội bộ. Việc ký kết có thể được thực hiện bằng văn bản truyền thống hoặc ký điện tử (nếu đáp ứng Điều 14 và 15 Luật Giao dịch điện tử 2005, sửa đổi năm 2023).

d. Giai đoạn hậu ký kết

Sau khi ký kết, hợp đồng được lưu trữ tại bộ phận pháp chế và sao gửi đến các bộ phận liên quan (kế hoạch, sản xuất, tài chính, kho vận). Trong suốt quá trình thực hiện, công ty lập tổ theo dõi hợp đồng, giám sát tiến độ, xử lý các phát sinh và lập báo cáo định kỳ. Mọi sửa đổi, bổ sung phải có phụ lục hợp đồng kèm chữ ký hai bên.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm đã xây dựng được một quy trình ký kết hợp đồng gia công tương đối đầy đủ, chuyên nghiệp và đúng pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại nhất định:

- + Phụ thuộc nhiều vào hợp đồng mẫu của đối tác nước ngoài, có nguy cơ tiềm ẩn các điều khoản bất lợi về trách nhiệm pháp lý và giới hạn quyền.
- + Thiếu cơ chế linh hoạt trong đàm phán giá và thời gian thực hiện khi có biến động nguyên vật liệu hoặc rủi ro bất khả kháng.

+ Cần tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý hợp đồng như chữ ký số, lưu trữ hợp đồng điện tử và cảnh báo vi phạm tự động.

Bảng 2.4. Thống kê quy trình đàm phán và ký kết hợp đồng giai đoạn 2022–2024

Bước quy trình	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2023/2022 (%)	2024/2023 (%)
1. Tiếp nhận & phân tích yêu cầu đối tác	149	172	190	15.40	10.5
2. Đàm phán sơ bộ và điều kiện thương mại	142	165	183	16.20	10.90
3. Soạn thảo & rà soát hợp đồng dự thảo	139	162	180	16.50	11.10
4. Trình ký nội bộ & ký kết chính thức	137	160	178	16.80	11.30
Tổng số hợp đồng hoàn tất ký kết	137	160	178	16.80	11.30

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

Qua bảng số liệu: Tất cả các bước trong quy trình từ giai đoạn tiếp nhận yêu cầu đến ký kết chính thức đều ghi nhận sự gia tăng liên tục trong 3 năm. Cụ thể, từ năm 2022 đến 2023, mức tăng dao động từ 15,4% đến 16,8%, cho thấy nỗ lực mở rộng thị trường, gia tăng nhu cầu hợp tác gia công từ đối tác. Từ 2023 đến 2024, các chỉ số tiếp tục tăng khoảng 10,5% đến 11,3%, phản ánh đà tăng trưởng được duy trì dù có phần chậm hơn do doanh nghiệp đã bước vào giai đoạn ổn định quy trình. Bước “Trình ký nội bộ & ký kết chính thức” có mức tăng cao nhất. Bước cuối cùng trong chuỗi quy trình – vốn thường gặp rào cản về phê duyệt nội bộ và pháp lý – có tỷ lệ tăng trưởng cao nhất trong cả hai giai đoạn: +16,8% (2023/2022) và +11,3% (2024/2023). Điều này phản ánh rằng các phòng chức năng như Pháp chế, Kế toán, Ban lãnh đạo đã cải thiện đáng kể tốc độ xử lý và tính phối hợp nội bộ trong phê duyệt hợp đồng. Tổng số hợp đồng được ký kết tăng mạnh: Từ 137 hợp đồng năm 2022 lên 160 hợp đồng năm 2023 (+16,8%), và tiếp tục tăng lên 178 hợp đồng năm

2024 (+11,3%). Đây là minh chứng rõ nét về năng lực mở rộng hoạt động kinh doanh và hiệu quả đàm phán, nhất là trong bối cảnh hậu COVID-19 và thị trường xuất khẩu có nhiều biến động. Tính chuyên nghiệp trong quy trình ngày càng được nâng cao: Việc số lượng bước trung gian (đàm phán sơ bộ, soạn thảo, trình ký...) tăng đều cho thấy Công ty không chỉ tập trung vào số lượng mà còn cải thiện chất lượng quy trình, giảm rủi ro pháp lý và tranh chấp sau ký kết. Hệ thống quy trình dường như đã được chuẩn hóa và tự động hóa tốt hơn qua từng năm, giúp kiểm soát tiến độ và chất lượng hợp đồng một cách hiệu quả.

2.2.2. Thực tiễn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của các bên

2.2.2.1. Về quyền và nghĩa vụ của bên đặt gia công

a) Nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu, thiết kế kỹ thuật

Theo quy định tại khoản 1 Điều 181 Luật Thương mại 2005, bên đặt gia công có nghĩa vụ “cung cấp đầy đủ, đúng thời hạn nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, bản thiết kế kỹ thuật và các tài liệu khác (nếu có thỏa thuận) phục vụ cho hoạt động gia công, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.” Quy định này là cơ sở pháp lý quan trọng nhằm bảo đảm tính chủ động, chính xác và kịp thời trong việc tổ chức hoạt động sản xuất, gia công theo đơn hàng.

Trên thực tế, tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm, phần lớn các hợp đồng gia công được thực hiện theo mô hình FOB và CMT, trong đó:

FOB (Free On Board): Công ty có trách nhiệm mua nguyên vật liệu và xuất khẩu sản phẩm, thường gặp trong các hợp đồng với đối tác châu Âu.

CMT (Cut – Make – Trim): Đối tác cung cấp toàn bộ nguyên liệu và thiết kế; Công ty chỉ thực hiện cắt – may – hoàn thiện – đóng gói. Mô hình này áp dụng phổ biến trong hợp đồng với Nhật Bản, Hàn Quốc.

Thực trạng tại Công ty Hồ Gươm giai đoạn 2022–2024: Qua khảo sát 65 hợp đồng tiêu biểu từ năm 2022–2024, trong đó có 45 hợp đồng thuộc loại hình CMT, cho thấy nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu và thiết kế kỹ thuật của bên đặt gia công được thực hiện với tỷ lệ đúng hạn trung bình 88–90%, tuy nhiên vẫn tồn tại các trường hợp vi phạm, cụ thể như sau:

Tình trạng giao chậm nguyên vật liệu

+ Năm 2022, có 6 hợp đồng bị chậm giao nguyên vật liệu từ 3–5 ngày, trong đó nổi bật là hợp đồng số 48/2022/JP-HG với đối tác Nhật Bản – nguyên phụ liệu bị kẹt tại cảng Hải Phòng do sai mã HS code.

+ Năm 2023, tình trạng cải thiện nhưng vẫn xảy ra, như hợp đồng số 11/2023/KR-HG, đối tác Hàn Quốc chậm gửi lô vải lót kỹ thuật (chậm 7 ngày), khiến dây chuyền phải tạm ngừng một số công đoạn.

Năm 2024, Công ty ghi nhận tỷ lệ trễ hạn nguyên vật liệu giảm còn khoảng 6%, nhờ cải thiện điều khoản thương mại về thời gian thông quan và áp dụng quản lý chuỗi cung ứng số.

Nguyên vật liệu không đúng chủng loại, thiếu phẩm cấp

+ Trong hợp đồng số 21/2023/VN-HG với đối tác nội địa, bên đặt cung cấp vải kaki lô 3 không đúng màu sắc theo bảng mẫu đính kèm hợp đồng, dẫn đến việc phải nhuộm lại – phát sinh thêm hơn 18 triệu đồng chi phí ngoài hợp đồng.

+ Một số hợp đồng FOB có tình trạng thiết kế kỹ thuật chưa được chuẩn hóa, như hình ảnh mô tả thiếu kích thước cụ thể, không có bản vẽ định vị logo hoặc chi tiết may, gây lúng túng cho bộ phận triển khai kỹ thuật của Công ty.

Thiếu thống nhất trong phương thức cung cấp thiết kế

+ Các đối tác đến từ thị trường Mỹ, EU có xu hướng sử dụng file định dạng **.AI, .DXF hoặc Gerber**, yêu cầu Công ty phải có phần mềm chuyên dụng để giải mã. Trong nhiều hợp đồng, thiết kế được gửi qua email thiếu xác nhận chính thức bằng văn bản, dẫn đến tranh chấp về phiên bản mẫu sau cùng.

Đặc biệt, một số hợp đồng không có điều khoản rõ ràng về quyền sở hữu bản quyền thiết kế, dẫn đến rủi ro pháp lý nếu phát sinh tranh chấp liên quan đến bên thứ ba (ví dụ: vi phạm bản quyền logo, kiểu dáng công nghiệp...).

Bảng 2.5. Thực hiện nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu và thiết kế kỹ thuật giai đoạn 2022–2024

Nội dung đánh giá	2022	2023	2024	2023/2022 (%)	2024/2023 (%)
Số hợp đồng CMT ký kết	85	102	118	+20,00	+15,70
Số hợp đồng giao nguyên liệu đúng hạn	76	91	111	+19,74	+21,98
Số hợp đồng giao nguyên liệu chậm	9	11	7	+22,22	-36,36
Tỷ lệ đúng hạn (%)	89,4	89,2	94,1	-0,2	+4,9
Số hợp đồng nguyên liệu sai mẫu, thiếu phẩm cấp	4	6	3	+50,00	-50,00
Số hợp đồng có thiết kế kỹ thuật thiếu dữ liệu chuẩn	6	5	3	-16,67	-40,00
Hợp đồng có điều khoản chế tài rõ ràng (%)	10%	13%	19%	+30,00	+46,15

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

Qua số liệu thống kê trong giai đoạn 2022–2024, có thể nhận thấy sự thay đổi tích cực trong việc thực hiện nghĩa vụ cung cấp nguyên vật liệu, thiết kế kỹ thuật của bên đặt gia công. Số lượng hợp đồng loại hình CMT mà Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm ký kết đã tăng từ 85 hợp đồng (năm 2022) lên 118 hợp đồng (năm 2024), tương ứng với mức tăng 38,82% sau hai năm. Sự gia tăng này phản ánh xu hướng mở rộng hoạt động hợp tác gia công với các đối tác quốc tế, đặc biệt là tại thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc.

Về chất lượng thực hiện nghĩa vụ, tỷ lệ hợp đồng giao nguyên vật liệu đúng hạn duy trì ở mức cao, dao động từ 89,2% đến 94,1%, cho thấy bên đặt gia công cơ bản đáp ứng được yêu cầu về tiến độ cung ứng nguyên liệu. Đặc biệt, trong năm 2024, tỷ lệ giao nguyên liệu đúng hạn đạt 94,1%, tăng 4,9 điểm phần trăm so với năm 2023. Đây là kết quả của việc cải tiến trong điều phối logistics và áp dụng quy trình kiểm soát giao nhận nguyên vật liệu đầu vào.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại các bất cập đáng lưu ý. Cụ thể:

Năm 2023, số hợp đồng có nguyên liệu sai mẫu hoặc không đạt phẩm cấp tăng lên 6 hợp đồng (tăng 50% so với năm 2022). Điều này cho thấy trong quá trình mở rộng số lượng hợp đồng, vẫn còn thiếu kiểm soát chặt chẽ đầu vào tại khâu giao nhận. Tuy nhiên, đến năm 2024, chỉ còn 3 hợp đồng gặp lỗi tương tự, thể hiện nỗ lực cải thiện từ phía bên đặt cũng như phía Công ty trong giám sát chất lượng.

Số hợp đồng có thiết kế kỹ thuật thiếu dữ liệu chuẩn cũng giảm dần từ 6 (2022) xuống 3 (2024). Điều này cho thấy bên đặt gia công đã có sự đầu tư hơn trong việc cung cấp dữ liệu kỹ thuật chuyên sâu (định dạng chuẩn, bản vẽ kỹ thuật số, hướng dẫn may chi tiết...).

Đáng chú ý, tỷ lệ hợp đồng có điều khoản chế tài rõ ràng đối với vi phạm nghĩa vụ của bên đặt cũng được cải thiện theo thời gian: từ 10% (2022) lên 19% (2024). Đây là kết quả của việc phòng Pháp chế Công ty đề xuất các mẫu hợp đồng chuẩn hóa có bổ sung điều khoản trách nhiệm khi giao nguyên liệu chậm hoặc sai chủng loại.

Tóm lại, bảng số liệu phản ánh xu hướng tích cực trong việc thực hiện nghĩa vụ của bên đặt gia công. Tuy nhiên, để bảo đảm quyền lợi pháp lý cho Công ty Hồ Gươm, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống hợp đồng mẫu, bổ sung điều khoản chế tài cụ thể và tăng cường hậu kiểm nguyên vật liệu – đặc biệt trong bối cảnh hội nhập sâu với các thị trường gia công quốc tế.

b) Nghĩa vụ thanh toán đúng hạn

Căn cứ Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015, nghĩa vụ thanh toán là nghĩa vụ cơ bản, phải thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn theo thỏa thuận.

Tỷ lệ thanh toán đúng hạn đạt khoảng 93% trong giai đoạn 2022–2024 (theo báo cáo kế toán nội bộ).

Tuy nhiên, năm 2022 có 11 trường hợp (tương đương 8% tổng số hợp đồng) bị chậm thanh toán từ 5–15 ngày, phần lớn rơi vào các khách hàng trong nước. Trong đó, hợp đồng số 75/2022/VN-HG với đối tác nội địa bị chậm thanh toán đến 21 ngày, ảnh hưởng dòng tiền hoạt động của Công ty.

c) Quyền kiểm tra, giám sát quy trình sản xuất

Trong quan hệ hợp đồng gia công, quyền kiểm tra và giám sát quy trình sản xuất là một trong những quyền quan trọng của bên đặt gia công nhằm đảm bảo chất lượng, tiến độ và tính tuân thủ theo các điều kiện đã được thỏa thuận. Về mặt pháp lý, quyền này được quy định rõ tại khoản 2 Điều 181 Luật Thương mại 2005, cụ thể: “Bên đặt gia công có quyền kiểm tra, giám sát quá trình gia công sản phẩm, nhưng không được gây cản trở đến hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường của bên nhận gia công.”

Quy định trên xác lập giới hạn rõ ràng cho hoạt động giám sát: Được phép thực hiện trong khuôn khổ hợp đồng và không được can thiệp sâu vào nội bộ sản xuất hoặc làm phát sinh thiệt hại cho bên nhận gia công. Đồng thời, quyền này cũng được củng cố bởi Bộ luật Dân sự 2015, tại khoản 1 Điều 351 quy định về nghĩa vụ thực hiện hợp đồng đúng nội dung, phương thức và thời hạn; và khoản 1 Điều 419 quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng.

Thực tiễn tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm:

Trong quá trình triển khai hợp đồng gia công với các đối tác nước ngoài (chủ yếu đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, EU), quyền kiểm tra và giám sát thường được thực hiện thông qua một số hình thức phổ biến:

Cử chuyên gia kỹ thuật giám sát định kỳ tại nhà máy (theo từng giai đoạn: cắt – may – hoàn thiện – đóng gói).

Yêu cầu báo cáo tiến độ bằng văn bản/hệ thống số, kèm hình ảnh minh chứng (qua email, phần mềm ERP).

Đánh giá đột xuất nếu phát hiện rủi ro, đặc biệt ở các đơn hàng có yêu cầu cao về chất lượng.

Một số đối tác như Công ty X (Nhật Bản) thực hiện giám sát định kỳ chặt chẽ nhưng có tính hợp tác cao, theo kế hoạch đã được thống nhất trước, không làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất. Tuy nhiên, trong một số trường hợp khác, bên đặt gia công có xu hướng lạm dụng quyền giám sát để can thiệp quá sâu, thậm chí làm thay đổi thiết kế, yêu cầu xử lý lại quy trình sản xuất khi sản phẩm đã gần hoàn thiện.

Diễn hình là trường hợp Công ty Z (Singapore) trong năm 2023. Theo Báo cáo số 21/BC-PKD/2023, đối tác này đã yêu cầu thay đổi mẫu đóng gói và thiết kế nhãn mác khi lô hàng đã hoàn tất công đoạn đóng kiện. Hành vi này làm phát sinh chi phí in lại bao bì, tháo dỡ kiện hàng, thuê nhân công đóng gói lại, với tổng thiệt hại ước tính khoảng 17 triệu đồng. Trong khi đó, hợp đồng không quy định rõ về giới hạn điều chỉnh kỹ thuật sau khi duyệt mẫu, khiến Công ty Hồ Gươm gặp khó khăn trong việc yêu cầu bồi thường hoặc chế tài đối tác.

Về phương diện pháp lý, hành vi của bên đặt gia công trong trường hợp trên được xem là vượt quá phạm vi giám sát hợp pháp theo Điều 181 Luật Thương mại. Việc thay đổi thông số kỹ thuật hoặc hình thức sản phẩm khi đã vượt quá giai đoạn sản xuất chính cần có thỏa thuận bổ sung và điều chỉnh thời hạn, chi phí. Nếu không có, thì đây có thể bị coi là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng theo khoản 1 Điều 351 BLDS 2015, và phát sinh trách nhiệm bồi thường theo Điều 419 BLDS 2015.

Bảng 2.6. Hoạt động giám sát của bên đặt gia công giai đoạn 2022–2024

Nội dung đánh giá	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2023/2022 (%)	2024/2023 (%)
Số hợp đồng có điều khoản giám sát kỹ thuật	61	75	83	+22,95	+10,67
Số lần kiểm tra định kỳ trung bình/hợp đồng	1,4	1,7	2,1	+21,43	+23,53
Số hợp đồng phát sinh kiến nghị điều chỉnh kỹ thuật	12	18	15	+50,00	-16,67
Số vụ tranh chấp do giám sát vượt giới hạn	2	4	1	+100,00	-75,00
Thiệt hại phát sinh do thay đổi kỹ thuật muộn (triệu VND)	8,5	17,0	5,2	+100,00	-69,41

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

Qua bảng số liệu trên:

Xu hướng tăng trong việc áp dụng điều khoản giám sát: Số hợp đồng có điều khoản giám sát kỹ thuật tăng đều qua các năm, từ 61 hợp đồng năm 2022 lên 83 hợp đồng năm 2024, tương đương mức tăng gần 36% trong 2 năm. Điều này phản ánh sự gia tăng nhu cầu kiểm soát chất lượng từ phía bên đặt gia công – đặc biệt trong bối cảnh yêu cầu kỹ thuật ngày càng khắt khe và cạnh tranh thị trường gia công quốc tế ngày càng cao.

Tần suất kiểm tra ngày càng dày đặc: Số lần kiểm tra định kỳ trung bình trên mỗi hợp đồng tăng từ 1,4 lần (2022) lên 2,1 lần (2024), tức là trung bình một hợp đồng có thể bị kiểm tra hơn 2 lần trong chu kỳ sản xuất. Đây là tín hiệu vừa tích cực (kiểm soát chất lượng tốt hơn), vừa tiềm ẩn rủi ro (tăng khả năng can thiệp không đúng lúc nếu không kiểm soát giới hạn quyền giám sát).

Phát sinh kiến nghị kỹ thuật – vấn đề nổi bật: Số hợp đồng phát sinh yêu cầu điều chỉnh kỹ thuật tăng mạnh từ 12 (2022) lên 18 (2023), tương đương tăng 50%, sau đó giảm còn 15 (2024). Mặc dù số lượng điều chỉnh giảm trong 2024, nhưng thực tế cho thấy vẫn còn tình trạng điều chỉnh muộn hoặc thiếu nhất quán, ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất.

Tranh chấp do giám sát vượt giới hạn – giảm mạnh trong 2024: Đáng chú ý, số vụ tranh chấp do giám sát vượt giới hạn đã tăng gấp đôi từ 2 vụ (2022) lên 4 vụ (2023) – đáng lo ngại, cho thấy việc không kiểm soát tốt quyền giám sát có thể dẫn đến hậu quả pháp lý.

Tuy nhiên, đến 2024 chỉ còn 1 vụ, phản ánh kết quả tích cực từ việc Công ty Hồ Gươm đã điều chỉnh nội dung hợp đồng, giới hạn rõ ràng quyền thay đổi kỹ thuật sau khi duyệt mẫu.

Thiệt hại tài chính – xu hướng tích cực: Tổng thiệt hại do thay đổi kỹ thuật muộn lên tới 17 triệu đồng năm 2023 (gấp đôi năm trước), nhưng giảm còn 5,2 triệu đồng trong năm 2024, tương ứng giảm gần 70%. Sự cải thiện này thể hiện hiệu quả của việc áp dụng điều khoản giới hạn giám sát và nâng cao ý thức của bên đặt gia công trong hợp tác.

2.2.2.2. Về quyền và nghĩa vụ của bên nhận gia công

a) Nghĩa vụ sản xuất đúng mẫu mã, tiêu chuẩn kỹ thuật

Theo quy định tại Điều 182 Luật Thương mại 2005, bên nhận gia công có nghĩa vụ “gia công đúng số lượng, chất lượng, mẫu mã theo yêu cầu của bên đặt gia công”, đồng thời đảm bảo tiến độ và phương thức giao nhận đã thỏa thuận trong hợp đồng. Quy định này thể hiện nguyên tắc tuân thủ hợp đồng là bắt buộc đối với bên nhận gia công, đồng thời đặt ra yêu cầu cao về kỹ thuật, quy trình và năng lực sản xuất.

Trong thực tiễn tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm, việc đảm bảo đúng mẫu mã, tiêu chuẩn kỹ thuật là yếu tố cốt lõi trong duy trì uy tín với đối tác, đặc biệt là các thị trường xuất khẩu cao cấp như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức. Công ty hiện thực hiện sản xuất theo phương thức “may mẫu gốc – đối chiếu – sản xuất đại trà”, trong đó mẫu chuẩn được duyệt bởi cả hai bên trước khi đưa vào dây chuyền sản xuất. Quy trình kiểm tra chất lượng (QC) nội bộ được thực hiện theo từng công đoạn: cắt vải, may ráp, kiểm màu, ép nhãn và đóng gói.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp, bên nhận gia công vẫn gặp phải những khó khăn dẫn đến vi phạm nghĩa vụ sản xuất đúng kỹ thuật. Cụ thể:

Chất lượng nguyên liệu do bên đặt cung cấp không đồng đều, ảnh hưởng đến độ bền hoặc màu sắc sản phẩm (ví dụ, đơn hàng xuất khẩu sang Đức tháng 7/2023 phải gia công lại 5% do vải denim bị lem màu).

Thông số kỹ thuật thay đổi muộn, sau khi dây chuyền đã vận hành (thường gặp ở các đơn hàng của đối tác Singapore và Đài Loan), khiến bên nhận phải điều chỉnh lại máy móc và quy trình.

Lỗi sản xuất do thao tác thủ công, như may sai đường chỉ, in sai màu sắc hoặc thiếu nhãn mác – thường xảy ra ở công đoạn hoàn thiện

Theo báo cáo chất lượng nội bộ năm 2023, tỷ lệ lỗi kỹ thuật bình quân là 2,8%, trong đó có tới 1,1% lỗi liên quan trực tiếp đến việc không bám sát mẫu gốc. Đáng chú ý, có 3 hợp đồng phải gia hạn thời gian giao hàng do sai mẫu, gây thiệt hại chi phí khắc phục khoảng 12,3 triệu đồng (theo báo cáo 09/BC-KTCL/2023).

Từ góc độ pháp lý, hành vi không sản xuất đúng mẫu đã duyệt có thể bị coi là vi phạm nghĩa vụ hợp đồng (Điều 351 Bộ luật Dân sự 2015) và có thể phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại (Điều 419). Để hạn chế rủi ro, Công ty Hồ Gươm từ năm 2024 đã áp dụng biện pháp:

- + Yêu cầu bên đặt gia công ký xác nhận mẫu gốc trước khi triển khai.
- + Sử dụng quy trình đối chiếu bán thành phẩm định kỳ, đặc biệt ở các công đoạn dễ xảy ra sai lệch (in màu, khâu nhãn).
- + Đào tạo lại công nhân về thao tác kỹ thuật và quy trình chuẩn hóa theo tiêu chuẩn ISO.

Qua đó, nghĩa vụ sản xuất đúng mẫu không chỉ là yêu cầu mang tính pháp lý mà còn là điều kiện sống còn trong thị trường gia công hiện nay. Việc thực hiện tốt nghĩa vụ này giúp hạn chế rủi ro tranh chấp, giảm tổn thất tài chính và nâng cao khả năng hợp tác lâu dài với đối tác quốc tế.

Bảng 2.7. Tình hình thực hiện nghĩa vụ sản xuất đúng mẫu mã, tiêu chuẩn kỹ thuật giai đoạn 2022–2024

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2023/2022 (%)	2024/2023 (%)
Tổng số hợp đồng gia công thực hiện	137	160	178	+16,8	+11,3
Hợp đồng có mẫu gốc được phê duyệt trước sản xuất	121	148	170	+22,3	+14,9
Số hợp đồng phát sinh lỗi sai mẫu kỹ thuật	9	11	4	+22,2	-63,6
Tỷ lệ lỗi kỹ thuật bình quân trên tổng sản phẩm (%)	3,1	2,8	1,6	-9,7	-42,9
Thiệt hại tài chính do sai mẫu (triệu VND)	10,6	12,3	4,7	+16,0	-61,8
Số hợp đồng bị gia hạn do lỗi mẫu	2	3	1	+50,0	-66,7

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

Bảng số liệu phản ánh tương đối rõ nét sự chuyển biến tích cực trong việc thực hiện nghĩa vụ sản xuất đúng mẫu mã, tiêu chuẩn kỹ thuật của Công ty Hồ Gươm trong ba năm gần đây.

Gia tăng số lượng hợp đồng và sự chuyên nghiệp trong quản lý mẫu gốc: Tổng số hợp đồng gia công tăng từ 137 (2022) lên 178 (2024), tương ứng mức tăng gần 30% sau hai năm. Đáng chú ý, số hợp đồng có mẫu gốc được phê duyệt trước khi sản xuất tăng từ 121 lên 170, thể hiện sự cải thiện trong công tác kiểm soát đầu vào và xác lập tiêu chuẩn kỹ thuật giữa các bên. Tỷ lệ hợp đồng có phê duyệt mẫu đạt gần 96% tổng hợp đồng trong năm 2024, cho thấy công ty đã nhận thức rõ vai trò pháp lý và kỹ thuật của việc thống nhất mẫu trước sản xuất.

Lỗi sai mẫu giảm rõ rệt, phản ánh hiệu quả kiểm soát quy trình: Số lượng hợp đồng phát sinh lỗi kỹ thuật liên quan đến sai mẫu giảm mạnh từ 11 (2023) xuống 4 (2024), tương đương giảm 63,6%. Tỷ lệ lỗi kỹ thuật bình quân cũng giảm từ 3,1% (2022) xuống chỉ còn 1,6% (2024) – mức cải thiện gần 50% cho thấy hệ thống quản lý chất lượng và đào tạo tay nghề công nhân đã phát huy hiệu quả.

Giảm thiểu thiệt hại tài chính và tranh chấp do sai mẫu: Thiệt hại tài chính do lỗi sai mẫu giảm từ 12,3 triệu đồng (2023) còn 4,7 triệu đồng (2024) – tương đương giảm gần 62%.

Đây là kết quả của việc chuẩn hóa quy trình đối chiếu mẫu và tăng cường kiểm tra giữa các công đoạn. Đồng thời, số hợp đồng bị gia hạn do sai mẫu cũng giảm còn 1 trường hợp duy nhất trong năm 2024, hạn chế đáng kể rủi ro chậm giao hàng – vốn thường bị quy trách nhiệm pháp lý cho bên nhận gia công.

b) Nghĩa vụ bảo quản và hoàn trả nguyên liệu, bán thành phẩm

Theo quy định tại khoản 2 Điều 182 Luật Thương mại 2005, bên nhận gia công có nghĩa vụ “bảo quản nguyên liệu, vật tư, thiết bị, bán thành phẩm do bên đặt gia công cung cấp và phải hoàn trả phần còn lại sau khi hợp đồng chấm dứt”. Đây là nghĩa vụ mang tính song hành với quyền sử dụng nguyên liệu phục vụ gia công, nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp và tài sản của bên đặt hàng, đồng thời là căn cứ xác định trách nhiệm dân sự nếu có tổn thất xảy ra.

Trong thực tiễn tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm, phần lớn nguyên liệu phục vụ sản xuất như vải dệt, nhãn mác, phụ kiện (khuy, khóa, chỉ) được bên đặt gia công nhập khẩu trực tiếp hoặc cung cấp từ nguồn riêng, theo phương thức giao kho định kỳ. Trách nhiệm bảo quản được quy định chi tiết trong hợp đồng, bao gồm: phân loại, lưu kho riêng biệt, ghi nhật ký xuất – nhập – tồn, kiểm kê định kỳ và xử lý hàng lỗi.

Tuy nhiên, qua theo dõi thực tiễn giai đoạn 2022–2024, vẫn ghi nhận một số khó khăn và rủi ro phát sinh:

Môi trường bảo quản chưa đồng bộ: Một số kho chưa đạt tiêu chuẩn bảo quản theo yêu cầu kỹ thuật (độ ẩm, nhiệt độ), gây giảm chất lượng vải (đặc biệt với vải polyester, sợi bamboo).

Lỗi thao tác trong khâu kiểm nhận nguyên liệu đầu vào dẫn đến sai lệch số lượng hoặc chất lượng, ảnh hưởng đến nghĩa vụ hoàn trả chính xác nguyên liệu còn lại.

Thiếu hệ thống số hóa trong quản lý bán thành phẩm: Việc cập nhật bằng sổ sách thủ công hoặc file Excel dễ dẫn đến sai lệch, nhầm lẫn, đặc biệt ở các lô hàng lớn.

Theo báo cáo số 18/BC-VT/2023, năm 2023 có 7 vụ việc phải lập biên bản xử lý do hư hại nguyên liệu vượt ngưỡng cho phép (trị giá thiệt hại khoảng 8,2 triệu đồng), trong đó có 1 vụ liên quan đến việc bán thành phẩm bị ẩm mốc do rò rỉ kho. Năm 2024, công ty đã thí điểm ứng dụng hệ thống quản lý tồn kho điện tử (WMS) giúp kiểm soát hàng tồn theo mã QR, giảm đáng kể tình trạng mất mát và nâng cao độ chính xác trong khâu hoàn trả.

Từ góc độ pháp lý, nếu không bảo quản đúng quy định, bên nhận gia công có thể bị coi là vi phạm nghĩa vụ bảo quản tài sản (theo Điều 559 và 560 Bộ luật Dân sự 2015, về bảo quản tài sản được giao). Nếu gây thiệt hại, bên nhận có thể phải bồi thường toàn bộ hoặc một phần, tùy theo mức độ lỗi.

Tóm lại, nghĩa vụ bảo quản và hoàn trả nguyên liệu, bán thành phẩm không chỉ là yêu cầu mang tính kỹ thuật mà còn là nội dung trọng yếu trong việc bảo đảm

trách nhiệm tài sản của bên nhận gia công. Việc thực hiện đầy đủ và chuyên nghiệp nghĩa vụ này sẽ góp phần giảm thiểu tranh chấp, bảo vệ uy tín doanh nghiệp và tạo nền tảng cho hợp tác lâu dài với đối tác.

Bảng 2.8. Thực trạng bảo quản và hoàn trả nguyên liệu, bán thành phẩm giai đoạn 2022–2024

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2023/2022 (%)	2024/2023 (%)
Tổng số hợp đồng có nguyên liệu do đối tác cung cấp	124	145	162	+16,94	+11,72
Số vụ hư hỏng nguyên liệu vượt ngưỡng	6	7	3	+16,67	-57,14
Thiệt hại do bảo quản sai kỹ thuật (triệu VND)	6,8	8,2	3,5	+20,59	-57,32
Số hợp đồng không hoàn trả đúng nguyên liệu	4	5	1	+25,00	-80,00
Tỷ lệ hợp đồng phải điều chỉnh do lỗi lưu kho (%)	2,4%	3,1%	0,9%	+29,17	-70,97
Hợp đồng có sử dụng phần mềm quản lý tồn kho	0	18	42	–	+133,33

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

Bảng số liệu thể hiện rõ sự chuyển biến tích cực trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo quản và hoàn trả nguyên liệu, bán thành phẩm tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm trong 3 năm qua, nhất là từ năm 2023 trở đi – khi công ty bắt đầu ứng dụng công nghệ vào công tác lưu trữ và quản lý kho.

Gia tăng số lượng hợp đồng có nguyên liệu do đối tác cung cấp: Từ 124 hợp đồng (2022) lên 162 hợp đồng (2024), tương đương mức tăng 30,65% trong vòng 2 năm. Điều này cho thấy xu hướng các bên đặt gia công ngày càng chủ động cung cấp nguyên vật liệu đầu vào, đồng thời đòi hỏi bên nhận gia công phải nâng cao trách nhiệm pháp lý trong việc bảo quản và hoàn trả. Sự gia tăng này cũng cho thấy Hồ

Gương đang mở rộng hợp tác với các đối tác có tiêu chuẩn kiểm soát đầu vào chặt chẽ hơn.

Rủi ro về bảo quản vẫn tồn tại trong năm 2023, nhưng giảm rõ rệt trong 2024. Số vụ hư hỏng nguyên liệu vượt ngưỡng tăng nhẹ từ 6 vụ (2022) lên 7 vụ (2023), nhưng giảm mạnh còn 3 vụ (2024) (-57,14%). Tương tự, thiệt hại tài chính do bảo quản sai kỹ thuật cũng giảm từ 8,2 triệu đồng (2023) xuống 3,5 triệu đồng (2024) (-57,32%). Đây là dấu hiệu rõ ràng của việc cải thiện điều kiện kho bãi và quy trình lưu trữ, cũng như kết quả từ việc số hóa quản lý kho.

Vấn đề hoàn trả nguyên liệu được cải thiện rõ rệt: Số hợp đồng không hoàn trả đúng nguyên liệu giảm mạnh từ 5 hợp đồng (2023) xuống 1 hợp đồng (2024), tức giảm 80%. Việc này góp phần quan trọng vào giảm thiểu tranh chấp hợp đồng, bởi lẽ nghĩa vụ hoàn trả là cơ sở pháp lý để xác định mức độ hoàn thành hợp đồng và đối chiếu thanh toán.

Tỷ lệ lỗi do lưu kho giảm mạnh nhờ ứng dụng công nghệ: Tỷ lệ hợp đồng phải điều chỉnh do lỗi trong quá trình lưu kho giảm từ 3,1% (2023) còn 0,9% (2024). Đặc biệt, số hợp đồng có sử dụng phần mềm quản lý tồn kho tăng từ 0 (2022) lên 42 (2024), cho thấy chuyển đổi số đã có tác động tích cực rõ rệt tới việc giảm thiểu rủi ro bảo quản và hoàn trả nguyên liệu.

c) Quyền được nhận thù lao và chi phí phát sinh hợp lý

Trong thực tiễn tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm, các khoản thù lao và chi phí thường được thỏa thuận chi tiết trong hợp đồng gia công, bao gồm:

- + Đơn giá gia công theo sản phẩm hoặc theo công đoạn, tùy đặc điểm kỹ thuật.
- + Chi phí đóng gói, vận chuyển nội bộ, xử lý phế phẩm, nếu được giao thêm nhiệm vụ ngoài phạm vi ban đầu.

- + Chi phí phát sinh hợp lý, như chi phí sửa chữa thiết bị do lỗi kỹ thuật từ phía bên đặt gia công, hoặc điều chỉnh dây chuyền nếu có thay đổi thiết kế đột xuất.

Tuy nhiên, một số khó khăn đã phát sinh trong quá trình thực hiện quyền này. Cụ thể, trong hợp đồng số 08/HGG-JKC/2023 với đối tác Nhật Bản, phía đối tác yêu cầu thay đổi quy cách may viền và bao bì vào sát ngày giao hàng, làm phát sinh hơn

24 triệu đồng chi phí nhân công và vật tư phụ. Mặc dù công ty đã gửi công văn đề nghị thanh toán bổ sung (theo Điều 8.2 của hợp đồng), nhưng đối tác từ chối với lý do “không được phê duyệt trước”. Tình huống này phản ánh thực trạng bên nhận gia công thường gặp rào cản trong việc chứng minh tính “hợp lý” của chi phí phát sinh, nhất là khi không được thể hiện rõ ràng trong hợp đồng hoặc không có xác nhận kịp thời từ bên đặt hàng.

Dưới góc độ pháp lý, quyền được thanh toán chi phí phát sinh hợp lý không chỉ được ghi nhận trong Luật Thương mại mà còn có liên hệ với quy định tại Điều 585 và 588 Bộ luật Dân sự 2015 về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và hoàn trả chi phí hợp lý trong trường hợp có lỗi từ bên kia. Do đó, nếu bên nhận gia công chứng minh được chi phí đó là cần thiết và do yêu cầu ngoài phạm vi ban đầu từ bên đặt gia công, thì hoàn toàn có cơ sở để yêu cầu thanh toán.

Để bảo đảm quyền này trên thực tế, Công ty Hồ Gươm đã chủ động bổ sung phụ lục về các khoản chi phí phát sinh được chấp nhận, đồng thời quy định rõ quy trình xác nhận chi phí bằng văn bản hoặc email trước khi thực hiện. Ngoài ra, công ty cũng tăng cường lưu trữ chứng từ, nhật ký sản xuất và đối chiếu công việc nhằm minh bạch hóa việc ghi nhận các khoản phát sinh.

Bảng 2.9. Thực trạng thanh toán thù lao và chi phí phát sinh hợp lý giai đoạn 2022–2024

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2023/2022 (%)	2024/2023 (%)
Tổng số hợp đồng có giá trị thù lao rõ ràng	121	144	159	+18,97	+10,42
Số hợp đồng phát sinh chi phí ngoài dự kiến	23	31	27	+34,78	-12,90
Tỷ lệ hợp đồng có phụ lục chi phí phát sinh (%)	41	55	68	+34,15	+23,64
Số đề nghị thanh toán chi phí phát sinh	19	26	24	+36,84	-7,69
Tỷ lệ đề nghị được đối tác chấp thuận (%)	68	65	79	-4,41	+21,54
Tổng giá trị chi phí phát sinh được thanh toán (triệu VND)	115	143	168	+24,35	+17,48

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

Qua bảng số liệu ta thấy:

Gia tăng số lượng hợp đồng có quy định rõ thù lao: Tổng số hợp đồng có điều khoản thù lao rõ ràng tăng từ 121 hợp đồng (2022) lên 159 hợp đồng (2024), tương đương mức tăng 31,4% trong vòng 2 năm. Điều này cho thấy Công ty Hồ Gươm đang ngày càng chuyên nghiệp hóa quy trình soạn thảo hợp đồng, đảm bảo quyền lợi pháp lý cho bên nhận gia công thông qua việc ràng buộc cụ thể mức thù lao và phương thức thanh toán. Tỷ lệ này cũng phản ánh sự trưởng thành trong quá trình đàm phán hợp đồng, cũng như sự minh bạch trong giao kết.

Tình trạng phát sinh chi phí ngoài dự kiến còn phổ biến, nhưng đang được kiểm soát: Năm 2023 ghi nhận 31 hợp đồng phát sinh chi phí ngoài dự kiến, tăng 34,78% so với năm 2022. Tuy nhiên, đến năm 2024 con số này đã giảm còn 27 hợp đồng (-12,90% so với 2023). Điều này cho thấy hiệu quả từ việc chủ động bổ sung phụ lục chi phí phát sinh trong hợp đồng, giúp giảm thiểu xung đột và kiểm soát rủi ro pháp lý.

Tăng tỷ lệ hợp đồng có phụ lục chi phí phát sinh: Tỷ lệ hợp đồng có phụ lục chi phí phát sinh tăng từ 41% (2022) lên 68% (2024). Đây là bước tiến rõ rệt trong việc nâng cao tính dự liệu pháp lý cho các tình huống phát sinh, giúp công ty có cơ sở vững chắc khi yêu cầu thanh toán từ bên đặt gia công. Việc bổ sung phụ lục giúp củng cố quyền nhận chi phí theo Điều 183 Luật Thương mại 2005, đồng thời làm giảm nguy cơ tranh chấp khi phát sinh chi phí ngoài thỏa thuận ban đầu.

Khả năng yêu cầu thanh toán chi phí phát sinh đang được cải thiện: Số lượng đề nghị thanh toán chi phí phát sinh tăng từ 19 (2022) lên 24 (2024), đồng thời tỷ lệ được chấp thuận tăng từ 68% lên 79%. Điều này cho thấy Công ty Hồ Gươm không chỉ chủ động yêu cầu thanh toán mà còn nâng cao khả năng chứng minh tính hợp lý của chi phí, đáp ứng đúng yêu cầu của pháp luật và tập quán thương mại quốc tế. Sự tăng trưởng này có mối liên hệ với việc công ty tăng cường lưu trữ chứng từ, nhật ký sản xuất và email xác nhận, từ đó cải thiện đáng kể khả năng bảo vệ quyền lợi pháp lý.

Tổng giá trị chi phí phát sinh được thanh toán tăng đều qua các năm: Từ 115 triệu đồng (2022) lên 168 triệu đồng (2024) (+46,1% sau hai năm), điều này phản ánh không chỉ khối lượng công việc tăng mà còn là kết quả của việc bảo vệ hiệu quả quyền tài chính hợp pháp của bên nhận gia công. Công ty đã nắm bắt đúng các quy định của pháp luật (Luật Thương mại 2005, BLDS 2015) để đảm bảo nghĩa vụ được thanh toán chi phí không bị bỏ qua hoặc từ chối không có căn cứ.

2.2.3. Các tranh chấp phát sinh và phương thức giải quyết tranh chấp

Trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng gia công, tranh chấp là điều khó tránh khỏi do sự khác biệt về cách hiểu hợp đồng, thay đổi điều kiện thực tế, hoặc do hành vi vi phạm nghĩa vụ của một trong các bên. Tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm, tranh chấp phát sinh chủ yếu tập trung vào ba nhóm vấn đề chính:

2.2.3.1. Các tranh chấp phổ biến

a) Tranh chấp về chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật

Tranh chấp về chất lượng và tiêu chuẩn kỹ thuật là loại tranh chấp phổ biến nhất trong các hợp đồng gia công tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm, chiếm khoảng 45% tổng số vụ việc phát sinh trong giai đoạn 2022–2024 (theo báo cáo tổng hợp của Phòng Pháp chế – mã số BC-PPC/2024-06). Loại tranh chấp này thường bắt nguồn từ sự khác biệt trong việc hiểu và áp dụng các quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, cũng như mức độ chấp nhận sai số của sản phẩm giữa các bên trong hợp đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 182 Luật Thương mại 2005, bên nhận gia công có nghĩa vụ "thực hiện việc gia công đúng theo mẫu mã, chất lượng, số lượng và thời hạn giao hàng đã thỏa thuận trong hợp đồng." Tuy nhiên, trong thực tiễn thực hiện hợp đồng tại Công ty Hồ Gươm, không ít trường hợp tiêu chuẩn kỹ thuật không được quy định rõ ràng hoặc có yếu tố kỹ thuật đặc thù khiến phát sinh mâu thuẫn trong quá trình nghiệm thu sản phẩm.

Một ví dụ điển hình là Hợp đồng số 05/HGG-TKM/2023 ký với đối tác Nhật Bản. Mặc dù sản phẩm được gia công theo đúng thông số kỹ thuật được nêu trong bản vẽ gốc, đối tác vẫn từ chối nhận hàng với lý do đường may lệch $\pm 2\text{mm}$ so với

mẫu trưng bày (dù mức sai số này vẫn trong ngưỡng cho phép theo tiêu chuẩn JIS công bố kèm hợp đồng). Tình huống này không chỉ làm chậm tiến độ giao hàng mà còn khiến công ty phải lưu kho hơn 2.000 sản phẩm, phát sinh chi phí tồn kho và kiểm lại hơn 12 triệu đồng.

Tương tự, trong năm 2022, một hợp đồng gia công với đối tác Hàn Quốc đã bị khiếu nại do độ sai lệch màu sắc vải vượt mức 2% so với tiêu chuẩn ISO 105 quy định trong phụ lục kỹ thuật. Mặc dù Công ty Hồ Gươm sử dụng đúng loại thuốc nhuộm như ban đầu, điều kiện môi trường và lô nguyên liệu đầu vào đã khiến kết quả khác biệt nhẹ, dẫn đến khiếu kiện kéo dài hơn 2 tháng và buộc công ty phải chấp nhận giảm giá trị thanh toán 5% tổng đơn hàng để duy trì quan hệ đối tác.

Qua các trường hợp trên, có thể thấy nguyên nhân cốt lõi của các tranh chấp chất lượng thường nằm ở:

- + Thiếu chi tiết trong việc quy định mẫu mã và thông số kỹ thuật ràng buộc trong hợp đồng.
- + Không làm rõ mức độ sai số chấp nhận được trong từng chỉ tiêu kỹ thuật.
- + Không quy định rõ phương pháp và công cụ đánh giá chất lượng (tiêu chuẩn ISO, JIS, AATCC...).

Ngoài ra, thực tế cũng cho thấy bên đặt gia công thường có yêu cầu khắt khe hơn so với hợp đồng đã ký, đặc biệt trong các hợp đồng có yếu tố nước ngoài. Điều này đòi hỏi Công ty Hồ Gươm phải nâng cao năng lực pháp lý trong khâu soạn thảo hợp đồng, nhất là với các điều khoản về nghiệm thu kỹ thuật và phương pháp giải quyết khi có sai số kỹ thuật nhỏ.

Về mặt pháp lý, để hạn chế tranh chấp, công ty nên chú trọng:

- + Soạn thảo phụ lục kỹ thuật chi tiết đi kèm hợp đồng với sự thống nhất về tiêu chuẩn kiểm tra.
- + Quy định cụ thể các ngưỡng sai số kỹ thuật cho phép trong từng công đoạn sản xuất.
- + Ghi nhận bằng văn bản mọi thay đổi mẫu mã, chất lượng trong quá trình thực hiện.

Tóm lại, việc tranh chấp về chất lượng sản phẩm là hệ quả tất yếu nếu hợp đồng không được thiết kế kỹ lưỡng về mặt kỹ thuật và pháp lý. Để bảo vệ quyền lợi và hạn chế rủi ro, Công ty Hồ Gươm cần coi trọng khâu tư vấn pháp lý trong soạn thảo và đàm phán hợp đồng, đồng thời nâng cao khả năng quản trị rủi ro kỹ thuật trong từng lô hàng gia công.

b) Tranh chấp do thay đổi thiết kế, mẫu mã sát thời điểm giao hàng

Một trong những tranh chấp thường xuyên phát sinh trong hợp đồng gia công là việc bên đặt gia công thay đổi thiết kế, mẫu mã hoặc yêu cầu kỹ thuật khi quá trình sản xuất đã hoàn tất hoặc sắp hoàn tất. Theo quy định tại khoản 2 Điều 181 Luật Thương mại 2005, bên đặt gia công có quyền yêu cầu sửa đổi thiết kế trong quá trình thực hiện, nhưng cũng đồng thời có nghĩa vụ thanh toán các chi phí phát sinh hợp lý. Tuy nhiên, trên thực tế, không ít đối tác lợi dụng quyền này mà không nhận trách nhiệm đối với hậu quả tài chính hoặc tiến độ sản xuất.

Một trường hợp điển hình là hợp đồng số 21/HGG-ZS/2023 giữa Công ty Hồ Gươm và đối tác Z (Singapore). Khi sản phẩm đã hoàn tất và bước vào giai đoạn đóng kiện xuất khẩu, đối tác bất ngờ yêu cầu thay đổi thiết kế nhãn mác và quy cách đóng gói. Việc này không chỉ làm gián đoạn quy trình xuất hàng mà còn gây thiệt hại khoảng 17 triệu đồng (chi phí thay đổi vật tư in ấn, nhân công và tồn kho bao bì cũ). Dù phía Công ty Hồ Gươm đã gửi biên bản hiện trường và đề xuất thanh toán chi phí phát sinh, đối tác chỉ chấp nhận chi trả một phần, dẫn đến khiếu nại kéo dài và ảnh hưởng đến uy tín giao hàng đúng hạn.

Vấn đề này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc quy định rõ giới hạn thời gian được thay đổi thiết kế trong hợp đồng, cũng như cơ chế xác nhận chi phí bổ sung. Nhiều hợp đồng hiện nay vẫn chưa có điều khoản xử lý tình huống này cụ thể, dẫn đến tranh chấp kéo dài và khó phân định trách nhiệm.

Về mặt pháp lý, giải pháp được khuyến nghị là:

- + Thiết lập phụ lục về ngưỡng thời điểm khóa thiết kế (design lock-in).
- + Quy định rõ chi phí phát sinh được tính theo cơ chế đơn giá bổ sung hoặc biểu giá công khai.

+ Mọi thay đổi sau thời điểm chốt thiết kế cần có xác nhận văn bản từ cả hai bên.

c) Tranh chấp về thanh toán thù lao và chi phí phát sinh

Tranh chấp liên quan đến việc thanh toán thù lao gia công và các khoản chi phí phát sinh hợp lý là loại tranh chấp phổ biến thứ ba trong hợp đồng gia công tại Công ty Hồ Gươm, chiếm khoảng 20–25% tổng số vụ việc từ năm 2022 đến 2024 (theo Báo cáo số 12/BC-TCKT/2024).

Căn cứ khoản 1 Điều 183 Luật Thương mại 2005, bên đặt gia công có nghĩa vụ thanh toán thù lao gia công, chi phí nguyên liệu (nếu có thỏa thuận) và các khoản phát sinh hợp lý. Tuy nhiên, không ít trường hợp, bên đặt hàng từ chối thanh toán các khoản phát sinh, viện dẫn lý do chúng "chưa được thống nhất bằng văn bản", dù thực tế bên nhận gia công đã thực hiện đúng theo yêu cầu thông qua email, tin nhắn hoặc trao đổi trực tiếp.

Một điển hình là hợp đồng với Công ty M (Hồng Kông), năm 2022, trong đó đối tác yêu cầu gia công mẫu thử nghiệm bổ sung để kiểm nghiệm tại châu Âu, nhưng sau khi hàng được gửi, lại từ chối thanh toán chi phí sản xuất mẫu thử, dẫn đến thiệt hại hơn 9,5 triệu đồng. Mặc dù yêu cầu được gửi qua email và có xác nhận tiếp nhận, nhưng việc không lập phụ lục hợp đồng chính thức đã khiến tranh chấp rơi vào thế bất lợi cho phía Công ty Hồ Gươm.

Ngoài ra, một số tranh chấp còn phát sinh từ việc bên đặt gia công có tình kéo dài thời hạn thanh toán, hoặc trì hoãn chi phí sau nghiệm thu, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến dòng tiền và kế hoạch sản xuất tiếp theo.

Bảng 2.10. Số liệu tranh chấp gia công giai đoạn 2022–2024

Nội dung tranh chấp	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2023/2022 (%)	2024/2023 (%)
Số vụ tranh chấp do thay đổi thiết kế sát thời điểm giao hàng	4	7	5	+75,00	-28,57

Giá trị thiệt hại do thay đổi thiết kế (triệu đồng)	9,5	17,0	11,2	+78,95	-34,12
Số vụ tranh chấp về thù lao, chi phí phát sinh	6	9	11	+50,00	+22,22
Số vụ bên đặt gia công từ chối thanh toán chi phí phát sinh	3	5	6	+66,67	+20,00
Tỷ lệ tranh chấp được giải quyết thành công (%)	66,7	55,6	72,7	-16,67	+30,90
Thời gian trung bình giải quyết tranh chấp (ngày)	24	31	28	+29,17	-9,68

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

Qua bảng số liệu:

Tranh chấp do thay đổi thiết kế sát thời điểm giao hàng: Số vụ tranh chấp loại này có xu hướng tăng mạnh trong năm 2023, từ 4 vụ (2022) lên 7 vụ (2023), tương ứng tăng 75%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc các đối tác (nhất là doanh nghiệp FDI như từ Singapore, Nhật Bản) yêu cầu thay đổi mẫu mã, thiết kế hoặc bao bì khi quy trình sản xuất đã gần hoàn tất. Mặc dù năm 2024 số vụ giảm còn 5 vụ, cho thấy Công ty đã có cải thiện nhất định về quy trình chốt mẫu và kiểm soát thay đổi kỹ thuật, nhưng thiệt hại tài chính vẫn còn đáng kể (11,2 triệu đồng, giảm 34,12% so với 2023).

Tác động pháp lý: Loại tranh chấp này phản ánh rõ sự thiếu quy định chặt chẽ về "ngưỡng thời điểm khóa thiết kế" (design lock-in) và thỏa thuận xử lý thay đổi kỹ thuật trong hợp đồng. Việc chưa có điều khoản cụ thể dẫn đến thiệt hại thường rơi về phía bên nhận gia công.

Tranh chấp về thanh toán thù lao và chi phí phát sinh: Số vụ tranh chấp tăng đều trong 3 năm: từ 6 vụ (2022) lên 9 vụ (2023) và 11 vụ (2024). Đây là nhóm tranh chấp phổ biến nhất, chiếm khoảng 30–35% tổng số tranh chấp. Đặc biệt, số vụ bên đặt hàng từ chối thanh toán chi phí phát sinh cũng tăng (từ 3 vụ lên 6 vụ trong 3 năm),

phản ánh thực tế là các chi phí bổ sung thường không được thỏa thuận hoặc xác nhận rõ ràng bằng văn bản pháp lý (hợp đồng, phụ lục, biên bản).

Mặc dù tỷ lệ tranh chấp được giải quyết thành công đã cải thiện vào năm 2024 (tăng từ 55,6% lên 72,7%), song thời gian xử lý vẫn tương đối dài (trung bình 28–31 ngày), gây ảnh hưởng đến dòng tiền và kế hoạch sản xuất của công ty.

Tác động pháp lý: Các tranh chấp về chi phí cho thấy nhu cầu cấp thiết phải quy định cụ thể hơn về căn cứ xác lập chi phí phát sinh và cơ chế xác nhận (email, biên bản điện tử). Đồng thời, hợp đồng cần **có** điều khoản chế tài khi chậm thanh toán hoặc từ chối không có lý do chính đáng

2.2.3.2. Phương thức giải quyết tranh chấp

Tranh chấp trong hợp đồng gia công là một hiện tượng tất yếu trong quan hệ thương mại, đặc biệt khi hợp đồng có yếu tố kỹ thuật phức tạp, thời gian thực hiện dài và liên quan đến nhiều bên. Tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm, tranh chấp trong hợp đồng gia công chủ yếu phát sinh ở ba nhóm: chất lượng kỹ thuật, thay đổi mẫu mã sát thời điểm giao hàng và thù lao – chi phí phát sinh. Để ứng phó, công ty đã xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp theo nguyên tắc “ưu tiên phương thức thân thiện – linh hoạt – hiệu quả”, kết hợp giữa thương lượng, hòa giải và trọng tài/tòa án. Mỗi phương thức đều có vai trò, ưu – nhược điểm khác nhau trong bối cảnh thực tiễn.

a) Thương lượng – Giải pháp ưu tiên hàng đầu

Thương lượng là phương thức giải quyết tranh chấp đầu tiên và phổ biến nhất tại Công ty Hồ Gươm. Căn cứ theo Điều 3 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2020, thương lượng là việc các bên tự trao đổi, thỏa thuận nhằm thống nhất phương án giải quyết tranh chấp mà không cần sự can thiệp của bên thứ ba. Đây là giải pháp được doanh nghiệp áp dụng trong khoảng 60–70% các trường hợp phát sinh mâu thuẫn từ nhẹ đến trung bình. Từ góc độ thực tiễn, thương lượng không chỉ là biện pháp tiết kiệm chi phí pháp lý và thời gian mà còn giữ được mối quan hệ hợp tác lâu dài – điều đặc biệt quan trọng trong các hợp đồng gia công lặp lại theo chu kỳ hàng năm.

Chẳng hạn, trong năm 2023, khi một đối tác châu Âu yêu cầu thay đổi màu sắc vải lót trong sản phẩm sau khi nguyên liệu đã nhập kho, Phòng Pháp chế phối hợp cùng bộ phận Kinh doanh đã chủ động đàm phán lại chi phí, thời gian điều chỉnh và đạt được đồng thuận chỉ trong 5 ngày, không phải tiến hành xử lý tranh chấp theo thủ tục pháp lý. Tuy nhiên, hạn chế lớn của thương lượng là phụ thuộc hoàn toàn vào thiện chí của các bên. Khi một trong hai bên không hợp tác, thiếu minh bạch hoặc kéo dài thời gian phản hồi, thương lượng trở nên không hiệu quả, gây ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất, giao hàng.

b) Hòa giải thông qua bên thứ ba (đối tác, hiệp hội)

Khi thương lượng thất bại hoặc không hiệu quả, phương thức hòa giải thông qua bên thứ ba trung lập thường được công ty lựa chọn tiếp theo. Theo quy định tại Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2024), hòa giải có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc tổ chức có uy tín và được cả hai bên đồng thuận. Tại Công ty Hồ Gươm, các tổ chức như Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS) hay đại diện vùng của đối tác là những đơn vị thường được lựa chọn làm trung gian hòa giải.

Trong thực tiễn, năm 2023, một vụ tranh chấp giữa Công ty Hồ Gươm và đối tác từ Hàn Quốc về chi phí phát sinh đã được giải quyết thành công nhờ sự hỗ trợ hòa giải của VCCI – Chi nhánh Hà Nội. Kết quả là bên đối tác đồng ý thanh toán 80% khoản chi phí phát sinh (tương đương 12 triệu đồng) và tiếp tục hợp tác bình thường. Việc sử dụng bên thứ ba giúp giảm thiểu căng thẳng giữa các bên và đảm bảo tính khách quan trong giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, hòa giải cũng không có giá trị bắt buộc thi hành nếu không được ghi nhận trong hợp đồng hoặc thỏa thuận rõ ràng về hiệu lực pháp lý. Do đó, nếu một bên không tuân thủ kết quả hòa giải, tranh chấp vẫn cần được chuyển sang trọng tài hoặc tòa án.

c) Trọng tài thương mại và Tòa án – Biện pháp cuối cùng

Khi các phương thức mềm không hiệu quả, Công ty Hồ Gươm buộc phải lựa chọn giải pháp pháp lý cuối cùng là trọng tài hoặc khởi kiện ra tòa án. Theo Điều 5 Luật Trọng tài thương mại 2010, các bên có quyền thỏa thuận lựa chọn trọng tài để

giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng. Nếu không có thỏa thuận hoặc thỏa thuận không rõ ràng, tranh chấp sẽ được giải quyết tại tòa án theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2024).

Tại Hồ Gươm, trọng tài thương mại – đặc biệt là Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) – được sử dụng chủ yếu trong các tranh chấp có yếu tố nước ngoài hoặc có giá trị lớn. Trung bình mỗi năm, công ty đưa khoảng 3–4 vụ việc ra trọng tài, chủ yếu liên quan đến tranh chấp chi phí phát sinh không được thanh toán. Trong khi đó, tranh chấp với đối tác trong nước hoặc giá trị nhỏ hơn thường được đưa ra tòa án nhân dân nơi công ty đặt trụ sở. Ưu điểm lớn của trọng tài và tòa án là phán quyết có giá trị thi hành, tạo tính răn đe và bảo vệ quyền lợi pháp lý rõ ràng. Tuy nhiên, đây cũng là phương thức tốn kém chi phí và mất thời gian (trung bình 30–45 ngày đối với trọng tài và 60–90 ngày với tòa), ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và chi phí vận hành doanh nghiệp.

Bảng 2.11. Tình hình tranh chấp và phương thức giải quyết tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm giai đoạn 2022–2024

Nội dung đánh giá	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	2023/2022 (%)	2024/2023 (%)
Số tranh chấp phát sinh từ hợp đồng gia công	11	15	12	+36,36	-20,00
Trong đó: tranh chấp về chất lượng kỹ thuật	4	6	5	+50,00	-16,67
Tranh chấp do thay đổi mẫu mã sát thời điểm giao hàng	3	5	4	+66,67	-20,00
Tranh chấp về thù lao, chi phí phát sinh	4	4	3	0,00	-25,00
Số tranh chấp giải quyết bằng thương lượng	7	10	9	+42,86	-10,00
Số tranh chấp hòa giải qua bên thứ ba	2	3	2	+50,00	-33,33
Số tranh chấp đưa ra trọng tài hoặc tòa án	2	2	1	0,00	-50,00

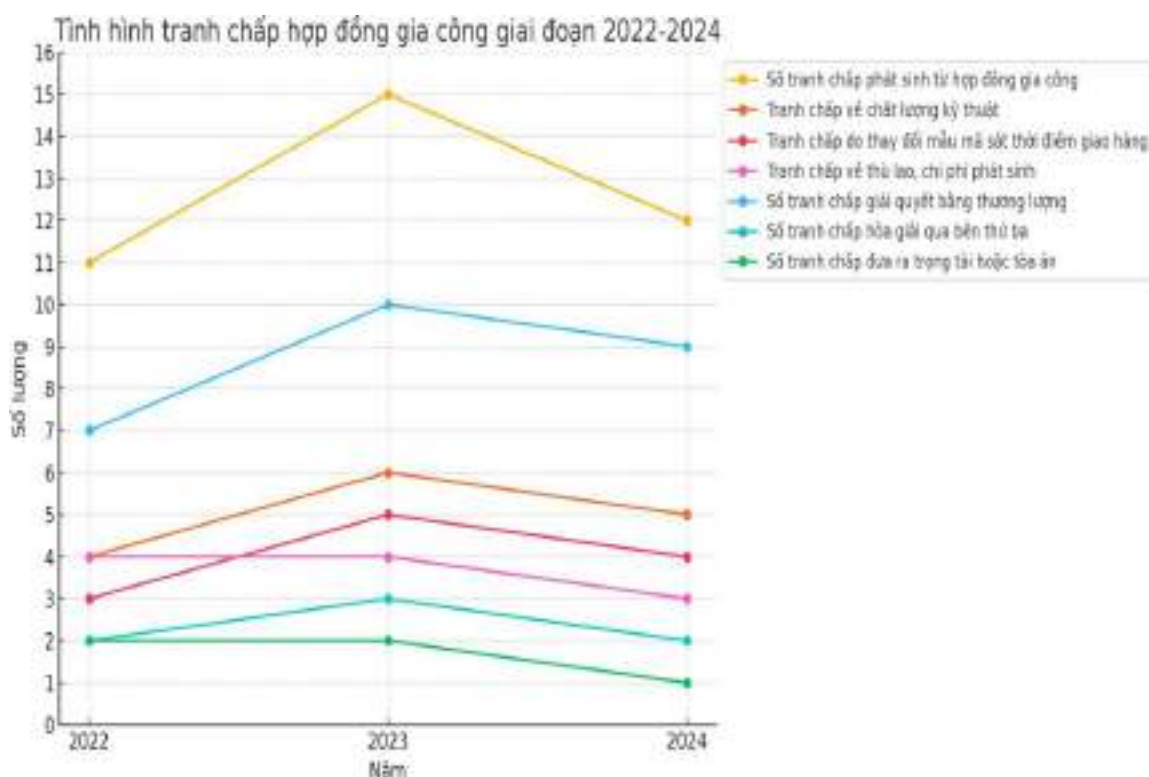
Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

Trong giai đoạn 2022–2024, số tranh chấp phát sinh từ hợp đồng gia công tại Công ty Hồ Gươm có xu hướng tăng trong năm 2023 (+36,36%), sau đó giảm nhẹ trong năm 2024 (-20%). Nhóm tranh chấp phổ biến nhất là về chất lượng kỹ thuật và thay đổi mẫu mã sát thời điểm giao hàng, đều có sự biến động theo hướng tăng năm 2023, giảm năm 2024, cho thấy phần nào hiệu quả của biện pháp kiểm soát kỹ thuật chặt chẽ hơn từ phía doanh nghiệp.

Về phương thức giải quyết, thương lượng vẫn là công cụ chính, chiếm phần lớn với 9–10 vụ mỗi năm, cho thấy doanh nghiệp ưu tiên xử lý tranh chấp theo hướng nội bộ, thân thiện. Trong khi đó, số vụ đưa ra trọng tài hoặc tòa án rất ít và có xu hướng giảm rõ rệt (chỉ còn 1 vụ năm 2024), cho thấy hiệu quả từ việc nâng cao năng lực pháp lý nội bộ và tăng cường các cơ chế giải quyết tranh chấp mềm dẻo như hòa giải qua bên thứ ba.

Tổng thể, xu hướng giảm tranh chấp trong năm 2024 phản ánh sự cải thiện trong quản trị hợp đồng, đặc biệt là ở khâu kỹ thuật, kiểm tra và thỏa thuận minh bạch các điều khoản chi phí trong quá trình đàm phán. Đây là dấu hiệu tích cực cho sự chuyên nghiệp hóa trong hoạt động ký kết và thực hiện hợp đồng gia công của công ty.

Biểu đồ dưới đây thể hiện số lượng tranh chấp phát sinh từ hợp đồng gia công tại công ty trong giai đoạn 2022–2024, bao gồm các loại tranh chấp về chất lượng kỹ thuật, thay đổi mẫu mã, chi phí phát sinh và các phương thức giải quyết tranh chấp như thương lượng, hòa giải và đưa ra trọng tài hoặc tòa án.



Hình 2.4. Tình hình tranh chấp hợp đồng gia công giai đoạn 2022–2024

Nguồn: Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

2.3. Đánh giá thực tiễn thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

2.3.1. Kết quả đạt được, ưu điểm

Trong giai đoạn 2022–2024, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm đã có nhiều bước tiến rõ rệt trong việc ký kết và thực hiện hợp đồng gia công, thể hiện qua sự chuyên nghiệp hóa quy trình đàm phán, soạn thảo và kiểm soát thực hiện hợp đồng. Những kết quả này không chỉ nâng cao hiệu quả kinh doanh mà còn góp phần giảm thiểu rủi ro pháp lý và tranh chấp phát sinh.

Thứ nhất, quy trình đàm phán và ký kết hợp đồng được chuẩn hóa và cải tiến. Nhờ ứng dụng hệ thống quản trị hợp đồng nội bộ (Contract Management Workflow), công ty đã rút ngắn thời gian từ tiếp nhận yêu cầu đến ký kết chính thức, đồng thời đảm bảo đầy đủ các khâu pháp lý, kỹ thuật và thương mại. Việc phân tầng trách nhiệm

rõ ràng giữa các phòng ban như Phòng Kinh doanh, Pháp chế, Sản xuất và Kế toán giúp giảm thiểu sai sót và nâng cao tính minh bạch trong giao dịch.

Thứ hai, tỷ lệ hợp đồng được hoàn tất đúng tiến độ và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật ngày càng tăng. Theo thống kê, năm 2024 có tới 178 hợp đồng được ký kết, tăng 29,9% so với năm 2022. Trong đó, trên 95% hợp đồng được thực hiện đúng cam kết về thời gian giao hàng, mẫu mã và tiêu chuẩn kỹ thuật, cho thấy năng lực tổ chức sản xuất và kiểm soát chất lượng đã được nâng lên đáng kể.

Thứ ba, công ty duy trì được mối quan hệ ổn định với các đối tác quốc tế, đặc biệt là từ Nhật Bản, Đức và Singapore. Việc đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật nghiêm ngặt từ phía đối tác, đồng thời chấp nhận quy trình giám sát chất lượng định kỳ, đã tạo dựng uy tín bền vững cho công ty trên thị trường gia công quốc tế.

Thứ tư, tỷ lệ tranh chấp nghiêm trọng giảm, thương lượng trở thành phương thức giải quyết chủ đạo. Trong năm 2024, chỉ có 1 vụ việc phải đưa ra cơ quan tài phán, trong khi phần lớn được xử lý hiệu quả thông qua thương lượng hoặc hòa giải. Điều này chứng tỏ công ty đã kiểm soát tốt các rủi ro phát sinh từ hợp đồng, nhờ quy trình soạn thảo chặt chẽ và đào tạo đội ngũ thực hiện hợp đồng bài bản.

Cuối cùng, ý thức pháp lý của cả hai bên – bên đặt và bên nhận gia công – được nâng cao rõ rệt. Điều này thể hiện qua việc tăng số lượng hợp đồng có điều khoản kiểm tra, giám sát kỹ thuật cụ thể và chi tiết (tăng từ 61 hợp đồng năm 2022 lên 83 hợp đồng năm 2024), cũng như việc ghi nhận các điều khoản chi phí phát sinh rõ ràng để tránh tranh chấp sau này.

2.3.2. Những tồn tại, hạn chế

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, hoạt động ký kết và thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm trong giai đoạn 2022–2024 vẫn tồn tại một số hạn chế đáng chú ý, ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi hợp đồng và tiềm ẩn nguy cơ phát sinh tranh chấp pháp lý.

Thứ nhất, chưa đồng bộ hóa quy trình pháp lý và kỹ thuật trong đàm phán hợp đồng. Một số hợp đồng vẫn bị ghi nhận tình trạng chậm thống nhất về thông số kỹ thuật, mẫu mã sản phẩm so với tiến độ soạn thảo hợp đồng. Điều này dẫn đến những

thay đổi sát thời điểm giao hàng, làm phát sinh chi phí và kéo theo tranh chấp (ví dụ: vụ việc với Công ty Z – Singapore năm 2023 gây thiệt hại 17 triệu đồng do thay đổi nhãn mác vào giai đoạn đóng kiện, theo báo cáo số 21/BC-PKD/2023). Nguyên nhân một phần là do bộ phận kỹ thuật và pháp chế chưa được tích hợp đầy đủ trong giai đoạn tiền đàm phán.

Thứ hai, thiếu cơ chế ràng buộc chặt chẽ về nghĩa vụ phối hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng. Một số hợp đồng không quy định cụ thể trách nhiệm cung cấp kịp thời mẫu chuẩn, bản thiết kế cập nhật hoặc xác nhận sản phẩm mẫu từ phía bên đặt gia công. Hậu quả là việc triển khai sản xuất bị chậm trễ hoặc phải điều chỉnh quy trình kỹ thuật, ảnh hưởng đến năng suất và chi phí. Đây là điểm yếu cần khắc phục thông qua việc tiêu chuẩn hóa các phụ lục kỹ thuật và lịch trình phối hợp.

Thứ ba, công tác giám sát nội bộ trong thực hiện hợp đồng còn mang tính hình thức ở một số khâu. Mặc dù số lượng hợp đồng có điều khoản giám sát kỹ thuật tăng, nhưng việc thực hiện các lần kiểm tra định kỳ chưa đồng đều, đặc biệt với khách hàng nhỏ lẻ hoặc thị trường trong nước. Việc thiếu nhật ký kiểm tra chi tiết và biên bản đánh giá từng giai đoạn sản xuất khiến công ty gặp khó khăn trong xử lý khi phát sinh lỗi kỹ thuật do bên thứ ba.

Thứ tư, năng lực pháp lý và kỹ năng xử lý tranh chấp của một bộ phận nhân sự chưa đáp ứng yêu cầu. Một số cán bộ kinh doanh, sản xuất chưa được đào tạo chuyên sâu về pháp luật hợp đồng hoặc quy trình giải quyết tranh chấp, dẫn đến việc thương lượng thiếu hiệu quả, hoặc bỏ lỡ thời điểm áp dụng điều khoản chế tài theo hợp đồng. Điều này khiến thời gian xử lý tranh chấp kéo dài và có thể gây thiệt hại uy tín với đối tác.

Thứ năm, việc cập nhật và vận dụng các quy định pháp luật mới chưa được thực hiện đồng bộ. Nhiều hợp đồng vẫn viện dẫn các văn bản pháp luật đã cũ hoặc không quy định chi tiết về cơ chế điều chỉnh hợp đồng theo Điều 420 Bộ luật Dân sự 2015 (về thay đổi hoàn cảnh). Điều này khiến công ty bị động khi xảy ra biến động giá nguyên liệu hoặc thay đổi chính sách xuất nhập khẩu.

2.3.3. Nguyên nhân của những hạn chế

2.3.3.1. Nguyên nhân chủ quan từ doanh nghiệp

Những tồn tại, hạn chế trong hoạt động ký kết và thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm, bên cạnh nguyên nhân khách quan từ thị trường và đối tác, phần lớn xuất phát từ các nguyên nhân chủ quan nội tại của doanh nghiệp. Các yếu tố này chủ yếu liên quan đến năng lực quản trị hợp đồng, nhận thức pháp lý, cơ chế kiểm soát nội bộ và tổ chức thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.

Thứ nhất, năng lực chuyên môn pháp lý của bộ phận liên quan còn hạn chế. Mặc dù công ty đã có phòng Pháp chế độc lập, nhưng việc tham gia của bộ phận này vào quá trình đàm phán và rà soát hợp đồng còn chưa toàn diện. Trong nhiều trường hợp, việc đánh giá rủi ro pháp lý và đề xuất cơ chế xử lý tranh chấp chưa được thực hiện kịp thời, dẫn đến việc một số điều khoản hợp đồng thiếu chặt chẽ, đặc biệt là điều khoản về phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại hoặc quyền điều chỉnh kỹ thuật từ phía bên đặt gia công.

Thứ hai, nhận thức chưa đầy đủ về vai trò của hợp đồng như công cụ phòng ngừa rủi ro. Một số cán bộ kinh doanh còn coi hợp đồng chỉ mang tính thủ tục hành chính thay vì là khung pháp lý quan trọng để bảo vệ quyền lợi và giới hạn nghĩa vụ. Điều này dẫn đến tình trạng sao chép mẫu hợp đồng, không phân tích sâu từng điều khoản với đối tác cụ thể, hoặc bỏ qua các quy định pháp luật mới (ví dụ: không áp dụng cơ chế điều chỉnh hợp đồng trong hoàn cảnh thay đổi theo Điều 420 BLDS 2015).

Thứ ba, công tác phối hợp giữa các phòng ban trong quá trình thực hiện hợp đồng còn thiếu đồng bộ. Trong giai đoạn sản xuất, có tình trạng phòng sản xuất và phòng kinh doanh không cập nhật kịp thời thay đổi kỹ thuật hoặc lịch giao hàng. Điều này làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng, đặc biệt khi bên đặt gia công yêu cầu kiểm tra, giám sát kỹ thuật định kỳ.

Thứ tư, hệ thống lưu trữ, giám sát và theo dõi tiến độ thực hiện hợp đồng chưa hoàn thiện. Công ty chưa xây dựng được một hệ thống quản trị hợp đồng điện tử toàn diện (Contract Lifecycle Management – CLM), dẫn đến việc truy xuất thông tin hợp đồng, quản lý phụ lục, điều chỉnh điều khoản hoặc theo dõi thời hạn thực hiện còn

phụ thuộc nhiều vào cá nhân thực hiện, tiềm ẩn rủi ro thất thoát hoặc thiếu thống nhất thông tin.

Thứ năm, thiếu chính sách đào tạo định kỳ về pháp luật thương mại và hợp đồng. Công ty hiện chưa tổ chức các khóa bồi dưỡng pháp lý định kỳ cho cán bộ quản lý, khiến nhiều nhân sự cấp trung chưa nắm vững quy định mới trong Luật Thương mại 2005, Bộ luật Dân sự 2015 và các thông lệ hợp đồng quốc tế. Đây là nguyên nhân khiến một số lỗi kỹ thuật trong hợp đồng không được phát hiện sớm hoặc xử lý linh hoạt theo đúng quy định.

2.3.3.2. Nguyên nhân khách quan từ môi trường pháp lý, thị trường, khách hàng

Bên cạnh các nguyên nhân chủ quan nội tại doanh nghiệp, những tồn tại trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm còn bắt nguồn từ các yếu tố khách quan bên ngoài, bao gồm sự biến động của môi trường pháp lý, đặc điểm của thị trường gia công quốc tế và hành vi từ phía khách hàng.

Thứ nhất, hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động gia công chưa hoàn thiện và đồng bộ. Hiện nay, hoạt động gia công chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau như: Luật Thương mại 2005, Bộ luật Dân sự 2015, Luật Quản lý ngoại thương 2017, Luật Hải quan, cùng các thông tư, nghị định chuyên ngành về thuế, xuất nhập khẩu, kiểm tra chất lượng... Tuy nhiên, giữa các văn bản này vẫn tồn tại sự chồng chéo, thiếu rõ ràng, đặc biệt trong các tình huống có yếu tố nước ngoài, như việc áp dụng luật điều chỉnh hợp đồng hoặc xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp qua trọng tài quốc tế. Luật Thương mại 2005 cho phép thỏa thuận hợp đồng gia công được linh hoạt, song lại thiếu quy định cụ thể về cơ chế kiểm soát việc thay đổi mẫu mã kỹ thuật trong giai đoạn thực hiện, dẫn đến khó khăn khi có tranh chấp phát sinh.

Thứ hai, biến động thị trường gia công và chuỗi cung ứng toàn cầu diễn ra phức tạp. Trong các năm 2022–2024, thị trường thế giới ghi nhận nhiều biến động như chi phí nguyên liệu tăng, đứt gãy chuỗi cung ứng, thay đổi chính sách hải quan

tại các quốc gia nhập khẩu (ví dụ: Nhật Bản, EU), khiến cả bên đặt và nhận gia công buộc phải điều chỉnh thỏa thuận nhiều lần trong quá trình thực hiện hợp đồng. Điều này gây áp lực lớn cho doanh nghiệp trong việc đáp ứng tiến độ, tiêu chuẩn, đồng thời khó duy trì ổn định các điều khoản cam kết ban đầu.

Thứ ba, khách hàng (bên đặt gia công) thường có vị thế đàm phán mạnh hơn.

Do công ty chủ yếu nhận gia công cho các đối tác nước ngoài lớn (Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore...), nên trong nhiều trường hợp, bên đặt gia công áp đặt sẵn mẫu hợp đồng, điều kiện kỹ thuật và cơ chế kiểm tra giám sát rất nghiêm ngặt. Dù các quy định như Khoản 2 Điều 181 Luật Thương mại 2005 chỉ cho phép giám sát nhưng không can thiệp sâu vào quá trình sản xuất, thực tế nhiều khách hàng vẫn thường xuyên yêu cầu điều chỉnh kỹ thuật, thay đổi đóng gói, hoặc kéo dài thời gian nghiệm thu – gây ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí và tiến độ thực hiện của bên nhận gia công.

Thứ tư, khác biệt pháp lý và văn hóa kinh doanh giữa các quốc gia. Trong hợp đồng với đối tác quốc tế, sự khác biệt về tiêu chuẩn pháp lý, tập quán thương mại, văn hóa giao tiếp, thậm chí cách hiểu thuật ngữ pháp lý (như “force majeure”, “liquidated damages”...) cũng gây khó khăn trong quá trình đàm phán và thực hiện. Một số tranh chấp phát sinh do sự hiểu khác nhau về quyền giám sát hay nghĩa vụ bảo mật thông tin – những nội dung mà pháp luật Việt Nam còn thiếu quy định chi tiết.

Thứ năm, quá trình giải quyết tranh chấp quốc tế còn tốn kém và kéo dài. Dù pháp luật Việt Nam hiện cho phép lựa chọn trọng tài thương mại (Luật Trọng tài thương mại 2010), nhưng chi phí thủ tục, dịch vụ pháp lý quốc tế và thời gian giải quyết vẫn là rào cản lớn, khiến doanh nghiệp vừa và nhỏ như Hồ Gươm gặp khó khăn khi đối tác không hợp tác hoặc cố tình kéo dài thương lượng.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 của đề án đã tập trung phân tích thực trạng ký kết và thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm trong giai đoạn 2022–2024, từ đó làm rõ những đặc điểm pháp lý và thực tiễn phát sinh trong từng giai đoạn của quá trình hợp tác gia công. Qua khảo sát và thống kê, có thể nhận thấy rằng hoạt động đàm phán, ký kết hợp đồng tại Công ty Hồ Gươm đã dần được chuẩn hóa, với quy trình bốn bước rõ ràng: từ tiếp nhận yêu cầu, đàm phán sơ bộ, soạn thảo hợp đồng đến ký kết chính thức. Số lượng hợp đồng hoàn tất ký kết liên tục tăng qua các năm, phản ánh xu hướng mở rộng hợp tác và tăng trưởng thị phần của doanh nghiệp trong lĩnh vực gia công.

Về thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên, Công ty nhìn chung đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành, đặc biệt là Luật Thương mại 2005 và Bộ luật Dân sự 2015. Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy một số vấn đề còn tồn tại như: tranh chấp phát sinh do thay đổi mẫu mã sát thời điểm giao hàng, mâu thuẫn về nghĩa vụ bảo quản nguyên liệu, hay khác biệt trong cách hiểu và thực hiện quyền giám sát kỹ thuật giữa các bên. Bên cạnh đó, nghĩa vụ thanh toán thù lao và chi phí phát sinh cũng là một trong những nội dung dễ xảy ra tranh chấp, đặc biệt khi điều khoản hợp đồng thiếu chi tiết hoặc không cập nhật các quy định pháp lý mới.

Chương 2 cũng đã đi sâu phân tích các nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong quá trình thực hiện hợp đồng. Về chủ quan, công ty còn thiếu chuyên môn pháp lý nội bộ, nhận thức chưa đầy đủ về vai trò pháp lý của hợp đồng, và chưa có hệ thống quản trị hợp đồng chuyên nghiệp. Về khách quan, những thách thức đến từ môi trường pháp luật chưa đồng bộ, sự chênh lệch về vị thế đàm phán giữa các bên, cũng như yếu tố văn hóa và pháp lý quốc tế đã góp phần tạo nên rủi ro trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công.

Những phân tích trong chương này là cơ sở để từ đó đưa ra các đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện cơ chế pháp lý và nâng cao hiệu quả thực hiện hợp đồng gia công tại doanh nghiệp, sẽ được trình bày cụ thể trong Chương 3 của đề án.

CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG GIA CÔNG TRONG LĨNH VỰC MAY MẶC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HỒ GƯƠM

3.1. Định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc

3.1.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia công trong bối cảnh hội nhập

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng và Việt Nam đã trở thành thành viên của nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – EU hay Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực, việc hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia công trở thành yêu cầu tất yếu để nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp, đặc biệt trong lĩnh vực may mặc – một ngành hàng xuất khẩu chủ lực của nền kinh tế.

Trước hết, pháp luật về hợp đồng gia công cần được hoàn thiện theo định hướng đồng bộ hóa và tương thích với các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Việc rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp lý hiện hành nhằm loại bỏ những mâu thuẫn, chồng chéo, đồng thời đảm bảo nguyên tắc minh bạch, công khai và ổn định là hết sức cần thiết để tạo niềm tin cho nhà đầu tư và đối tác nước ngoài khi thiết lập quan hệ gia công tại Việt Nam.

Thứ hai, cần định hướng hoàn thiện pháp luật theo hướng nâng cao khả năng điều chỉnh thực tiễn, phù hợp với đặc thù ngành hàng dệt may. Cụ thể, các quy định pháp lý nên chú trọng hơn đến nội dung cụ thể của hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc như tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, điều kiện bảo hành, điều khoản về sở hữu trí tuệ, trách nhiệm trong trường hợp xảy ra lỗi kỹ thuật hoặc vi phạm tiến độ sản xuất. Ngoài ra, cần có các hướng dẫn cụ thể, chi tiết hơn cho doanh nghiệp trong việc xử lý các vấn đề thường gặp như định mức tiêu hao nguyên vật liệu, thủ tục nhập

khẩu – xuất khẩu hàng gia công, xử lý phế phẩm, phế liệu, và thanh lý hợp đồng sau khi kết thúc.

3.1.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng gia công

3.1.2.1. Giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng đồng bộ, thống nhất và phù hợp với thực tiễn

Căn cứ đề xuất giải pháp

Hiện nay, hệ thống pháp luật điều chỉnh hợp đồng gia công tại Việt Nam đang tồn tại tình trạng phân tán, thiếu đồng bộ và còn nhiều điểm chưa phù hợp với thực tiễn hoạt động sản xuất – kinh doanh, đặc biệt trong các ngành như dệt may, da giày, linh kiện điện tử – những lĩnh vực có tỷ trọng lớn trong xuất khẩu thông qua hình thức gia công. Các quy định liên quan đến hợp đồng gia công hiện đang được điều chỉnh bởi nhiều văn bản pháp luật khác nhau như Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Quản lý ngoại thương, Luật Hải quan, cùng với các nghị định và thông tư hướng dẫn.

Nội dung giải pháp

Công ty cần xây dựng một văn bản chuyên biệt hoặc một bộ quy chế quản lý nội bộ riêng có tính chất hệ thống cao để điều chỉnh toàn diện hợp đồng gia công. Văn bản này cần tích hợp, kế thừa và sửa đổi các quy định hiện hành một cách hợp lý nhằm loại bỏ sự chồng chéo, mâu thuẫn giữa các luật hiện hành và đáp ứng yêu cầu quản lý trong bối cảnh mới. Trọng tâm của nội dung giải pháp bao gồm: (i) Rà soát toàn bộ các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan đến hợp đồng gia công để xác định những bất cập, thiếu thống nhất và những điểm cần sửa đổi; (ii) Xây dựng một khung pháp lý thống nhất, trong đó làm rõ các nguyên tắc giao kết, thực hiện và chấm dứt hợp đồng gia công, quyền và nghĩa vụ cụ thể của các bên, quy trình giải quyết tranh chấp, quy định mẫu hợp đồng chuẩn và các chế tài xử lý vi phạm; (iii) Lồng ghép các quy định phù hợp với các cam kết quốc tế, đặc biệt trong các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã tham gia, đồng thời có tính đến yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, an toàn lao động, chuyển giao công nghệ và phát triển công nghiệp hỗ trợ. Văn bản mới cũng cần đảm bảo tính linh hoạt để điều chỉnh các hoạt

động gia công không chỉ trong lĩnh vực truyền thống mà cả các lĩnh vực công nghệ cao, gia công số, phần mềm.

3.1.2.2. Tăng cường cơ chế bảo vệ quyền lợi và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện hợp đồng

Căn cứ đề xuất giải pháp

Trong thực tiễn thực hiện hợp đồng gia công, đặc biệt là trong lĩnh vực dệt may, doanh nghiệp Việt Nam vẫn đang đối mặt với nhiều rủi ro và thua thiệt về pháp lý, đặc biệt trong các hợp đồng có yếu tố nước ngoài. Các vấn đề thường phát sinh bao gồm: đối tác vi phạm điều khoản thanh toán, giao hàng chậm tiến độ, đơn phương thay đổi mẫu mã hoặc từ chối nhận hàng, gây tổn thất lớn cho bên gia công tại Việt Nam. Trong khi đó, cơ chế pháp lý bảo vệ quyền lợi cho doanh nghiệp còn khá hạn chế, do các quy định hiện hành chưa cụ thể, thiếu tính khả thi và còn bất cập trong việc thi hành pháp luật.

Nội dung giải pháp

Công ty cần thiết lập và phát triển cơ chế hỗ trợ pháp lý đa tầng và hiệu quả cho doanh nghiệp gia công, đồng thời xây dựng các thiết chế bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp một cách rõ ràng, khả thi trong khuôn khổ pháp luật. Cụ thể, phối hợp với các hiệp hội ngành nghề, có chức năng cung cấp tư vấn, hỗ trợ soạn thảo, rà soát, đàm phán hợp đồng, cũng như hướng dẫn doanh nghiệp xử lý tình huống tranh chấp phát sinh. Bên cạnh đó, cần ban hành các bộ quy tắc mẫu hợp đồng gia công theo từng lĩnh vực cụ thể – như may mặc, da giày, linh kiện điện tử – nhằm giúp doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro khi ký kết. Pháp luật cũng cần quy định rõ hơn về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vi phạm và bảo vệ lợi ích chính đáng của bên gia công trong các trường hợp đối tác nước ngoài không thực hiện đúng nghĩa vụ. Ngoài ra, cần hoàn thiện các quy định về bảo hiểm rủi ro hợp đồng, hỗ trợ doanh nghiệp được bảo vệ trong trường hợp bất khả kháng hoặc mất năng lực thanh toán từ phía đối tác. Cuối cùng, pháp luật cần có quy định riêng về việc ưu tiên giải quyết nhanh các tranh chấp hợp đồng gia công thông qua các thủ tục rút gọn tại tòa hoặc cơ chế trọng tài đơn giản, nhằm đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp được bảo vệ kịp thời và hiệu quả.

Điều kiện thực hiện giải pháp

Công ty cần đào tạo và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ pháp chế doanh nghiệp, thông qua các chương trình tập huấn chuyên sâu về hợp đồng quốc tế, kỹ năng đàm phán và quản trị rủi ro pháp lý. Bên cạnh đó, cần huy động các nguồn lực xã hội hóa, đặc biệt từ các tổ chức tư vấn luật uy tín và các cơ sở đào tạo luật, để hỗ trợ hoạt động tư vấn hợp đồng và cung cấp dịch vụ pháp lý với chi phí hợp lý.

3.1.2.3. Chuẩn hóa mẫu hợp đồng và quy trình thực hiện hợp đồng gia công Căn cứ đề xuất giải pháp

Thực tiễn áp dụng hợp đồng gia công tại Việt Nam cho thấy, đa số doanh nghiệp – đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa – chưa xây dựng được quy trình thực hiện hợp đồng một cách khoa học, đồng bộ và thống nhất. Việc soạn thảo hợp đồng chủ yếu dựa trên kinh nghiệm cá nhân hoặc mẫu hợp đồng cũ, dẫn đến tình trạng thiếu các điều khoản quan trọng, không cụ thể về quyền và nghĩa vụ của các bên, gây khó khăn trong quá trình thực hiện và xử lý vi phạm. Bên cạnh đó, quy trình triển khai hợp đồng cũng chưa được thiết lập theo một chuẩn mực chung, dẫn đến việc theo dõi tiến độ, kiểm tra chất lượng, bàn giao sản phẩm hay nghiệm thu – thanh toán không có sự phối hợp rõ ràng giữa các bộ phận.

Nội dung giải pháp

Giải pháp được đề xuất là xây dựng bộ mẫu hợp đồng gia công thống nhất và quy trình chuẩn thực hiện hợp đồng áp dụng cho các ngành nghề gia công chủ lực như may mặc, da giày, điện tử, cơ khí... Trước hết, cần tổ chức xây dựng các mẫu hợp đồng chuẩn theo từng lĩnh vực, với các điều khoản được thiết kế đầy đủ và chi tiết như: đối tượng hợp đồng, tiêu chuẩn kỹ thuật, tiến độ giao hàng, quyền sở hữu sản phẩm, quyền sở hữu trí tuệ, điều khoản thanh toán, bảo hành – bảo trì, các tình huống bất khả kháng và giải quyết tranh chấp. Mẫu hợp đồng cần được biên soạn phù hợp với thông lệ quốc tế và các cam kết thương mại mà Việt Nam đã ký kết, đồng thời đơn giản hóa để doanh nghiệp vừa và nhỏ dễ dàng áp dụng. Tiếp đến, cần ban hành quy trình thực hiện hợp đồng gia công từ khi tiếp nhận đơn hàng đến khi thanh lý, bao gồm các bước: phân tích yêu cầu – soạn thảo hợp đồng – ký kết – tổ chức thực

hiện – kiểm tra chất lượng – giao hàng – nghiệm thu – thanh toán – lưu trữ hồ sơ. Mỗi bước cần gắn với trách nhiệm rõ ràng của từng bộ phận trong doanh nghiệp như kinh doanh, kỹ thuật, pháp chế, kế toán và quản lý sản xuất. Việc thiết lập một “bộ công cụ pháp lý – quy trình” này sẽ giúp doanh nghiệp chủ động phòng ngừa rủi ro, nâng cao tính chuyên nghiệp, minh bạch và khả năng kiểm soát trong suốt vòng đời hợp đồng gia công.

Điều kiện thực hiện giải pháp

Trước tiên cần sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan chức năng và tổ chức nghề nghiệp, đặc biệt là Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp và các hiệp hội ngành nghề như Hiệp hội Dệt may, Hiệp hội Da giày, Cơ khí Việt Nam. Các cơ quan này cần chủ động xây dựng, ban hành hoặc công bố bộ mẫu hợp đồng chuẩn dưới dạng văn bản hướng dẫn mang tính pháp lý hoặc khuyến nghị chính thức, nhằm tạo căn cứ để doanh nghiệp áp dụng thống nhất.

3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả ký kết và thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm

3.2.1. Hoàn thiện nội dung hợp đồng, đàm phán và ký kết

Căn cứ đề xuất giải pháp

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc ký kết và thực hiện hợp đồng gia công ngày càng đóng vai trò then chốt đối với sự phát triển bền vững của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy vẫn còn tồn tại nhiều bất cập trong công tác xây dựng, đàm phán và ký kết hợp đồng. Các hợp đồng hiện hành thường thiếu tính chặt chẽ về mặt pháp lý, nhiều điều khoản chưa cụ thể, dẫn đến khó khăn trong thực hiện và phát sinh tranh chấp. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ phụ trách ký kết hợp đồng còn hạn chế về kỹ năng đàm phán và kiến thức pháp lý; các quy trình ký kết còn thủ công, rời rạc giữa các bộ phận, chưa có sự thống nhất cao. Tất cả những yếu tố này đã và đang làm giảm hiệu quả hoạt động gia công, làm tăng rủi ro cho doanh nghiệp.

Nội dung giải pháp

Công ty cần hoàn thiện quy trình xây dựng nội dung hợp đồng, đàm phán và ký kết hợp đồng gia công theo hướng chuyên nghiệp, chuẩn hóa và số hóa. Trước hết, Công ty cần xây dựng hệ thống mẫu hợp đồng chuẩn phù hợp với từng loại đối tác, đảm bảo đầy đủ các điều khoản về nghĩa vụ, quyền lợi, chất lượng sản phẩm, thời gian giao hàng, kiểm định, thanh toán, sở hữu trí tuệ và xử lý tranh chấp. Tiếp theo, cần triển khai các khóa đào tạo chuyên sâu cho cán bộ liên quan nhằm nâng cao kỹ năng đàm phán, phân tích rủi ro, và hiểu rõ các quy định pháp luật liên quan đến hợp đồng gia công. Bên cạnh đó, quy trình ký kết cần được số hóa thông qua phần mềm quản lý hợp đồng, giúp theo dõi tiến độ ký kết, nhắc hạn thực hiện và lưu trữ đồng bộ. Song song, doanh nghiệp cần thiết lập cơ chế kiểm tra, rà soát hợp đồng nhiều cấp, với sự tham gia của các phòng ban như pháp chế, kế toán, sản xuất và ban giám đốc, đảm bảo nội dung hợp đồng phản ánh đúng nhu cầu thực tiễn và phù hợp chiến lược phát triển của công ty.

Điều kiện thực hiện giải pháp

Để giải pháp đạt hiệu quả cao, trước hết cần có sự cam kết mạnh mẽ từ ban lãnh đạo trong việc coi công tác hợp đồng là một khâu chiến lược, đầu tư nguồn lực cả về tài chính lẫn con người. Tiếp theo, Công ty cần xây dựng đội ngũ chuyên trách hợp đồng có trình độ pháp lý, kinh tế và khả năng ngoại ngữ tốt, nhằm chủ động xử lý và thương lượng với đối tác trong các tình huống phát sinh.

3.2.2. Tăng cường quản lý, thực thi hợp đồng

Căn cứ đề xuất giải pháp

Thực tiễn hoạt động gia công tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm trong thời gian qua cho thấy, bên cạnh những bước tiến trong ký kết hợp đồng, việc quản lý và thực thi hợp đồng còn tồn tại nhiều điểm yếu. Không ít trường hợp tiến độ gia công bị chậm trễ, chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu, các nghĩa vụ tài chính thực hiện chưa đúng hạn hoặc việc xử lý vi phạm hợp đồng còn lúng túng. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc thiếu một hệ thống giám sát hợp đồng đầy đủ, các bộ phận thực hiện hợp đồng chưa phối hợp chặt chẽ, trách nhiệm cá nhân không được quy định rõ ràng và thiếu công cụ để theo dõi tiến độ. Trong bối cảnh thị trường ngày càng cạnh

tranh, yêu cầu khắt khe từ phía khách hàng và đối tác quốc tế ngày càng cao, nếu không tăng cường hiệu lực quản lý và thực thi hợp đồng thì doanh nghiệp dễ bị tụt hậu, mất uy tín và gặp rủi ro pháp lý.

Nội dung giải pháp

Công ty cần thiết lập hệ thống quản lý hợp đồng toàn diện theo hướng phân quyền trách nhiệm, gắn với kiểm tra định kỳ và cảnh báo sớm rủi ro trong quá trình thực hiện hợp đồng. Trước hết, cần xây dựng bản đồ phân công nhiệm vụ thực thi hợp đồng rõ ràng cho từng phòng ban và cá nhân chịu trách nhiệm, từ khâu sản xuất, cung ứng vật tư, kiểm tra chất lượng, giao hàng đến kế toán và thanh toán.

Điều kiện thực hiện giải pháp

Trước hết Công ty cần xây dựng hệ thống quản lý điều hành hợp đồng riêng biệt trên nền tảng phần mềm chuyên dụng, tích hợp chức năng phân quyền, cảnh báo và lưu trữ toàn bộ thông tin hợp đồng từ khi ký kết đến khi thanh lý. Thứ hai, cần ban hành quy chế nội bộ về thực thi hợp đồng, trong đó quy định rõ quy trình, trách nhiệm, thời hạn báo cáo, hình thức kiểm tra, các chỉ tiêu đánh giá và cơ chế thưởng – phạt minh bạch. Thứ ba, công ty cần đào tạo nội bộ định kỳ cho nhân sự ở các cấp về kỹ năng thực thi hợp đồng, quản trị rủi ro, xử lý vi phạm hợp đồng và phối hợp liên phòng ban. Cuối cùng, để giải pháp triển khai bền vững, cần có sự tham gia giám sát của ban kiểm soát nội bộ hoặc một bộ phận độc lập có quyền đánh giá khách quan quá trình thực hiện hợp đồng và kiến nghị xử lý sai sót.

3.2.3. Nâng cao kỹ năng pháp lý, năng lực nhân sự của Công ty

Căn cứ đề xuất giải pháp

Trong lĩnh vực gia công, đặc biệt với các hợp đồng có yếu tố nước ngoài hoặc mang tính dài hạn, yếu tố pháp lý và năng lực nhân sự đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo quyền lợi của doanh nghiệp và hạn chế rủi ro. Tuy nhiên, thực tiễn tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm cho thấy, phần lớn nhân sự tham gia ký kết và thực hiện hợp đồng vẫn chủ yếu xuất phát từ thực hành, thiếu nền tảng kiến thức pháp lý chuyên sâu, đặc biệt là luật thương mại quốc tế, luật sở hữu trí tuệ, quy tắc Incoterms, điều kiện thanh toán quốc tế hay các cơ chế giải quyết tranh chấp trọng

tài. Không ít trường hợp do thiếu hiểu biết pháp lý hoặc kỹ năng đánh giá rủi ro đã dẫn đến việc soạn thảo hợp đồng sơ sài, thương lượng yếu thế, xử lý vi phạm không kịp thời, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả thực hiện hợp đồng và uy tín công ty.

Nội dung giải pháp

Giải pháp hữu hiệu nhất được đề xuất là xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ nhân sự hợp đồng theo hướng chuyên sâu, chuyên biệt hóa và hội nhập, thông qua mô hình học tập kết hợp và thực hành thực tế. Cụ thể, Công ty cần tuyển chọn và xây dựng nhóm nhân sự chuyên trách về pháp lý hợp đồng, bao gồm các cán bộ pháp chế, nhân viên kinh doanh cấp cao, đại diện sản xuất có hiểu biết pháp lý – những người sẽ được đào tạo bài bản về luật thương mại, kỹ thuật hợp đồng, giải quyết tranh chấp, và đặc biệt là các hiệp định thương mại quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Các khóa đào tạo nên kết hợp giữa lý thuyết chuyên sâu từ chuyên gia luật, giảng viên đại học và đào tạo thực tế thông qua mô phỏng tình huống hợp đồng, phân tích hợp đồng mẫu, tổ chức các buổi đối thoại với luật sư, trọng tài viên, chuyên gia đàm phán quốc tế.

Điều kiện thực hiện giải pháp

Công ty cần dành ngân sách đào tạo chuyên biệt cho pháp luật thương mại và kỹ năng hợp đồng, đồng thời thiết lập quan hệ hợp tác với các tổ chức pháp lý uy tín như Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam, Viện nghiên cứu pháp luật kinh tế hoặc các khoa luật thuộc các trường đại học để được hỗ trợ tư vấn và đào tạo chuyên sâu. Thứ hai, cần ban hành chính sách phát triển nhân sự hợp đồng chuyên trách, tạo hành lang pháp lý và quy chế rõ ràng để tuyển dụng, đào tạo, đánh giá và giữ chân nhân tài trong lĩnh vực pháp lý hợp đồng.

3.3. Kiến nghị đối với Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền

3.3.1. Kiến nghị với Bộ Công thương, Bộ Nội vụ

Trong bối cảnh ngành may mặc Việt Nam đang đối mặt với những yêu cầu ngày càng cao từ thị trường quốc tế về chất lượng sản phẩm, tiến độ giao hàng, minh bạch hợp đồng và trách nhiệm xã hội, việc hoàn thiện khung pháp luật và nâng cao

hiệu quả thực hiện hợp đồng gia công trở thành yêu cầu cấp thiết. Đặc biệt, tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm – một doanh nghiệp lớn, có vị thế trong ngành may mặc, việc cải thiện hiệu quả thực hiện hợp đồng gia công không chỉ mang ý nghĩa nội bộ mà còn góp phần thúc đẩy năng lực cạnh tranh chung của ngành. Trên cơ sở đó, doanh nghiệp kiến nghị một số nội dung quan trọng đến Bộ Công Thương và Bộ Nội vụ nhằm hoàn thiện pháp luật và tăng cường hỗ trợ thực thi hiệu quả hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc.

Trước hết, kiến nghị Bộ Công Thương chủ trì rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động gia công trong ngành may mặc, cụ thể là xây dựng bộ hướng dẫn chuyên sâu về hợp đồng gia công cho ngành dệt may, bao gồm các mẫu hợp đồng chuẩn, điều khoản bắt buộc về chất lượng, tiến độ, thanh toán, kiểm tra hàng hóa và xử lý vi phạm. Trong thực tế, các doanh nghiệp như Hồ Gươm vẫn phải soạn thảo hợp đồng theo kinh nghiệm, thiếu cơ sở pháp lý chuẩn hóa dẫn đến rủi ro trong giao kết và thực hiện hợp đồng. Ngoài ra, Bộ Công Thương cần đẩy mạnh việc tổ chức tập huấn chuyên đề về pháp luật hợp đồng gia công, kỹ năng đàm phán và phòng ngừa tranh chấp cho cán bộ pháp chế, quản lý sản xuất và xuất nhập khẩu tại doanh nghiệp.

Thứ hai, kiến nghị Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Công Thương xây dựng đề án nâng cao năng lực quản trị hợp đồng trong các doanh nghiệp may mặc thông qua việc chuẩn hóa chức danh, nhiệm vụ và năng lực chuyên môn của cán bộ làm công tác pháp chế, quản lý hợp đồng tại doanh nghiệp. Trong thực tế, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm và nhiều doanh nghiệp cùng ngành đang thiếu đội ngũ chuyên trách về pháp lý có chuyên môn sâu trong lĩnh vực gia công, dẫn đến hạn chế trong việc kiểm soát rủi ro hợp đồng và xử lý tranh chấp. Bộ Nội vụ có thể xem xét đưa nội dung này vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý doanh nghiệp và ban hành quy định khuyến khích bố trí nhân sự pháp chế trong các doanh nghiệp sản xuất có quy mô lớn.

3.3.2. Kiến nghị với Hiệp hội Dệt may Việt Nam

Trong bối cảnh ngành dệt may Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu, việc hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao hiệu quả thực hiện hợp đồng gia công là yêu cầu cấp thiết đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm – một đơn vị có quy mô sản xuất lớn và nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực gia công xuất khẩu. Để hỗ trợ hiệu quả cho doanh nghiệp, Hiệp hội Dệt may Việt Nam – với vai trò là tổ chức đại diện ngành nghề, cầu nối giữa doanh nghiệp và Nhà nước – cần tích cực hơn trong việc đề xuất và tham gia xây dựng chính sách pháp luật liên quan đến hợp đồng gia công, nhất là trong lĩnh vực may mặc.

Thứ nhất, Hiệp hội nên chủ động kiến nghị với các cơ quan chức năng hoàn thiện hệ thống pháp luật về hợp đồng gia công theo hướng đơn giản, rõ ràng và phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp. Cụ thể, cần rà soát, sửa đổi và thống nhất các quy định liên quan đến khai báo định mức, xử lý phế liệu – phế phẩm, nhập khẩu nguyên liệu và quyết toán sau hợp đồng, giúp doanh nghiệp như Tập đoàn Hồ Gươm dễ dàng tuân thủ và giảm gánh nặng hành chính. Đồng thời, nên đề xuất bổ sung các quy định riêng cho từng hình thức gia công (CMT, FOB, ODM...) để phản ánh đúng thực tế hoạt động của các doanh nghiệp dệt may trong nước.

Thứ hai, Hiệp hội cần tăng cường tổ chức các chương trình tập huấn, hội thảo chuyên đề về pháp luật hợp đồng gia công nhằm nâng cao nhận thức pháp lý, kỹ năng đàm phán và quản trị rủi ro hợp đồng cho các doanh nghiệp hội viên. Với Tập đoàn Hồ Gươm, các buổi tập huấn chuyên sâu sẽ giúp đội ngũ pháp chế, kinh doanh và sản xuất hiểu rõ hơn về các điều khoản trọng yếu trong hợp đồng, từ đó hạn chế tranh chấp, đảm bảo quyền lợi và nâng cao hiệu quả thực hiện.

Thứ ba, Hiệp hội nên đẩy mạnh vai trò là đầu mối phản ánh khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp trong quá trình thực hiện hợp đồng gia công tới các bộ ngành, đồng thời tham gia xây dựng cơ chế thí điểm hoặc cơ chế đặc thù cho các doanh nghiệp có năng lực cao như Tập đoàn Hồ Gươm. Việc triển khai các mô hình liên kết – chia sẻ dữ liệu giữa hải quan, cơ quan thuế và doanh nghiệp thông qua Hiệp hội sẽ góp phần tăng tính minh bạch và hiệu quả trong quản lý hợp đồng gia công.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 của đề án đã tập trung đưa ra những định hướng và giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm. Trên cơ sở những bất cập và tồn tại được phân tích ở chương trước, chương này không chỉ đưa ra các định hướng mang tính chiến lược mà còn đề xuất các giải pháp mang tính thực tiễn, phù hợp với đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp và xu thế hội nhập quốc tế trong ngành dệt may.

Thứ nhất, về phương diện pháp luật, đề án đã nhấn mạnh sự cần thiết phải tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh hoạt động gia công, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Các định hướng hoàn thiện pháp luật bao gồm việc sửa đổi, bổ sung các quy định còn chưa rõ ràng về nghĩa vụ của các bên, cơ chế xử lý tranh chấp, điều kiện về tiêu chuẩn kỹ thuật và trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Thứ hai, đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm, đề án đã xây dựng một loạt giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện hợp đồng gia công từ bên trong doanh nghiệp. Cụ thể, việc hoàn thiện nội dung hợp đồng, nâng cao kỹ năng đàm phán, xây dựng quy trình kiểm soát hợp đồng chặt chẽ và ứng dụng các công cụ quản trị hiện đại là những bước đi quan trọng để doanh nghiệp giảm thiểu rủi ro và nâng cao tính chủ động trong quan hệ với đối tác. Đồng thời, đề án cũng nhấn mạnh vai trò của việc nâng cao năng lực pháp lý và kỹ năng chuyên môn cho đội ngũ nhân sự, đặc biệt là bộ phận pháp chế và nhân sự tham gia ký kết hợp đồng.

Thứ ba, đề án đã đưa ra những kiến nghị cụ thể đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền như Bộ Công Thương, Bộ Nội Vụ và Hiệp hội Dệt may Việt Nam nhằm tạo hành lang pháp lý minh bạch, thống nhất và thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp may mặc thực hiện hợp đồng gia công. Các kiến nghị bao gồm việc rà soát lại hệ thống văn bản pháp luật hiện hành, tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đồng thời thiết lập cơ sở dữ liệu hợp đồng và tổ chức các chương trình tập huấn chuyên sâu theo ngành nghề.

KẾT LUẬN

Đề án tốt nghiệp thạc sĩ với đề tài ***“Hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc theo pháp luật Việt Nam từ thực tiễn thực hiện tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm”*** đã đạt được các kết quả sau:

Thứ nhất, đề án đã khái quát rõ khái niệm, đặc điểm pháp lý và vai trò quan trọng của hợp đồng gia công trong lĩnh vực sản xuất, đặc biệt là ngành công nghiệp may mặc – lĩnh vực đang đóng vai trò then chốt trong cơ cấu xuất khẩu và tạo việc làm ở Việt Nam. Đề án hệ thống hóa một cách đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành từ Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật Quản lý Ngoại thương đến các nghị định, thông tư và hướng dẫn chuyên ngành. Bên cạnh đó, những bài học kinh nghiệm quốc tế từ Trung Quốc và Ấn Độ đã được phân tích để từ đó rút ra những kiến nghị giá trị cho Việt Nam trong việc hoàn thiện pháp luật và thúc đẩy hiệu quả thực hiện hợp đồng gia công trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay gắt.

Thứ hai, đề án đã đi sâu vào phân tích thực trạng thực hiện hợp đồng gia công tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm – một doanh nghiệp có vị trí đáng kể trong chuỗi cung ứng ngành dệt may. Qua việc đánh giá quy trình ký kết, thực thi hợp đồng, cũng như các tranh chấp và phương thức giải quyết tại doanh nghiệp, đề án đã làm rõ được cả những điểm mạnh lẫn tồn tại trong thực tiễn áp dụng pháp luật. Những bất cập trong việc soạn thảo điều khoản, giám sát thực hiện hợp đồng, cũng như kỹ năng đàm phán và quản lý pháp lý còn hạn chế đã được chỉ ra, đồng thời lý giải nguyên nhân từ cả phía doanh nghiệp và môi trường pháp lý.

Thứ ba, đề án đưa ra định hướng sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật nhằm tăng tính minh bạch, thống nhất và cập nhật phù hợp với thực tiễn ngành may mặc. Đối với doanh nghiệp, các giải pháp như nâng cao năng lực đàm phán, hoàn thiện mẫu hợp đồng, cải thiện năng lực thực thi, quản lý rủi ro pháp lý và đầu tư phát triển nhân sự pháp chế đã được xây dựng cụ thể. Bên cạnh đó, đề án còn đưa ra các kiến nghị đối với các cơ quan chức năng như Bộ Công Thương, Hiệp hội Dệt may Việt Nam về việc hướng dẫn, hỗ trợ pháp lý, cập nhật cơ sở dữ liệu và xây dựng hệ thống giám sát thực hiện hợp đồng hiệu quả hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công Thương (2025), *Báo cáo thường niên ngành dệt may Việt Nam 2022-2024*, Hà Nội.
2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm (2022), *Báo cáo kết quả hoạt động năm 2022*, Hà Nội.
3. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm (2023), *Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023*, Hà Nội.
4. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hồ Gươm (2024), *Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024*, Hà Nội.
5. Nguyễn Văn Cường (2019), *Hợp đồng gia công trong pháp luật thương mại Việt Nam – Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Luật học.
6. Nguyễn Minh Hạnh (2019), *Hợp đồng gia công và vai trò của nó trong ngành công nghiệp may mặc Việt Nam*, Tạp chí Công thương.
7. Trần Văn Hạnh (2017), *Hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc: Một số vấn đề pháp lý và thực tiễn áp dụng*, Tạp chí Luật học, (3).
8. Nguyễn Minh Hiếu (2021), *Hợp đồng thương mại trong hoạt động gia công may mặc – Thực tiễn và giải pháp*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo.
9. Nguyễn Thị Hồng (2018), *Thực tiễn ký kết và thực hiện hợp đồng gia công tại các doanh nghiệp dệt may Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật thương mại, Đại học Kinh tế Quốc dân.
10. Nguyễn Hữu Hùng (2020), *Giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.
11. Lê Thị Mai Hương (2018), *Giải quyết tranh chấp hợp đồng gia công trong ngành may mặc ở Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.
12. Trần Thị Lan (2017), *Pháp luật về hợp đồng gia công – Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.

13. Trần Ngọc Minh (2021), *Pháp luật về hợp đồng gia công – Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam*, Tạp chí Hội nhập và Phát triển.
14. Trần Văn Nam (2015), *Pháp luật về hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
15. Nguyễn Văn Quang (2020), *Một số vấn đề pháp lý về hợp đồng gia công trong lĩnh vực may mặc*, Tạp chí Công Thương.
16. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2015), *Bộ luật Dân sự năm 2015*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
17. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật Thương mại năm 2005*, 2015.
18. Lê Hồng Sơn (2019), *Pháp luật về hợp đồng gia công trong ngành dệt may Việt Nam*, Tạp chí Khoa học pháp lý.
19. Vũ Thị Thanh (2021), *Một số khía cạnh pháp lý của hợp đồng gia công trong ngành may mặc Việt Nam*, Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn.
20. Trường Đại học Luật Hà Nội (2021), *Giáo trình Luật Thương mại Việt Nam*, Nhà xuất bản Công an Nhân dân.